



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội
Tel: 024.3724 5999 Fax: 024.3724 5775
Email: contact@nvs.vn Website: www.nvs.vn

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(Dự kiến)

Thời gian tổ chức: Từ 8h00 ngày 18 tháng 04 năm 2025
Địa điểm tổ chức: Trụ sở chính Công ty CP Chứng khoán Navibank - Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà HandiResco, Số 521 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
	I. Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông
08h00	* Đón khách và kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông
	- Đón tiếp các Đại biểu mời.
	- Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông/Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCD.
	- Phát tài liệu cho cổ đông.
08h30	* Khai mạc Đại hội
	- Chào cờ.
	- Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu.
	- Báo cáo kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông/Đại diện cổ đông, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội.
	- Chủ tọa giới thiệu nhân sự Đoàn Chủ tịch; Ban Thư ký để ĐHĐCD thông qua.
	- Mời Đoàn Chủ tịch điều hành phiên họp ĐHĐCD.
	- Thông qua Chương trình họp ĐHĐCD.
	- Thông qua Thê lệ biểu quyết tại ĐHĐCD.
08h45	II. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán trình bày các nội dung
	1. Thông qua Báo cáo công tác quản trị điều hành năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị
	2. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025 của Ban Giám đốc
	3. Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2024
	4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên năm 2024
	5. Thông qua phương án lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2025
	6. Thông qua tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2024
	7. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung

	8. Thông qua Quy chế đầu tư sửa đổi bổ sung
	9. Thông qua Thay đổi số lượng Người đại diện theo pháp luật và thay đổi người đại diện theo pháp luật
	10. Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Phan Anh Tuấn và ông Lê Nguyễn Hoàng Anh
	11. Thông qua bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - ông Đặng Nguyễn Nam Anh và ông Hoàng Gia Bảo
	12. Tái bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do hết nhiệm kỳ
	13. Thông qua thay đổi mô hình tổ chức quản lý Công ty theo đơn đề nghị của cổ đông
	Chủ tọa điều hành Đại hội thảo luận và xin ý kiến biểu quyết của cổ đông về các nội dung được trình bày tại Đại hội.
10h50	III. Phát biểu của các Đại biểu
	IV. Thủ tục kết thúc Đại hội đồng cổ đông
11h15	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
11h30	- Bế mạc Đại hội.

- Lưu ý:** - Tất cả các tài liệu liên quan đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đều được đăng tải trên website www.nvs.vn muộn nhất vào ngày 14/04/2025 và được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- Các nội dung của chương trình có thể bổ sung tại cuộc họp.
 - ngoclongsg@gmail.com
 -

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Việc biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết để thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết theo các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Chứng khoán Navibank được tiến hành theo thẻ lệ sau đây:

I- HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT:

1. Cổ đông và Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Chứng khoán Navibank (ĐHĐCĐ) bằng hình thức sử dụng **Phiếu biểu quyết**.

2. Phiếu biểu quyết là phiếu in sẵn theo mẫu của Ban tổ chức, có đóng dấu Công ty CP Chứng khoán Navibank, được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội. Trong Phiếu có các thông tin về họ và tên của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.

3. Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ, Đoàn Chủ tịch Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau:

- Lần thứ nhất: Biểu quyết Đồng ý.
- Lần thứ hai: Biểu quyết Không đồng ý.
- Lần thứ ba: Biểu quyết Không có ý kiến.

Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (**Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến**) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4. Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại ĐHĐCĐ thực hiện theo hình thức sau: Tổng số Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm tổ chức Đại hội là **252.000.000.000** đồng, được chia thành **25.200.000** (*Hai mươi lăm triệu, hai trăm nghìn*) cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA:

Các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi thỏa mãn điều kiện sau đây:

1. Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

2. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định; tổ chức lại, giải thể công ty thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐẶNG HUY PHONG
(*đã ký*)

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về tình hình thực hiện Kế hoạch kinh doanh, hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty trong năm 2024, phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Khái quát chung về Công ty

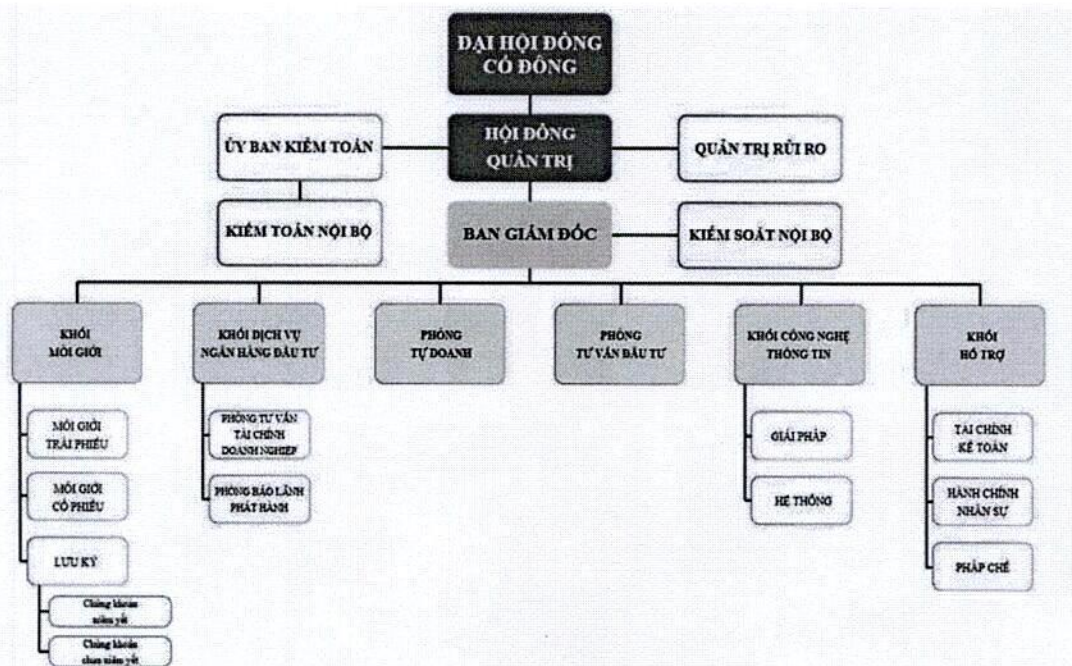
1.1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank là Công ty cổ phần hoạt động theo luật Chứng khoán Việt Nam:

- Trụ sở tại: Tầng 6, Tòa nhà Handiresco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội;
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 93/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/05/2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/05/2008, sửa đổi lần thứ ba ngày 24/01/2025.

1.2. Vốn điều lệ (VĐL) của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 252.000.000.000 đồng.

1.3. Tổ chức của Công ty gồm

- Hội đồng quản trị (HĐQT): 05 thành viên
 - Ông Đặng Huy Phong – Chủ tịch
 - Ông Lê Chí Phúc – Thành viên
 - Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh – Thành viên
 - Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân – Thành viên
 - Ông Phan Anh Tuấn – Thành viên
- Ban Giám đốc điều hành và bộ phận giúp việc như dưới đây:



2. Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty năm 2024

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Cuộc xung đột kéo dài giữa Nga – Ukraine và tình hình căng thẳng tại Trung Đông tiếp tục gây bất ổn lên chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới vẫn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiểm soát lạm phát, tạo ra áp lực đáng kể đối với tăng trưởng kinh tế. Theo dự báo của IMF, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt khoảng 2,7%, thấp hơn so với mức trung bình giai đoạn 2010 – 2019.

Tại Việt Nam, nền kinh tế dù có mức tăng trưởng khá cao (ước tính đạt 7,09%) nhưng vẫn đối diện với nhiều rủi ro. Các ngành xuất khẩu chủ lực chịu ảnh hưởng tiêu cực từ việc thắt chặt chi tiêu tại các thị trường lớn như Mỹ, EU và Trung Quốc. Lãi suất trong nước đã hạ nhiệt nhưng vẫn chưa đủ để kích thích tăng trưởng tín dụng. Thị trường bất động sản và tài chính chịu áp lực điều chỉnh mạnh sau giai đoạn tăng trưởng nóng trước đó.

Thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến nhiều biến động mạnh trong năm 2024. Chỉ số VN-Index tăng 15,8% so với đầu năm, nhưng phần lớn mức tăng này đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, trong khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn gặp nhiều khó khăn về thanh khoản. Tổng giá trị phát hành trái phiếu đạt 390 nghìn tỷ đồng, tăng 20,4% so với năm trước, nhưng áp lực trả nợ vẫn đè nặng lên nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực bất động sản.

Môi trường lãi suất thấp giúp một số doanh nghiệp có cơ hội tái cơ cấu nợ, tuy nhiên tăng trưởng tín dụng chậm khiến thanh khoản thị trường bị ảnh hưởng. Đối với các công ty chứng khoán, nguồn thu từ môi giới và tư vấn đầu tư chịu ảnh hưởng tiêu cực do tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động khó lường.

Trước những thách thức và thay đổi của thị trường, bối cảnh kinh tế vĩ mô và sự cạnh tranh gay gắt nói trên đặt ra thách thức vô cùng lớn đối với NVS trong năm 2024, với mục tiêu duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong đầu tư và đảm bảo tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường có nhiều khó khăn, NVS cũng không nằm ngoài ảnh hưởng tiêu cực khi các chỉ tiêu tài chính chính yếu đều giảm so với năm trước:

- Tổng doanh thu hoạt động: 71.198 triệu đồng, giảm 22,5% so với năm 2023.
- Lợi nhuận kế toán sau thuế: 2.076 triệu đồng, giảm 94,5% so với năm 2023.
- Tổng tài sản: 329.618 triệu đồng, giảm 14,8% so với năm 2023.
- Vốn chủ sở hữu: 324.590 triệu đồng, tăng 0,9% so với năm 2023.

(Số liệu căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán)

Công tác quản lý vốn và tài sản, quản lý chất lượng, quản lý đầu tư, quản lý lao động... theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty:

- Quản lý tài sản và dòng tiền: Công ty tiếp tục duy trì kỷ luật tài chính, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả và an toàn.
- Kiểm soát rủi ro: Chính sách kiểm soát rủi ro được thắt chặt, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư tài chính và quản lý danh mục.
- Chiến lược thích ứng: NVS đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh để tập trung vào các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, giảm phụ thuộc vào doanh thu từ chỉ một mảng nghiệp vụ.
- Các văn bản quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã thường xuyên được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý kinh doanh.
- Mặc dù doanh thu giảm 22,5%, NVS vẫn duy trì sự ổn định tài chính. Lợi nhuận sau thuế giảm mạnh 94,5% do áp lực chi phí hoạt động trong bối cảnh doanh thu suy giảm, phản ánh thách thức chung của ngành. Tổng tài sản giảm 14,8% do điều chỉnh danh mục đầu tư nhằm giảm rủi ro, trong khi vốn chủ sở hữu tăng nhẹ 0,9%, cho thấy công ty đã kiểm soát tốt chi phí và duy trì an toàn tài chính dù thị trường đầy biến động.

3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024

3.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng với Ban giám đốc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư nâng cấp hạ tầng, các vấn đề về nhân sự và quản lý của Công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị đã thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, phối hợp với Ban giám đốc kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị đã giám sát, đôn đốc Công ty thực hiện thành công việc đăng ký trở thành thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.
 - Phối hợp bộ phận Quản trị rủi ro để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo Công ty thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời trên cơ sở bám sát tình hình thực tế của Công ty.
 - Tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị đảm bảo cho Công ty phát triển đúng định hướng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
 - Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để xem xét quyết định các vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền Hội đồng quản trị.
 - Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Các Nghị quyết và quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của đa số thành viên Hội đồng quản trị.
 - Số lượng Nghị quyết ban hành trong năm 2024: 09 Nghị quyết.
- 3.2. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty
- Tổng giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho Công ty, tăng doanh thu và lợi nhuận.
 - Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị và các đề xuất của Ban kiểm soát Công ty. Tình hình tài chính về cơ bản được kiểm soát tốt. Vốn Chủ hữu bảo toàn và phát triển năm sau cao hơn năm trước.
 - Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
 - Giám sát việc sử dụng và quản lý, đầu tư tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, các chế độ khác đối với người lao động.

- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với Bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện kinh doanh hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty.
- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty, và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.
- Trong năm 2024, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động trong công tác chiêu mộ nhân tài, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của công ty, thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt và chế độ phúc lợi cho người lao động.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Hội đồng Quản trị nhận định rằng năm 2025 sẽ là giai đoạn quan trọng trong chu kỳ phục hồi kinh tế, với những cơ hội và thách thức đan xen. Các chính sách tiền tệ toàn cầu dự kiến tiếp tục nới lỏng, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng cũng đặt ra áp lực về lạm phát và tỷ giá. Trong nước, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tăng trưởng mạnh mẽ hơn, với động lực chính đến từ đầu tư công, tiêu dùng phục hồi và sự cải thiện của dòng vốn FDI. Tuy nhiên, những rủi ro như biến động thị trường tài chính, chính sách tiền tệ của các nước lớn và các xung đột địa chính trị vẫn cần được theo dõi chặt chẽ.

HDQT sẽ tập trung triển khai các chiến lược sau để tận dụng cơ hội từ sự phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường năm 2025:

- Nâng cấp hệ thống giao dịch và mở rộng tiếp cận khách hàng: Triển khai hệ thống phần mềm giao dịch mới vào nửa cuối năm 2025, giúp đa dạng hóa sản phẩm và tiếp cận nhiều đối tượng khách hàng hơn; Cải thiện trải nghiệm giao dịch với ứng dụng di động, tăng khả năng thu hút khách hàng mới.
- Đẩy mạnh mảng Môi Giới Cổ phiếu: Tăng cường phát triển và mở rộng thị phần môi giới, tận dụng xu hướng phục hồi của thị trường chứng khoán; Tối ưu hóa chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực đội ngũ tư vấn.
- Tận dụng cơ hội từ nâng hạng thị trường chứng khoán: Việt Nam có khả năng được nâng hạng lên thị trường mới nổi vào tháng 9/2025, tạo động lực thu hút dòng vốn nội và ngoại; Tận dụng tâm lý tích cực từ nhà đầu tư và cơ hội tăng trưởng thị trường.
- Đẩy mạnh hoạt động M&A, tập trung vào lĩnh vực năng lượng. Phát triển thị trường Nợ và tư vấn tài chính doanh nghiệp, thu xếp vốn vay cho các doanh nghiệp có nhu cầu, đồng thời mở rộng danh mục tư vấn tái cấu trúc tài chính và M&A. Tập trung thị trường vốn và sản phẩm tài chính mới, ưu tiên phân phối sơ cấp trước IPO, tìm kiếm đối tác chiến lược cho doanh nghiệp, đồng thời nghiên cứu và cấu trúc các sản phẩm tài chính tiềm năng nhằm gia tăng doanh thu cho Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin được cảm ơn sự cố gắng của cán bộ nhân viên trong Công ty; sự ủng hộ và tin tưởng của các Quý cổ đông, các đối tác trong năm qua. Rất mong tiếp tục nhận được sự động viên, giúp đỡ của các quý cổ đông và các đối tác trong năm 2024.

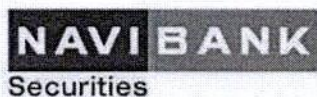
Kính mong quý cổ đông đóng góp ý kiến để xây dựng Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank ngày càng phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HC-NS.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Ban Giám đốc Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) như sau:

I. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024

Trong năm 2024, nền kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm xung đột địa chính trị kéo dài, biến động giá cả hàng hóa và sự thay đổi trong chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn. Mặc dù lạm phát tại nhiều quốc gia đã có xu hướng hạ nhiệt, nhưng tăng trưởng kinh tế toàn cầu vẫn chịu áp lực do tác động từ các chính sách thắt chặt tài chính trước đó. Tại Việt Nam, nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi với mức tăng trưởng GDP dự kiến đạt khoảng 6,2%, cao hơn so với năm 2023 nhưng vẫn thấp hơn giai đoạn trước đại dịch.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô có sự cải thiện, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng ghi nhận nhiều diễn biến tích cực hơn. Tổng kết năm 2024, các chỉ số chính của thị trường đều có sự tăng trưởng mạnh mẽ: VN-Index đạt 1.350 điểm, tăng 19,5% so với cuối năm 2023; HNX-Index đạt 265 điểm, tăng 15,2%; và Upcom-Index đạt 95,6 điểm, tăng 10%.

Năm 2024 chứng kiến sự phục hồi rõ nét hơn của thị trường. Nửa đầu năm, thị trường vận động trong biên độ từ 1.150 đến 1.300 điểm với thanh khoản trung bình đạt 22.500 tỷ đồng/phiên, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước. Sự cải thiện này được hỗ trợ bởi môi trường lãi suất thấp hơn và dòng tiền nội địa dần quay trở lại thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, giai đoạn này vẫn có những đợt điều chỉnh do ảnh hưởng từ diễn biến của thị trường tài chính quốc tế và dòng vốn ngoại.

Bước sang nửa cuối năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn, nhờ kỳ vọng vào việc nâng hạng thị trường và dòng vốn đầu tư nước ngoài quay trở lại. VN-Index đã có thời điểm vượt mốc 1.400 điểm trước khi điều chỉnh về vùng 1.350 điểm vào cuối năm. Thanh khoản thị trường tiếp tục được cải thiện, với giá trị giao dịch bình quân đạt 27.000 tỷ đồng/phiên, tăng 20% so với nửa đầu năm.

Trước những biến động và cơ hội của thị trường, Ban Giám đốc cùng đội ngũ cán bộ, nhân viên Công ty đã chủ động đưa ra các giải pháp linh hoạt, tận dụng xu hướng hồi phục của thị trường để đạt được các mục tiêu kinh doanh, đảm bảo sự phát triển bền vững và an toàn.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Kết quả kinh doanh	Năm 2023	Năm 2024	Thay đổi (%)
Kết quả kinh doanh chính (Triệu đồng)			
Doanh thu hoạt động	91.901	71.198	-22,61
Chi phí hoạt động	39.230	49.343	25,77
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	47.184	8.242	-82,53
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	37.934	2.076	-94,53
Bảng cân đối kế toán (Triệu đồng)			
Tổng tài sản	386.732	329.618	-14,77
Vốn chủ sở hữu	321.557	324.590	0,94
Các chỉ tiêu tài chính			
Thu nhập/Vốn cổ phần trung bình (ROAE)	12,54%	0,64%	-94,90
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) – đồng	1505	82	-94,55

1. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Năm 2024 (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	60.176	84,54%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	3.999	5,62%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	1728	2,42%
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		0,00%
Doanh thu nghiệp vụ Môi giới chứng khoán	2.934	1,31%
Doanh thu nghiệp vụ Bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	886	1,22%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.457	0,03%
Thu nhập hoạt động khác	18	0,03%
Tổng doanh thu	71.198	100%

Năm 2024, tổng doanh thu hoạt động của công ty đạt 71.198 triệu đồng, giảm so với mức 91.901 triệu đồng của năm 2023. Sự sụt giảm này phản ánh những khó khăn mà thị trường chứng khoán phải đối mặt, bao gồm thanh khoản thấp, tâm lý thận trọng của nhà đầu tư, và sự điều chỉnh chính sách tiền tệ:

- Cụ thể, lãi từ các tài sản tài chính FVTPL đạt 60.176 triệu đồng, vẫn là nguồn thu chủ lực chiếm 84,54%, nhưng có sự suy giảm so với năm trước. Nguyên nhân chính đến từ sự biến động mạnh của thị trường, khiến hoạt động tự doanh gặp nhiều thách thức hơn trong việc duy trì lợi nhuận ổn định. Tuy nhiên, điểm tích cực là thị trường có những thời điểm phục hồi, giúp công ty tối ưu hóa danh mục đầu tư để hạn chế rủi ro.
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt 3.999 triệu đồng, chiếm 5,62%, thấp hơn năm 2023. Điều này phản ánh sự thận trọng của công ty trong việc nắm giữ tài sản dài hạn nhằm bảo toàn vốn trong bối cảnh thị trường chưa có dấu hiệu tăng trưởng bền vững. Mặt khác, việc duy trì tỷ trọng HTM hợp lý cũng giúp công ty đảm bảo nguồn thu ổn định mà không chịu ảnh hưởng quá lớn từ các biến động ngắn hạn.
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu đạt 1.728 triệu đồng (2,43%), cho thấy nhu cầu vay ký quỹ giảm do nhà đầu tư dè dặt hơn khi sử dụng đòn bẩy tài chính. Tuy nhiên, việc thị trường dần thích nghi với các chính sách mới có thể mở ra cơ hội cải thiện trong nửa cuối năm.
- Mảng môi giới chứng khoán ghi nhận 934 triệu đồng (1,31%), tiếp tục bị ảnh hưởng do thanh khoản thị trường chưa phục hồi mạnh. Dù vậy, thị trường vẫn ghi nhận sự quan tâm từ các nhà đầu tư dài hạn, đặc biệt là khi có các chính sách hỗ trợ từ phía cơ quan quản lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho giao dịch.
- Ở mảng dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán đạt 868 triệu đồng (1,22%), phản ánh khó khăn của thị trường trái phiếu, đặc biệt là nhóm bất động sản. Tuy nhiên, với những điều chỉnh về mặt pháp lý và niềm tin dần phục hồi, hoạt động phát hành trái phiếu có thể dần lấy lại đà tăng trưởng trong thời gian tới.
- Nhìn chung, dù gặp nhiều thách thức, công ty vẫn duy trì được sự linh hoạt trong hoạt động kinh doanh, tối ưu danh mục đầu tư và nắm bắt các cơ hội thị trường. Việc tập trung vào các mảng có tiềm năng tăng trưởng như lưu ký chứng khoán và quản lý tài sản sẽ giúp công ty tiếp tục phát triển trong giai đoạn tới.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Sau đây là một số chỉ tiêu chính trích từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024:

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	376.861	318.787
I. Tài sản tài chính	376.647	318.443
II. Tài sản ngắn hạn khác	214	344
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	9.871	10.831

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2024
I. Tài sản tài chính dài hạn	2.233	2.232
II. Tài sản cố định	2.767	3.817
III. Chi phí xây dựng cơ bản	95	
IV. Tài sản dài hạn khác	4.775	4.782
TỔNG TÀI SẢN	386.732	329.618
A. NỢ PHẢI TRẢ	65.176	5.028
I. Nợ phải trả ngắn hạn	65.176	5.028
II. Nợ phải trả dài hạn	0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	321.557	324.590
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	252000	252000
II. Lợi nhuận chưa phân phối	69.557	72.633
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	386.732	329.618

Trong bối cảnh thị trường tài chính có nhiều biến động, công ty đã phải đối mặt với không ít thách thức, nhưng kết quả hoạt động vẫn thể hiện những tín hiệu tích cực, cụ thể:

- Cơ cấu tài sản có sự thay đổi hợp lý, khi tổng tài sản năm 2024 giảm xuống còn 329.618 triệu đồng so với 386.732 triệu đồng năm 2023, chủ yếu do giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn. Việc này phản ánh chiến lược tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng an toàn hơn, tập trung vào các tài sản có giá trị bền vững. Đặc biệt, tài sản dài hạn tăng nhẹ từ 9.871 triệu đồng lên 10.831 triệu đồng, cho thấy công ty tiếp tục đầu tư vào những danh mục dài hạn nhằm đảm bảo lợi nhuận ổn định trong tương lai.
- Nợ phải trả giảm mạnh từ 165.176 triệu đồng năm 2023 xuống chỉ còn 5.028 triệu đồng trong năm 2024. Đây là một tín hiệu cực kỳ tích cực, phản ánh việc công ty đã giảm đáng kể các khoản vay, tối ưu hóa chi phí tài chính, tăng tính chủ động trong hoạt động kinh doanh. Điều này giúp công ty có nền tảng tài chính vững chắc hơn, giảm áp lực nợ vay và rủi ro thanh khoản.
- Vốn chủ sở hữu năm 2024 đạt 324.590 triệu đồng, tăng nhẹ 0,94% so với năm 2023 (321.557 triệu đồng). Mức tăng này phản ánh sự ổn định của nguồn vốn trong bối cảnh thị trường vẫn đang trong giai đoạn phục hồi.

Mặc dù công ty vẫn đối diện với một số khó khăn từ thị trường tài chính chung, việc duy trì danh mục đầu tư an toàn, giảm nợ vay và gia tăng vốn chủ sở hữu là những yếu tố quan trọng giúp đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững trong thời gian tới.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Ban Giám đốc nhận định năm 2025 sẽ tiếp tục là một năm chuyển mình mạnh mẽ của nền

kinh tế, khi các chính sách tiền tệ nới lỏng từ các Ngân hàng Trung ương dần phát huy tác dụng, kích thích tăng trưởng và thanh khoản thị trường. Áp lực lạm phát dự kiến tiếp tục giảm, giúp duy trì mặt bằng lãi suất thấp, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh và đầu tư phát triển.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại những thách thức cần theo dõi chặt chẽ, đặc biệt là sự biến động của thị trường tài chính quốc tế, căng thẳng địa chính trị leo thang tại một số khu vực, cũng như những rủi ro tiềm ẩn từ thị trường bất động sản toàn cầu, đặc biệt là Trung Quốc. Ngoài ra, yếu tố tỷ giá và dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cũng cần được quan tâm khi nền kinh tế có sự phụ thuộc lớn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Việt Nam vừa nâng mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 lên ít nhất 8%. Sự điều chỉnh này phản ánh kỳ vọng vào sự phục hồi mạnh mẽ của sản xuất công nghiệp, thương mại và đầu tư công. Đồng thời, các chính sách tài khóa linh hoạt và biện pháp hỗ trợ từ Chính phủ sẽ tiếp tục tạo động lực cho doanh nghiệp mở rộng hoạt động và thu hút dòng vốn vào các lĩnh vực trọng điểm như hạ tầng, công nghệ và tài chính.

Nhìn từ những tín hiệu tích cực trong dài hạn, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty xác định chiến lược phát triển bền vững và chủ động đón đầu xu hướng thị trường. Để hiện thực hóa điều này, Ban Giám đốc đề ra các kế hoạch trọng điểm trong năm 2025 bao gồm:

Về kế hoạch phát triển doanh thu Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư:

- **Hoạt động M&A**
 - + Tiếp tục đẩy mạnh M&A trong lĩnh vực năng lượng, tập trung vào các dự án điện gió và điện mặt trời với đối tác Huaneng.
 - + Hoàn tất giao dịch (close deal) các dự án năng lượng quan trọng, mở rộng hợp tác với các tập đoàn lớn trong nước như Trung Nam, BIM.
 - + Mở rộng thị trường M&A sang lĩnh vực FMCG thông qua hợp tác với đối tác Nhật Bản và Trung Quốc.
- **Thị trường Nợ (Debt Capital Market)**
 - + Tiếp tục phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tập trung vào các doanh nghiệp có xếp hạng tín nhiệm tốt.
 - + Hoàn tất deal tái cơ cấu 800 tỷ đồng cho dự án thủy điện Hataco vào Q2/2025.
 - + Đẩy mạnh hợp tác với các ngân hàng thương mại để thu xếp vốn vay cho doanh nghiệp.
- **Thị trường Vốn (Equity Capital Market)**
 - + Hạn chế tư vấn hồ sơ IPO, tập trung vào phân phối sơ cấp trước khi niêm yết.
 - + Tăng cường kết nối với nhà đầu tư nước ngoài để thu xếp vốn cho doanh nghiệp trước IPO.
 - + Tiếp tục tư vấn nghiệp vụ cho các công ty thuộc tập đoàn như KBC và các thành viên khác.
- **Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp**
 - + Hỗ trợ doanh nghiệp tái cấu trúc tài chính, tìm kiếm đối tác chiến lược, thu xếp vốn vay.

- + Kết hợp tư vấn M&A với tái cơ cấu tổng thể doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả tài chính.
- **Phát triển sản phẩm tài chính**
 - + Tìm kiếm cơ hội mới để phát triển các sản phẩm tài chính phù hợp với nhu cầu thị trường.
 - + Hoàn thiện đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động và tăng trưởng trong năm 2025.

Mục tiêu trọng tâm của IB năm 2025 là đẩy mạnh M&A trong lĩnh vực năng lượng, phát triển thị trường Nợ và tăng cường tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư đặt kế hoạch năm 2024 sẽ đạt được kết quả doanh thu là 8.536.000.000 đồng, trong đó:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2024
1	Mua bán & Sáp nhập (M&A)	950.000.000
2	Thị trường vốn: IPO, phát hành, bảo lãnh phát hành và niêm yết	50.000.000
3	Thị trường Nợ: Tư vấn phát hành trái phiếu, tái cơ cấu nợ	6.000.000.000
4	Dịch vụ khác Khác: tái cấu trúc, định giá, IR, CBTT, ĐHCĐ...	1.536.000.000

Về kế hoạch phát triển doanh thu môi giới cổ phiếu:

Năm 2025, Khối Môi giới đặt ra mục tiêu Doanh thu đối với hoạt động Môi giới Cổ phiếu như sau:

STT	Nội dung	Kết quả năm 2024	Mục tiêu Năm 2025	Tăng trưởng (%)
1	Giá trị khớp lệnh (đồng)	1.671.534.822.620	5.000.000.000.000	199
2	Phí giao dịch (đồng)	2.683.594.547	5.500.000.000	105
3	Số lượng cp khớp lệnh (cổ phiếu)	89.502.677	150.000.000	68
4	Cho vay GDKQ (đồng)	113.085.302.766	300.000.000.000	165
5	Lãi vay GDKQ (đồng)	828.718.000	6.000.000.000	624
6	Cho vay ứng trước (đồng)	322.829.861.500	600.000.000.000	86
7	Lãi vay ứng trước (đồng)	283.814.153	500.000.000	76
8	Số lượng tài khoản mở mới	24	300	1150
9	Số lượng tài khoản hoạt động	110	410	273

Cần cứ thực hiện:

- NVS sẽ triển khai hệ thống phần mềm giao dịch mới vào nửa cuối năm 2025, từ đây có thể cấu trúc và xây dựng được các gói sản phẩm đa dạng và tiếp cận đến nhiều đối tượng khách hàng hơn. Việc giao dịch tại NVS không còn gặp trở ngại như trước (không có app, phải dùng website) nên việc chào mới khách hàng mới về NVS giao dịch sẽ được triển khai thuận lợi hơn.
- NVS sẽ chú trọng hơn trong việc phát triển và đẩy mạnh mảng Môi Giới Cổ phiếu trong thời gian tới.
- Dựa trên triển vọng nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ cận biên lên mới nổi (có khả năng được nâng hạng vào tháng 9/2025) sẽ cải thiện tâm lý từ nhà đầu tư trong nước dẫn đến có thêm các dòng tiền nội đổ vào Chứng khoán, có thêm các dòng tiền nước ngoài rót vào TTCK VN trước trong và sau khi nâng hạng .
- Sau một thời gian đi ngang từ tháng 4/2024 đến nay, thị trường chứng khoán đang bắt đầu quay trở lại với chu kỳ tăng khi chỉ số Vnindex đã lần đầu tiên vượt ngưỡng 1300 điểm kể từ tháng 5/2022 đến nay.

Điều này dựa sự tích lũy quanh vùng 1200-1300 điểm của Vnindex trong vòng 1 năm qua trong khi các doanh nghiệp niêm yết vẫn tăng trưởng lợi nhuận trên 20%, như thế định giá Cổ phiếu đã bắt đầu hợp lý hơn, có thời điểm P/E toàn thị trường về mức quanh 12-13 lần (đây là mức hợp lý để dòng tiền cân nhắc giải ngân trở lại thị trường). Ngoài ra việc Chính phủ quyết tâm đạt mức tăng trưởng GDP năm 2025 đạt mức 8% bằng các biện pháp kiểm soát tăng lãi suất huy động để hỗ trợ lãi suất cho vay ở mức thấp, đẩy mạnh đầu tư công, thúc đẩy và có các biện pháp hỗ trợ các DN tư nhân làm trụ phát triển kinh tế cho VN; tâm lý lạc quan bao trùm nhà đầu tư khi Đảng và CP đã quyết tâm đưa VN vào kỷ nguyên mới “Kỷ Nguyên Vươn Mạnh” bằng một loạt các biện pháp mạnh mẽ về tinh giản và cơ cấu lại bộ máy Đảng, Chính Phủ cải thiện hiệu suất làm việc, tiết kiệm chi phí...

Mục tiêu năm 2025 của Công ty là vừa củng cố nền tảng quản trị vận hành hiệu quả, linh hoạt song song với việc chuẩn hóa và tạo tiền đề cho các kế hoạch phát triển trong dài hạn. Trong điều kiện kinh doanh còn nhiều hạn chế và tiềm ẩn nhiều khó khăn, Ban Giám Đốc đặt ra cho năm 2025 vẫn đảm bảo cải thiện hơn năm 2024 nhưng hướng phát triển vẫn đảm bảo thận trọng cho từng bước phát triển như sau:

STT	KHOẢN MỤC	KẾ HOẠCH 2025 (tỷ đồng)
1.	Doanh thu hoạt động	38,71
2.	Chi phí hoạt động	13,67

3.	Doanh thu hoạt động tài chính	0,12
4.	Chi phí tài chính	0,93
5.	Chi phí quản lý	13,83
6.	Tổng doanh thu	38,83
7.	Tổng chi phí	28,43
8.	Lợi nhuận trước thuế	10,40

Trên đây là Báo cáo Kết quả Hoạt động kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty.

Trân trọng báo cáo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.HC-NS.



Tổng Giám đốc

ĐẶNG HUY PHONG

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN 2024**I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2024****1. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán**

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Lê Nguyễn Hoàng Anh	2	100%	100%
2	Nguyễn Sơn	0	0%	0%
3	Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	1	50%	100%

2. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2024

- Rà soát, kiểm tra và đôn đốc sửa đổi, bổ sung các quy trình Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được giao của Công ty;
- Rà soát, kiểm tra tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố thông tin liên quan đến kết quả tài chính công ty;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ và đôn đốc kiểm toán nội bộ theo dõi các giao dịch liên quan đến phòng chống rửa tiền;
- Theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**1. Thẩm định Báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính Công ty năm 2024**

- Năm 2024, công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính đã phản ánh được tình hình tài chính của Công ty ổn định, lành mạnh và trung thực;
- Giám sát đánh giá các hoạt động phân phối trái phiếu, giao dịch tự doanh và các hoạt động nghiệp vụ của Công ty, đặc biệt kiểm tra có hay không các giao dịch đáng ngờ.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**2.1. Đối với Ban Giám đốc**

- Ban Giám đốc đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thực thi tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Ban Giám đốc đã tổ chức thực hiện nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Mặc dù tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế và thị trường tài chính nói chung, đồng thời khoản trích lập dự phòng của Công ty năm nay là khá lớn, nhưng Công ty vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và có lợi nhuận.

2.2. Đối với Hội đồng quản trị

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị ban hành các chính sách, quy định về nội dung và tình hình hoạt động kinh doanh của hệ thống toàn Công ty;
- Thường xuyên kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty để báo cáo và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị, việc kiểm soát được thực hiện từng 6 tháng/năm và đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty;
- Các công việc của Hội đồng quản trị đã thực hiện trong năm 2024 tập trung đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty;
- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển cho Công ty, thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Các quyết sách trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc được phân tích, phản biện và tham vấn từ Hội đồng quản trị nhằm có các giải pháp phù hợp cho Công ty.

III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Trong năm 2024, Ủy ban kiểm toán nhận được sự phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ của mình từ phía Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị Công ty, các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động Công ty theo đúng định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra trong cuộc họp thường niên;
- Trong hoạt động quản lý, điều hành, không có ghi nhận từ các cơ quan quản lý về sự vi phạm hay sai sót nào trọng yếu;
- Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định áp dụng đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2024 được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán đúng theo quy định hiện hành.

2. Kiến nghị:

- Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty tiếp tục hỗ trợ, phối hợp và tương tác với Ủy ban kiểm toán để giảm thiểu các rủi ro, nâng cao hiệu suất kiểm soát và hiệu quả hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ được giao.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

- Rà soát, phân tích, đánh giá và ban hành các chính sách, quy định, nội quy điều chỉnh bổ sung phù hợp trong vận hành, kiểm soát hoạt động của Công ty;
- Tiếp tục tập trung kiểm soát tuân thủ, kiểm soát chiến lược của Công ty để báo cáo và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị;
- Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2025;

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và những người điều hành Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp trong năm 2025.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán năm 2024, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Trân trọng báo cáo ./.

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
TRƯỞNG BAN**



LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 09/2025/NVS/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 và Báo cáo thường niên năm 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS),

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và Báo cáo thường niên 2024 (Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-41

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 24 tháng 01 năm 2025; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014, Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 24/01/2025 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2015, Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK ngày 13/10/2021, Giấy phép số 30/GPĐC-UBCK ngày 28/04/2023, Giấy phép số 06/GPĐC-UBCK ngày 24/01/2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Huy Phong	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07/12/2024
Ông Phan Anh Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 07/12/2024
Ông Lê Chí Phúc	Ủy viên	
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Ông Đặng Huy Phong	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Huy Phong	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/01/2025
Ông Phan Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/12/2024
Ông Đặng Huy Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/07/2024
		Miễn nhiệm ngày 20/01/2025

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/07/2024
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày 16/01/2025 là Ông Phan Anh Tuấn - Tổng Giám đốc, đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty và từ ngày 17/01/2025 cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Đặng Huy Phong - Tổng Giám đốc, đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Đặng Huy Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được lập ngày 20 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		318.747.366.854	376.861.316.819
110	I. Tài sản tài chính		318.442.873.888	376.646.504.071
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	101.141.814.463	93.006.283.802
111.1	1.1 Tiền		71.141.814.463	66.506.283.802
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	26.500.000.000
112	3. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	100.763.196.436	120.190.231.115
113	4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	43.000.000.000	89.000.000.000
114	5. Các khoản cho vay	5	45.445.410.635	4.173.749.960
115	6. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	43.579.704.000	22.629.704.000
116	7. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(22.629.704.000)	-
117	8. Các khoản phải thu	7	4.641.740.242	45.450.839.023
117.1	8.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	43.179.429.511
117.2	8.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		4.641.740.242	2.271.409.512
117.4	8.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		4.641.740.242	2.271.409.512
118	9. Trả trước cho người bán		1.627.265.500	1.126.413.780
119	10. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	627.102.486	870.719.945
122	11. Các khoản phải thu khác	7	246.344.126	198.562.446
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		304.492.966	214.812.748
133	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	304.492.966	214.812.748
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.870.659.951	9.870.997.264
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		2.231.753.445	2.233.488.027
212	1. Các khoản đầu tư	10	3.300.000.000	3.300.000.000
212.4	1.1 Đầu tư dài hạn khác		3.300.000.000	3.300.000.000
213	1.2 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	11	(1.068.246.555)	(1.066.511.973)
220	II. Tài sản cố định		3.817.048.934	2.767.357.423
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3.524.797.586	2.630.995.414
222	- Nguyên giá		12.452.998.240	10.688.890.175
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.928.200.654)	(8.057.894.761)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	292.251.348	136.362.009
228	- Nguyên giá		5.213.849.180	4.980.849.180
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.921.597.832)	(4.844.487.171)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	95.340.000
250	V. Tài sản dài hạn khác		4.821.857.572	4.774.811.814
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	485.433.666	411.229.036
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	243.991.591	348.910.850
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	4.092.432.315	4.014.671.928
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		329.618.026.805	386.732.314.083

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.189.611.197	65.175.630.406
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		5.189.611.197	65.175.630.406
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	126.793.794	95.218.858
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	16	214.493.727	20.000.000.000
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		100.000.000	-
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.376.971.119	3.662.041.913
323	5. Phải trả người lao động		621.525.500	734.850.000
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	36.559.733	8.883.416
327	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		100.000.000	240.000.000
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	613.267.324	40.434.636.219
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		324.428.415.608	321.556.683.677
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	324.428.415.608	321.556.683.677
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		252.000.000.000	252.000.000.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		957.625.000	-
417	3. Lợi nhuận chưa phân phối		71.470.790.608	69.556.683.677
417.1	3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		76.302.002.114	82.669.664.363
417.2	3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(4.831.211.506)	(13.112.980.686)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		329.618.026.805	386.732.314.083

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		902.409.401	902.409.401
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		25.200.000	25.200.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	21	67.824.340.000	28.964.390.000
010	4. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	22	418.000.000	-
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	23	31.338.030.000	95.615.030.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	24	2.073.693.320.000	2.724.840.770.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		1.886.231.650.000	2.164.107.020.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		88.750.000	-
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		186.800.000.000	559.200.000.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		-	88.750.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		572.920.000	1.445.000.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	25	1.265.740.000	1.431.800.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.265.740.000	1.431.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
026	9. Tiền gửi của khách hàng	26	8.670.125.014	11.955.154.769
027	9.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		8.670.125.014	11.955.154.769
031	11. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	27	8.669.727.118	11.954.925.626
031.1	11.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		8.669.727.114	11.954.925.622
031.2	11.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4	4

Nguyễn Thùy Dung
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Đặng Huy Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	60.176.073.445	80.551.398.904
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.693.310.310	44.916.823.917
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	26.449.169.200	27.496.144.500
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	6.033.593.935	8.138.430.487
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	3.998.964.443	6.924.250.959
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	1.727.573.887	763.006.061
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.934.495.998	1.579.290.145
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	886.300.000	750.000.000
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.456.666.056	1.329.360.741
11	1.7	Thu nhập hoạt động khác	17.684.495	3.818.181
20	Cộng doanh thu hoạt động		71.197.758.324	91.901.124.991
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	18.167.400.020	28.188.672.873
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	-	84.408.173
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	18.167.400.020	28.104.264.700
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	22.629.704.000	-
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	1.661.835.292	4.568.534.068
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.887.044.481	3.341.910.789
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	1.097.828.801	1.248.755.387
29	2.6	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	537.928.451	682.808.224
30	2.7	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.337.700.305	1.175.940.911
32	2.8	Chi phí các dịch vụ khác	23.783.037	23.532.674
40	Cộng chi phí hoạt động		49.343.224.387	39.230.154.926
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		30		
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	6.816.459	-
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	123.367.771	170.473.099
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		130.184.230	170.473.099

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	31		
52	4.1 Chi phí lãi vay		37.568.904	875.616
54	4.2 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.734.582	7.864.601
60	Cộng chi phí tài chính		39.303.486	8.740.217
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32	13.905.831.919	11.295.644.904
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		8.039.582.762	41.537.058.043
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	33	14.726.280	5.872.007.827
72	8.2 Chi phí khác	34	468.608	225.100.511
80	Cộng kết quả hoạt động khác		14.257.672	5.646.907.316
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		8.053.840.434	47.183.965.359
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(227.928.746)	47.792.085.559
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		8.281.769.180	(608.120.200)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	35	6.139.733.503	9.250.281.007
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	6.139.733.503	9.250.281.007
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.914.106.931	37.933.684.352
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		957.625.000	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		957.625.000	-
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	36	76	1.505


Nguyễn Thùy Dung
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng


Đặng Huy Phong
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		8.053.840.434	47.183.965.359
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		23.995.409.952	1.102.661.918
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.454.507.089	1.264.394.800
04	- Các khoản dự phòng		22.631.438.582	7.864.601
05	- Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(385.000)	-
06	- Chi phí lãi vay		37.568.904	875.616
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(127.719.623)	(170.473.099)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		18.167.400.020	28.104.264.700
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		18.167.400.020	28.104.264.700
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(26.449.169.200)	(27.496.144.500)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(26.449.169.200)	(27.496.144.500)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(13.255.471.568)	(100.833.812.295)
31	- Tăng, (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		27.708.803.859	84.396.797.886
32	- Tăng, (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		46.000.000.000	(79.000.000.000)
33	- Tăng, (giảm) các khoản cho vay		(41.271.660.675)	14.951.923.040
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		(19.992.375.000)	-
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		43.179.429.511	(29.264.924.461)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(2.370.330.730)	945.304.601
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		344.002.459	(697.477.463)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(47.781.680)	(35.190.569)
40	- Tăng, (giảm) các tài sản khác		(77.760.387)	(293.728.156)
41	- Tăng, (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		27.239.057	(296.397.930)
42	- Tăng, (giảm) chi phí trả trước		15.239.041	(1.334.585)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.474.394.382)	(9.821.464.809)
44	- Lãi vay đã trả		(37.131.644)	(629.041)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(20.191.017.993)	(18.408.901.194)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		49.590.085	(1.699.865.360)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(113.324.500)	145.141.667
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(39.929.793.959)	(61.753.065.921)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(74.204.630)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.512.009.638	(51.939.064.818)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(2.504.198.600)	(438.886.500)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		4.351.852	-
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		123.367.771	170.473.099
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.376.478.977)	(268.413.401)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	3. Tiền vay gốc		71.520.000.000	5.900.000.000
73.2	3.2 Tiền vay khác		71.520.000.000	5.900.000.000
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(71.520.000.000)	(5.900.000.000)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(71.520.000.000)	(5.900.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		8.135.530.661	(52.207.478.219)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		93.006.283.802	145.213.762.021
101.1	- Tiền		66.506.283.802	66.213.762.021
101.2	- Các khoản tương đương tiền		26.500.000.000	79.000.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	101.141.814.463	93.006.283.802
103.1	- Tiền		71.141.814.463	66.506.283.802
103.2	- Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	26.500.000.000

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		959.066.779.850	435.152.284.560
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(680.558.399.870)	(342.451.586.610)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(280.100.929.235)	(100.776.344.439)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(1.692.480.500)	(428.512.819)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		3.351.958.540	1.093.020.992
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(3.351.958.540)	(1.093.020.992)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(3.285.029.755)	(8.504.159.308)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		11.955.154.769	20.459.314.077
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		11.955.154.769	20.459.314.077
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		11.955.154.769	20.459.314.077
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	26	8.670.125.014	11.955.154.769
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		8.670.125.014	11.955.154.769
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		8.670.125.014	11.955.154.769


Nguyễn Thùy Dung
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng


Đặng Huy Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm 2023		Năm 2024			
		01/01/2023	01/01/2024					31/12/2023	31/12/2024
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000	-	-	-	-	252.000.000.000	252.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		252.000.000.000	252.000.000.000	-	-	-	-	252.000.000.000	252.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	1.950.000.000	992.375.000	-	957.625.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối		31.622.999.325	69.556.683.677	37.933.684.352	-	1.914.106.931	-	69.556.683.677	71.470.790.608
3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		44.127.859.811	82.669.664.363	38.541.804.552	-	(6.367.662.249)	-	82.669.664.363	76.302.002.114
3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(12.504.860.486)	(13.112.980.686)	(608.120.200)	-	8.281.769.180	-	(13.112.980.686)	(4.831.211.506)
TỔNG CỘNG		283.622.999.325	321.556.683.677	37.933.684.352	-	3.864.106.931	992.375.000	321.556.683.677	324.428.415.608
II. Thu nhập toàn diện khác									
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	1.950.000.000	992.375.000	-	957.625.000
TỔNG CỘNG		-	-	-	-	1.950.000.000	992.375.000	-	957.625.000


Nguyễn Thủy Dung
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng




Đặng Huy Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 24 tháng 01 năm 2025; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014, Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 24/01/2025 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2015, Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK ngày 13/10/2021, Giấy phép số 30/GPĐC-UBCK ngày 28/04/2023, Giấy phép số 06/GPĐC-UBCK ngày 24/01/2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 252.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 252.000.000.000 VND; tương đương 25.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 32 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 30 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**a) Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư vào công ty khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty đó tại thời điểm gần nhất với thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.

2.7 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8 . Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	02 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 50 tháng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí phải trả các Sở giao dịch chứng khoán, chi phí đường truyền, chi phí điện nước... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước về phí dịch vụ đại lý lưu ký đơn vị đang cung cấp dịch vụ nhưng chưa hết thời gian hợp đồng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.18 . Doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.19 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.20 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn;

2.21 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.22 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	2.926.418	1.313.864.211.149
- Cổ phiếu	1.607.805	35.008.185.000
- Trái phiếu	1.318.613	1.278.856.026.149
Của nhà đầu tư	87.894.872	1.636.526.637.620
- Cổ phiếu	87.894.872	1.636.526.637.620
	90.821.290	2.950.390.848.769

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	31.678.000	62.697.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	71.110.136.463	66.443.586.802
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	26.500.000.000
	101.141.814.463	93.006.283.802

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng đến 02 tháng, được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,2%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	64.931.303.606	59.251.092.100	64.931.782.886	51.818.802.200
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.150.000.000	14.999.000.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	26.513.104.336	26.513.104.336	67.161.416.009	67.161.416.009
Trái phiếu niêm yết	-	-	1.210.012.906	1.210.012.906
	105.594.407.942	100.763.196.436	133.303.211.801	120.190.231.115

(*) Trái phiếu chưa niêm yết tại ngày 31/12/2024 bao gồm:

- Trái phiếu Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP BECAMEX 2021 có giá gốc là 1.210.012.906 VND có thời hạn là 05 năm kể từ ngày phát hành 15/09/2021 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2024 là 10,5%/năm;

- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tonkin Land có giá gốc là 22.238.741.721 VND, thời hạn 03 năm kể từ ngày phát hành 06/05/2022 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2024 là 11%/năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- Trái phiếu TPNVLH2224006 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu Tư Địa ốc No Va có giá gốc là 3.064.349.709 VND có thời hạn là 24 tháng kể từ ngày phát hành 15/03/2022 với lãi suất cố định là 10,50%/năm; Thời gian đáo hạn được gia hạn thêm 2 năm, đến ngày 15/03/2026. Tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn sau khi điều chỉnh. Sau điều chỉnh thời gian đáo hạn, lãi suất cố định của lô trái phiếu là 11,5%/năm, toàn bộ tiền lãi còn lại trong thời gian điều chỉnh ngày đáo hạn sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn.

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá thị trường tại ngày 31/12/2024 và 29/12/2023;

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	19.992.375.000	20.950.000.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	22.629.704.000	-	22.629.704.000	22.629.704.000
	<u>42.622.079.000</u>	<u>20.950.000.000</u>	<u>22.629.704.000</u>	<u>22.629.704.000</u>

(*) Cổ phiếu chưa niêm yết là cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn với số lượng 2.828.713 cổ phiếu. Khoản đầu tư Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Theo đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và dự phòng đã trích lập.

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên (*)	43.000.000.000	89.000.000.000
	<u>43.000.000.000</u>	<u>89.000.000.000</u>

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên của Công ty bao gồm:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng trở lên được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất từ 4,6% đến 4,8%/năm;
- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội CN Thăng Long với lãi suất từ 4,7%/ năm đến 5,0%/năm; Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất 4,8%/năm; Ngân hàng MBBank với lãi suất 4,9%/năm.

d) Các khoản cho vay

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Hoạt động margin	44.375.720.635	2.440.169.960
Hoạt động ứng trước tiền bán	1.069.690.000	1.733.580.000
	<u>45.445.410.635</u>	<u>4.173.749.960</u>

e) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	105.594.407.942	133.303.211.801	100.763.196.436	120.190.231.115	849.000.000	992.174.666	(5.680.211.506)	(14.105.155.352)	100.763.196.436	120.190.231.115
Cổ phiếu niêm yết ⁽¹⁾	64.931.303.606	64.931.782.886	59.251.092.100	51.818.802.200	-	992.174.666	(5.680.211.506)	(14.105.155.352)	59.251.092.100	51.818.802.200
- Sàn Hồ Chí Minh	64.931.303.606	64.931.782.886	59.251.092.100	51.818.802.200	-	992.174.666	(5.680.211.506)	(14.105.155.352)	59.251.092.100	51.818.802.200
Cổ phiếu chưa niêm yết ⁽²⁾	14.150.000.000	-	14.999.000.000	-	849.000.000	-	-	-	14.999.000.000	-
Trái phiếu chưa niêm yết ⁽³⁾	26.513.104.336	68.371.428.915	26.513.104.336	68.371.428.915	-	-	-	-	26.513.104.336	68.371.428.915
AFS	42.622.079.000	22.629.704.000	20.950.000.000	22.629.704.000	957.625.000	-	(22.629.704.000)	-	20.950.000.000	22.629.704.000
Cổ phiếu niêm yết ⁽¹⁾	19.992.375.000	-	20.950.000.000	-	957.625.000	-	-	-	20.950.000.000	-
- Sàn Hồ Chí Minh	19.992.375.000	-	20.950.000.000	-	957.625.000	-	-	-	20.950.000.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết ⁽⁴⁾	22.629.704.000	22.629.704.000	-	22.629.704.000	-	-	(22.629.704.000)	-	-	22.629.704.000
	148.216.486.942	155.932.915.801	121.713.196.436	142.819.935.115	1.806.625.000	992.174.666	(28.309.915.506)	(14.105.155.352)	121.713.196.436	142.819.935.115

(1) Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2024.

(2) Giá trị thị trường của chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2024.

(3) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(4): Khoản đầu tư Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Theo đó, giá trị thị trường của các khoản đầu tư này được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và dự phòng đã trích lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.629.704.000	-
Tại ngày 31/12	22.629.704.000	-

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	43.179.429.511
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	4.017.301.154	2.260.131.932
Phải thu lãi hoạt động Margin	624.439.088	11.277.580
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	627.102.486	870.719.945
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	437.842.486	870.719.945
- Phải thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành	139.260.000	-
- Phải thu hoạt động khác	50.000.000	-
Phải thu khác	246.344.126	198.562.446
- Phải thu lãi tiền gửi Quỹ hỗ trợ thanh toán	246.344.126	197.692.795
- Phải thu khác	-	869.651
	5.515.186.854	46.520.121.414

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	25.710.017	929.855
Chi phí thuê văn phòng	217.216.833	200.614.518
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	61.566.116	13.268.375
	304.492.966	214.812.748

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	55.521.251	84.861.996
Phí bản quyền phần mềm máy tính	36.822.919	62.391.499
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô	28.406.190	43.891.170
Cước internet trọn gói	57.325.716	54.306.140
Chi phí trả trước dài hạn khác	65.915.515	103.460.045
	243.991.591	348.910.850

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9 . CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	434.433.666	401.229.036
Đặt cọc thuê taxi	11.000.000	10.000.000
Đặt cọc hợp đồng cung cấp thông tin	40.000.000	-
	485.433.666	411.229.036

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	3.300.000.000	3.300.000.000
- Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam	3.300.000.000	3.300.000.000
	3.300.000.000	3.300.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank sở hữu 330.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương 10% tỷ lệ lợi ích và 10% tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam - Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực chuyển hóa và kinh doanh các dịch vụ liên quan đến ngọc xá lợi.

11 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn		
- Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam	1.068.246.555	1.066.511.973
	1.068.246.555	1.066.511.973

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	1.611.007.273	9.077.882.902	10.688.890.175
Mua trong năm	-	2.271.198.600	2.271.198.600
Thanh lý, nhượng bán	-	(507.090.535)	(507.090.535)
Tại ngày 31/12/2024	1.611.007.273	10.841.990.967	12.452.998.240
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	1.436.481.527	6.621.413.234	8.057.894.761
Khấu hao trong năm	161.100.732	1.216.295.696	1.377.396.428
Thanh lý, nhượng bán	-	(507.090.535)	(507.090.535)
Tại ngày 31/12/2024	1.597.582.259	7.330.618.395	8.928.200.654
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	174.525.746	2.456.469.668	2.630.995.414
Tại ngày 31/12/2024	13.425.014	3.511.372.572	3.524.797.586

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.016.037.185 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	TSCĐ Vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	4.771.296.680	209.552.500	4.980.849.180
Mua trong năm	233.000.000	-	233.000.000
Tại ngày 31/12/2024	5.004.296.680	209.552.500	5.213.849.180
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	4.634.934.671	209.552.500	4.844.487.171
Khấu hao trong năm	77.110.661	-	77.110.661
Tại ngày 31/12/2024	4.712.045.332	209.552.500	4.921.597.832
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	136.362.009	-	136.362.009
Tại ngày 31/12/2024	292.251.348	-	292.251.348

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.760.849.180 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.036.062.487	2.155.994.895
Tiền lãi phân bổ lũy kế	1.936.369.828	1.738.677.033
Số dư cuối năm	4.092.432.315	4.014.671.928

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	60.008.570	17.938.319
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	66.785.224	77.280.539
	126.793.794	95.218.858

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính Công ty CP Chứng khoán SmartInvest	-	20.000.000.000
Phải trả các đối tượng khác	214.493.727	-
	214.493.727	20.000.000.000

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	12.670.455	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.071.414.948	3.406.075.827
Thuế Thu nhập cá nhân	292.885.716	255.966.086
	3.376.971.119	3.662.041.913

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	683.835	246.575
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	35.875.898	8.636.841
	36.559.733	8.883.416

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả lãi trái phiếu tổ chức phát hành chuyển cho nhà đầu tư	612.871.824	38.890.585.934
Các khoản phải trả, phải nợ khác	395.500	1.544.050.285
	613.267.324	40.434.636.219

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024
		VND		VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	7,02%	17.700.000.000	7,02%	17.700.000.000
Quách Thị Nga	16,99%	42.800.000.000	16,99%	42.800.000.000
Phạm Thị Yến	16,73%	42.150.000.000	16,73%	42.150.000.000
Lê Thị Anh	25,79%	65.000.000.000	25,79%	65.000.000.000
Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	30,69%	77.350.000.000	30,69%	77.350.000.000
Huỳnh Nguyễn Tấn Bách	2,78%	7.000.000.000	2,78%	7.000.000.000
	100%	252.000.000.000	100%	252.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	76.302.002.114	82.669.664.363
Lợi nhuận chưa thực hiện	(4.831.211.506)	(13.112.980.686)
	71.470.790.608	69.556.683.677

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	82.669.664.363	44.127.859.811
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	8.281.769.180	(608.120.200)
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	(6.367.662.249)	38.541.804.552
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	76.302.002.114	82.669.664.363
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	76.302.002.114	82.669.664.363

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	67.824.340.000	28.964.390.000
	67.824.340.000	28.964.390.000

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	418.000.000	-
	418.000.000	-

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	31.338.030.000	95.615.030.000
	31.338.030.000	95.615.030.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.886.231.650.000	2.164.107.020.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	88.750.000	-
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	186.800.000.000	559.200.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	88.750.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	572.920.000	1.445.000.000
	2.073.693.320.000	2.724.840.770.000

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.265.740.000	1.431.800.000
	1.265.740.000	1.431.800.000

26 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.670.125.014	11.955.154.769
1. Nhà đầu tư trong nước	8.670.125.010	11.955.154.765
2. Nhà đầu tư nước ngoài	4	4
	8.670.125.014	11.955.154.769

27 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.669.727.118	11.954.925.626
1.1. Nhà đầu tư trong nước	8.669.727.114	11.954.925.622
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	4	4
	8.669.727.118	11.954.925.626

28 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	45.000.159.723	2.451.447.540
1.1 Phải trả gốc margin	44.375.720.635	2.440.169.960
Nhà đầu tư trong nước	44.375.720.635	2.440.169.960
1.2 Phải trả lãi margin	624.439.088	11.277.580
Nhà đầu tư trong nước	624.439.088	11.277.580
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.069.690.000	1.733.580.000
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.069.690.000	1.733.580.000
Nhà đầu tư trong nước	1.069.690.000	1.733.580.000
	46.069.849.723	4.185.027.540

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

29 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết		550.000	479.280	70.720	-	-	-
- Sàn TP. Hồ Chí Minh	5	550.000	479.280	70.720	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết		688.050.414.954	660.357.175.364	27.693.239.590	-	44.916.823.917	84.408.173
		688.050.964.954	660.357.654.644	27.693.310.310	-	44.916.823.917	84.408.173

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2024		Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán	
		Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND
FVTPL	105.594.407.942	849.000.000	(5.680.211.506)	992.174.666	(14.105.155.352)	26.449.169.200	(18.167.400.020)
Cổ phiếu niêm yết	64.931.303.606	-	(5.680.211.506)	992.174.666	(14.105.155.352)	23.958.769.200	(16.526.000.020)
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.150.000.000	849.000.000	-	-	-	2.490.400.000	(1.641.400.000)
Trái phiếu chưa niêm yết	26.513.104.336	-	-	-	-	-	-
Loại AFS	42.622.079.000	957.625.000	(22.629.704.000)	-	-	-	(22.629.704.000)
Cổ phiếu niêm yết	19.992.375.000	957.625.000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	22.629.704.000	-	(22.629.704.000)	-	-	-	(22.629.704.000)
	148.216.486.942	1.806.625.000	(28.309.915.506)	992.174.666	(14.105.155.352)	26.449.169.200	(40.797.104.020)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	6.033.593.935	8.138.430.487
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	3.998.964.443	6.924.250.959
Từ các khoản cho vay	1.727.573.887	763.006.061
	11.760.132.265	15.825.687.507

30 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.816.459	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.431.459	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	385.000	-
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	123.367.771	170.473.099
	130.184.230	170.473.099

31 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37.568.904	875.616
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.734.582	7.864.601
	39.303.486	8.740.217

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	9.036.910.169	7.180.105.057
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	317.622.500	331.068.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	54.211.919	86.154.676
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	181.631.304	187.550.724
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.050.135.121	2.903.767.772
Chi phí khác	1.262.320.906	603.998.675
	13.905.831.919	11.295.644.904

33 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền phạt thu được	-	5.872.005.575
Các khoản khác	14.726.280	2.252
	14.726.280	5.872.007.827

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

34 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	225.015.253
Các khoản khác	468.608	85.258
	468.608	225.100.511

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.053.840.434	47.183.965.359
Các khoản điều chỉnh tăng	22.667.271.415	46.184.982
- Chi phí không hợp lệ	22.667.271.415	46.184.982
Các khoản điều chỉnh giảm	(22.444.334)	(992.246.266)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.000)	(71.600)
- Điều chỉnh chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC	(22.050.334)	(992.174.666)
- Chênh lệch tỷ giá	(385.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	30.698.667.515	46.237.904.075
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	6.139.733.503	9.247.580.815
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	-	2.700.192
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.406.075.827	3.977.259.629
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(6.474.394.382)	(9.821.464.809)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	3.071.414.948	3.406.075.827

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.914.106.931	37.933.684.352
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.914.106.931	37.933.684.352
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.200.000	25.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	76	1.505

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

37 . QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng quan

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	100.763.196.436	-	-	100.763.196.436
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.950.000.000	-	-	20.950.000.000
	<u>121.713.196.436</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>121.713.196.436</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	120.190.231.115	-	-	120.190.231.115
	<u>120.190.231.115</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>120.190.231.115</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.110.136.463	-	-	101.110.136.463
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	43.000.000.000	-	-	43.000.000.000
Các khoản cho vay	45.445.410.635	-	-	45.445.410.635
Các khoản phải thu	5.268.842.728	-	-	5.268.842.728
	194.824.389.826	-	-	194.824.389.826
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.943.586.802	-	-	92.943.586.802
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	89.000.000.000	-	-	89.000.000.000
Các khoản cho vay	4.173.749.960	-	-	4.173.749.960
Các khoản phải thu	46.520.121.414	-	-	46.520.121.414
	232.637.458.176	-	-	232.637.458.176

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	954.554.845	-	-	954.554.845
Chi phí phải trả	36.559.733	-	-	36.559.733
	991.114.578	-	-	991.114.578

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	60.529.855.077	-	-	60.529.855.077
Chi phí phải trả	8.883.416	-	-	8.883.416
	<u>60.538.738.493</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>60.538.738.493</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	4.391.162.054	60.176.073.445	6.630.522.825	71.197.758.324
Chi phí hoạt động	5.224.744.786	42.458.939.312	1.659.540.289	49.343.224.387
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	130.184.230
Chi phí không phân bổ	-	-	-	13.945.135.405
Kết quả hoạt động	<u>(833.582.732)</u>	<u>17.717.134.133</u>	<u>4.970.982.536</u>	<u>8.039.582.762</u>
Tài sản bộ phận trực tiếp	4.719.534.801	164.713.196.436	50.333.495.003	215.046.691.439
Tài sản không phân bổ	-	-	-	114.571.335.366
Tổng tài sản	<u>4.719.534.801</u>	<u>164.713.196.436</u>	<u>50.333.495.003</u>	<u>329.618.026.805</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	126.793.794	126.793.794
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	5.062.817.403
Tổng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>126.793.794</u>	<u>5.189.611.197</u>

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra tại trụ sở chính tại Hà Nội nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Đặng Huy Phong	Chủ tịch HĐQT - Bổ nhiệm ngày ngày 07/12/2024; Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày ngày 22/12/2024	799.000.000	-
Ông Phan Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT - miễn nhiệm ngày ngày 07/12/2024; Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày ngày 22/12/2024	1.203.000.000	1.739.000.000

(Các thành viên Hội đồng quản trị khác không nhận thù lao năm 2023 và năm 2024)

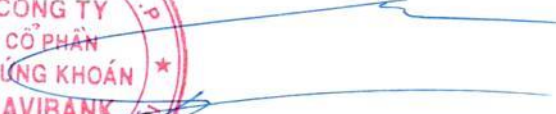
Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Thùy Dung
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng


Đặng Huy Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025



NAVIBANK

Securities

BÁO CÁO 2024 THƯỜNG NIÊN

"Thử thách lớn ...
ý chí vững vàng"



Mục lục

CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU CHUNG	01
1. Thông tin Doanh nghiệp	02
2. Lịch sử hình thành và phát triển	03
3. Ngành nghề địa bàn kinh doanh	04
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	05
5. Tâm nhìn sứ mệnh giá trị cốt lõi	06
6. Định hướng chiến lược phát triển	07
7. Các rủi ro	08
CHƯƠNG II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	09
1. Hội đồng quản trị	10
2. Ủy Ban kiểm toán	13
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán	13
CHƯƠNG III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	14
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	15
2. Tổ chức và nhân sự	20
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án	22
4. Tình hình tài chính	23
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	24
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	25
CHƯƠNG IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	28
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	29
2. Tình hình tài chính	32
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	33
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	34
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	34
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty	35
CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	36
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	37
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	38
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	38
CHƯƠNG VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	39
THÔNG ĐIẾP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC	40

CHƯƠNG I. Giới thiệu chung



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TÊN DOANH NGHIỆP: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

- Tên tiếng Anh: **Navibank Securities Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **NVS**
- Mã thành viên: **090**
- Đại diện pháp luật: **Ông Đặng Huy Phong – Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- Mã số thuế: **0102751333**
- Giấy phép thành lập và hoạt động số **93/UBCK-GPTLHD** ngày **16/05/2008** do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Địa chỉ: **Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.**
- Website: **www.nvs.vn**
- Điện thoại: **(+84) 3724 5999** Fax: **(+84) 3724 5775**
- Vốn điều lệ: **252.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai tỷ đồng)**
- Vốn sở hữu tại thời điểm 31/12/2024: **324.428.415.608 đồng**



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

16 tháng 05: NVS được thành lập, đặt trụ sở chính tại Tầng 7, Tòa nhà Minexport, 28 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội và hoạt động với 03 lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác; Lưu ký chứng khoán.

Vốn điều lệ ban đầu là 42 tỷ đồng.

06 tháng 06: NVS nhận được Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

13 tháng 08: NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

16 tháng 10: NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2008

2010

05 tháng 07: Công ty được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

16 tháng 11: Công ty chuyển trụ sở chính về địa chỉ Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội. Đây cũng chính là trụ sở chính của NVS cho đến thời điểm hiện tại.

11 tháng 01: Công ty Cổ phần Chứng khoán E- Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

19 tháng 05: NVS nhận được Quyết định của Ủy ban chứng khoán về việc điều chỉnh vốn điều lệ lên 161 tỷ đồng.

2011

2015

14 tháng 05: NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 187 tỷ đồng và bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

13 tháng 10: NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 252 tỷ đồng và bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2021

2022

16 tháng 10: NVS được chấp thuận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

NGÀNH NGHỀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102751333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, cấp lần đầu ngày 16/05/2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 24/01/2025, các mã ngành, nghề kinh doanh của NVS như sau:

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	CHI TIẾT
6612 (Chính)	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán	Môi giới chứng khoán
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	Tư vấn đầu tư chứng khoán - Bảo lãnh phát hành chứng khoán
6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	Tự doanh chứng khoán

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



Môi giới
chứng khoán



Tư vấn
đầu tư chứng khoán



Lưu ký
chứng khoán



Tự doanh
chứng khoán



Tư vấn tài chính
doanh nghiệp

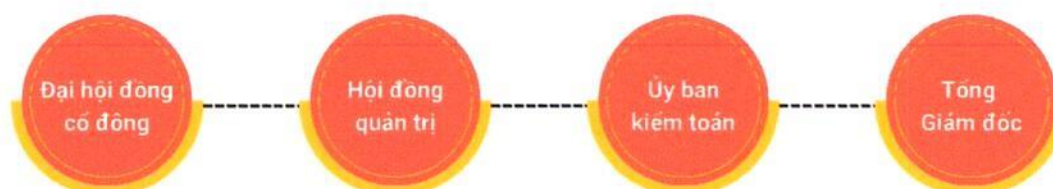
ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

- Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

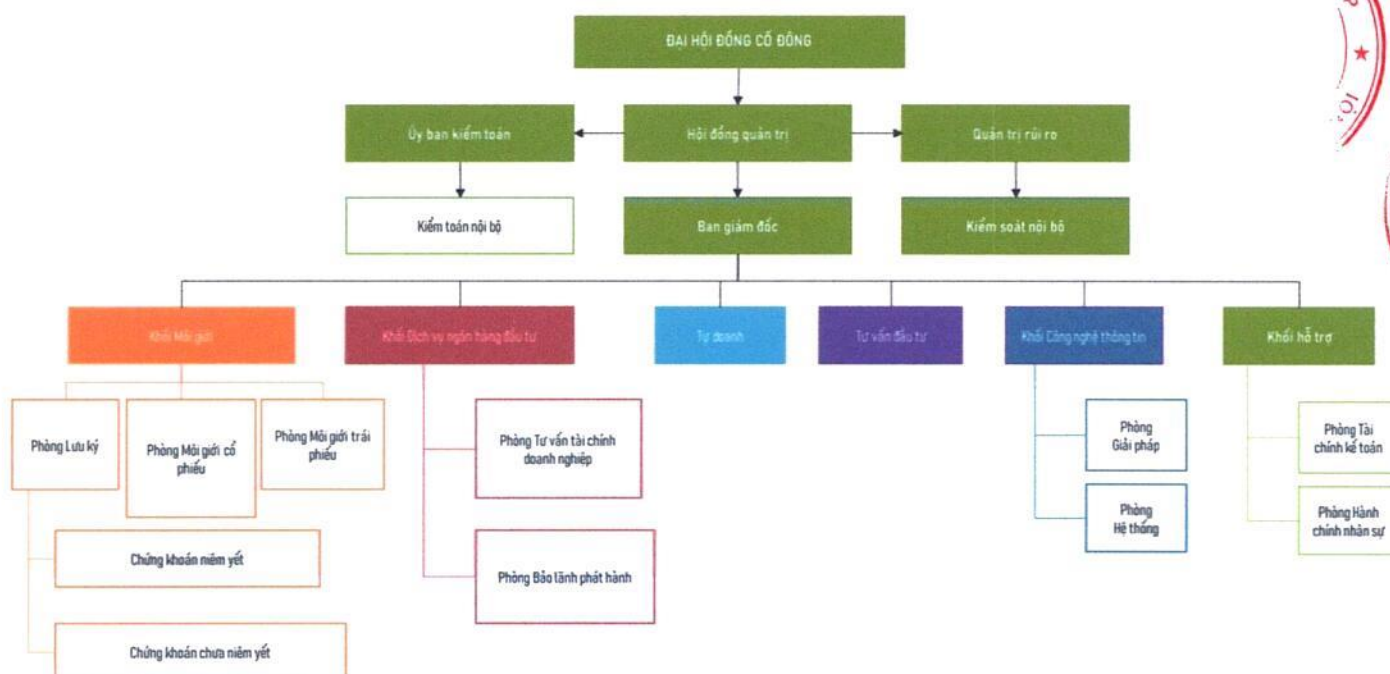


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Trong vòng 05 năm tới, NVS đặt mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam kể cả về quy mô và chất lượng dịch vụ với mong muốn cung cấp cho khách hàng, đối tác và cộng đồng những cơ hội đầu tư với lợi nhuận tốt, đồng thời đóng góp một phần quan trọng cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

SỨ MỆNH

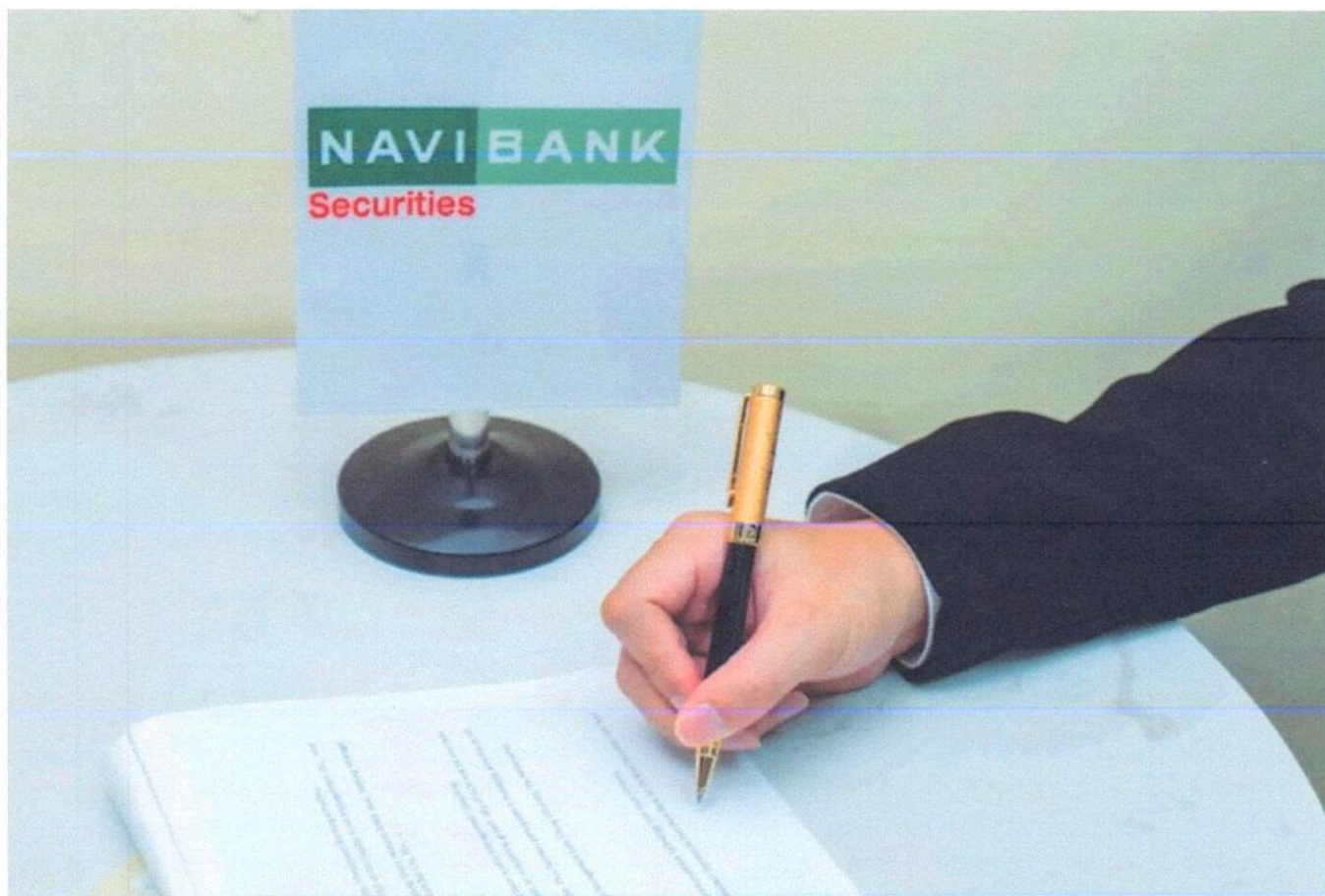
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) được thành lập vào ngày 16 tháng 5 năm 2008, bắt đầu từ vị trí khiêm tốn, trải qua thời gian hình thành và phát triển, NVS đang dần khẳng định vị thế vững chắc của mình trên thị trường chứng khoán, trong sự tin tưởng và tín nhiệm của các nhà đầu tư. NVS hoạt động với mục tiêu làm tăng giá trị vốn hóa của các nhà đầu tư và cổ đông của công ty thông qua những hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán. Với việc cung ứng các dịch vụ: Môi giới chứng khoán, bảo lãnh phát hành, lưu ký chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác, trong vòng vài năm trở lại đây, NVS luôn có mức tăng trưởng dương và đạt được những thành tựu trên thị trường chứng khoán. Với tiêu chí không ngừng nỗ lực phát triển, NVS đặt mục tiêu phát triển bền vững, luôn cố gắng giữ mức tăng trưởng dương và cố gắng mở rộng thị trường tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Uy tín và đáng tin cậy: Làm việc với khách hàng và đối tác một cách minh bạch, trung thực, và cam kết bảo vệ tối đa quyền lợi của khách hàng
- Sáng tạo: Không ngừng cải tiến và ứng dụng công nghệ mới để nâng cao hiệu quả công việc và trải nghiệm khách hàng
- Chuyên nghiệp: Đảm bảo chất lượng dịch vụ, tư vấn chính xác và có trách nhiệm trong mọi quyết định đầu tư.
- Khách hàng là trung tâm: Luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu, xây dựng mối quan hệ lâu dài và hỗ trợ khách hàng đạt được mục tiêu tài chính.
- Trách nhiệm xã hội: Thực hiện các nghĩa vụ đạo đức và xã hội, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Mục tiêu phát triển

NVS hướng đến trở thành một tổ chức tài chính hàng đầu, mở rộng thị phần, nâng cao năng lực tài chính và phát triển công nghệ hiện đại. Công ty cam kết tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, thu hút nhân tài và đảm bảo tăng trưởng bền vững.

Chiến lược trung và dài hạn

NVS tập trung mở rộng danh mục sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và hợp tác chiến lược để nâng cao vị thế trên thị trường. Đồng thời, công ty tối ưu hóa hoạt động quản trị rủi ro và tuân thủ các tiêu chuẩn tài chính hiện đại.

Phát triển bền vững

Công ty cam kết bảo vệ môi trường thông qua công nghệ xanh, thúc đẩy trách nhiệm xã hội bằng các chương trình giáo dục tài chính và hoạt động thiện nguyện. Ngoài ra, NVS tập trung phát triển nguồn nhân lực, tạo môi trường làm việc công bằng và khuyến khích sáng tạo.

CÁC RỦI RO

Hoạt động quản trị rủi ro là một phần quan trọng trong chiến lược của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank để đảm bảo an toàn tài chính và duy trì sự phát triển bền vững trong môi trường thị trường chứng khoán đầy biến động. Quản trị rủi ro giúp công ty nhận diện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố có thể gây tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh và tài chính của công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng tại NVS chủ yếu phát sinh từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp. Để kiểm soát rủi ro này, công ty áp dụng quy trình xét duyệt tín dụng nghiêm ngặt, bao gồm thẩm định năng lực tài chính của khách hàng, đánh giá chất lượng tài sản đảm bảo và giám sát hạn mức tín dụng. Danh mục đầu tư được rà soát định kỳ để đảm bảo tuân thủ các quy định và ngưỡng an toàn. Với các khoản đầu tư vào tổ chức tín dụng, NVS ưu tiên lựa chọn đối tác có tình hình tài chính lành mạnh, lịch sử thanh toán tốt và uy tín cao trên thị trường, đồng thời phải được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt trước khi triển khai.

Rủi ro công nghệ

Rủi ro công nghệ thông tin bao gồm sự cố hệ thống, rò rỉ dữ liệu, tấn công mạng và gián đoạn hoạt động giao dịch. NVS xác định đây là lĩnh vực trọng yếu và đã đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ theo hướng hiện đại, bảo mật cao. Hệ thống phần mềm quản lý nghiệp vụ, giao dịch và dữ liệu khách hàng đều được xây dựng theo mô hình phân quyền chặt chẽ và có tính liên kết. Ngoài ra, công ty thiết lập quy trình kiểm tra định kỳ, xây dựng các phương án sao lưu và phục hồi dữ liệu, đồng thời triển khai tập huấn cho nhân viên để nâng cao nhận thức và kỹ năng xử lý sự cố công nghệ.

Rủi ro đối tác

Rủi ro đối tác tại NVS có thể đến từ việc đối tác không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng, thay đổi tình hình tài chính hoặc vi phạm cam kết đã ký. Để hạn chế rủi ro, công ty thực hiện quy trình thẩm định đối tác một cách toàn diện, bao gồm kiểm tra uy tín, năng lực tài chính, lịch sử hợp tác và các yếu tố pháp lý liên quan. Trong quá trình hợp tác, NVS thường xuyên theo dõi hiệu quả thực hiện hợp đồng và có các biện pháp kiểm tra định kỳ. Các điều khoản trong hợp đồng được thiết kế chặt chẽ, có phương án xử lý và điều khoản bảo vệ nếu phát sinh tranh chấp hoặc thay đổi bất lợi từ phía đối tác.

Rủi ro thị trường

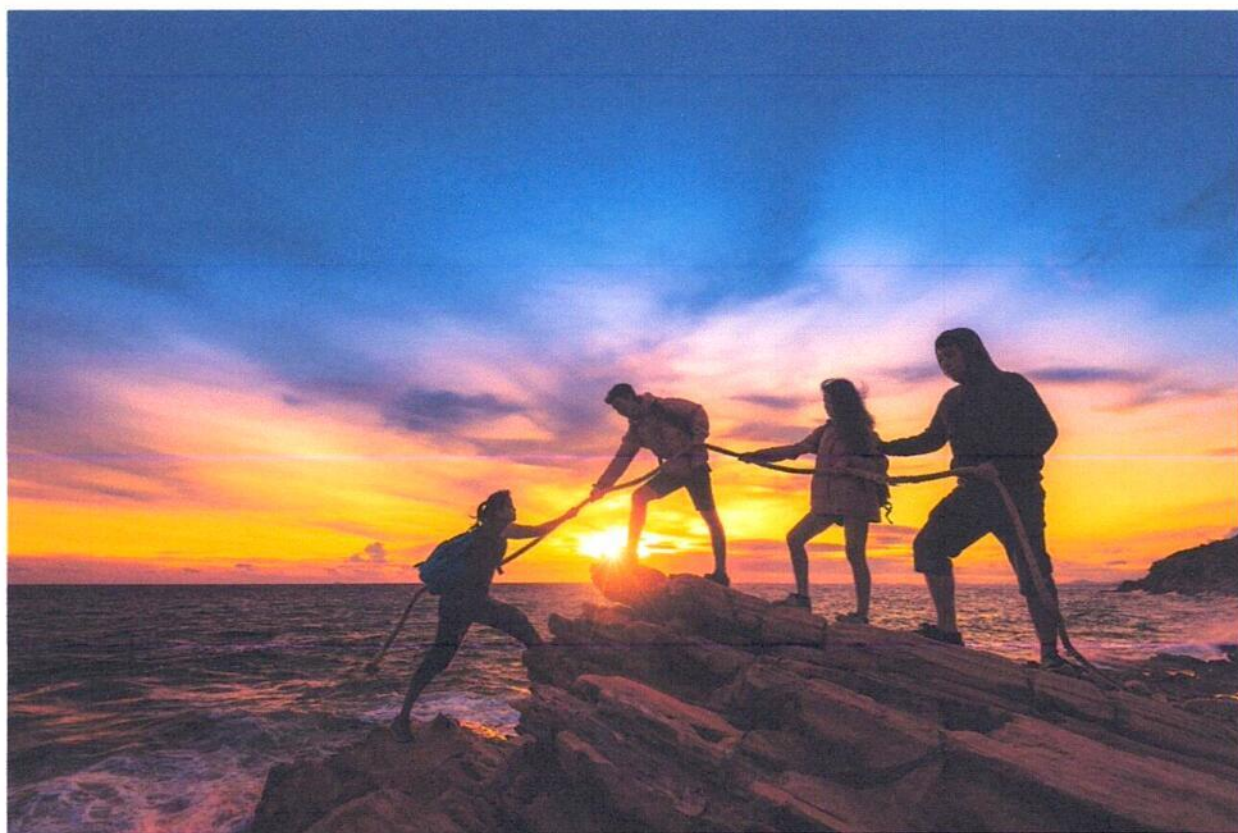
Biến động khó lường của thị trường chứng khoán trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm và lãi suất chưa ổn định là yếu tố làm gia tăng rủi ro thị trường. NVS đã chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó và điều chỉnh chính sách đầu tư phù hợp với từng giai đoạn. Các khoản đầu tư được phân tích kỹ lưỡng về hiệu quả, thời điểm giải ngân và khả năng thu hồi. Công ty cũng tập trung xây dựng đội ngũ phân tích chuyên sâu, thường xuyên cập nhật thông tin thị trường và đưa ra cảnh báo sớm về rủi ro nhằm bảo vệ tài sản và lợi ích của công ty cũng như khách hàng.

Rủi ro tuân thủ

Việc không tuân thủ các quy định pháp luật hoặc quy chế nội bộ có thể dẫn đến xử phạt, ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động của công ty. Nhằm hạn chế rủi ro này, NVS đã xây dựng hệ thống văn bản nội bộ đồng bộ, thường xuyên cập nhật theo các thay đổi của pháp luật và quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty triển khai các phương án theo dõi, cảnh báo sớm các hành vi vi phạm và hỗ trợ công tác giám sát nội bộ. Đồng thời, công tác đào tạo, phổ biến quy định pháp lý cho toàn bộ nhân viên được thực hiện định kỳ để đảm bảo mọi bộ phận đều hiểu và áp dụng đúng quy định.

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý tại NVS bao gồm các tranh chấp hợp đồng, kiện tụng dân sự, sai sót trong thỏa thuận pháp lý hoặc diễn giải luật không chính xác, có thể gây thiệt hại tài chính và ảnh hưởng đến uy tín công ty. Để kiểm soát, NVS duy trì bộ phận pháp chế chuyên trách thẩm định các hợp đồng, triển khai quy trình phê duyệt hai lớp và phối hợp với đơn vị tư vấn luật trong các giao dịch phức tạp. Tài liệu pháp lý được lưu trữ hệ thống để hỗ trợ xử lý tranh chấp và truy xuất khi cần thiết.



CHƯƠNG II. Quản trị công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị



ÔNG ĐẶNG HUY PHONG
Chủ tịch HĐQT

Ông Đặng Huy Phong là Cử nhân Luật Thương mại Quốc tế, có 11 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, từng giữ chức vụ quan trọng trong các công ty chứng khoán lớn
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
Chức danh nắm giữ tại công ty khác: Không có

ÔNG LÊ CHÍ PHÚC
Thành viên HĐQT

Ông Lê Chí Phúc là Cử nhân Chuyên ngành Kinh tế, có 15 năm kinh nghiệm tham gia thị trường chứng khoán, từng giữ nhiều chức vụ quản lý trong các công ty chứng khoán.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
Chức danh nắm giữ tại công ty khác:
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ SGI

ÔNG LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH
Thành viên HĐQT độc lập

Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh là Cử nhân Kế toán - Kiểm toán, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh hiện đồng thời là Chủ tịch Ủy ban kiểm toán của NVS.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
Chức danh nắm giữ tại công ty khác:
Phó TGD phụ trách Tài chính và Quyền Kế toán trưởng CTCP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn

ÔNG PHAN ANH TUẤN
Thành viên HĐQT

Ông Phan Anh Tuấn là Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, có 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán, đồng hành cùng NVS từ năm 2014.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
Chức danh nắm giữ tại công ty khác:
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Thường trực CTCP Quản lý Quỹ PVI

ÔNG NGUYỄN HOÀNG KỲ LÂN
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân là Cử nhân Quản trị Kinh doanh, là một nhà lãnh đạo trẻ, dẫn dắt, quản trị nhiều năm trong lĩnh vực đầu tư, thương mại
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 30,694%
Chức danh nắm giữ tại công ty khác:
Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu Tư và Du Lịch Sài Gòn

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị NVS. Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo các hoạt động của NVS được tiến hành đúng với Quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị đã tham mưu cho Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực nhân sự lương thưởng, quản trị rủi ro. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán đã phối hợp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ tổ chức các chương trình kiểm tra hoạt động, kiểm toán toàn diện, kiểm toán đột xuất và kiểm toán chuyên đề đối với các đơn vị trong nội bộ, đảm bảo nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ của NVS.

	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2024/NVS/NQ-HĐQT	27/02/2024	- Thông qua báo cáo kết quả khen thưởng cá nhân có đóng góp nổi bật vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023. - Thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về việc nâng cấp, phát triển website Công ty để đảm bảo website Công ty đáp ứng được các yêu cầu công nghệ hiện nay. - Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.	100%
02	02/2024/NVS/NQ-HĐQT	09/04/2024	- Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty. - HĐQT giao/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định kế hoạch, thời gian, địa điểm tổ chức, nội dung chương trình, tài liệu họp và quyết định các vấn đề/công việc cần thiết có liên quan khác để triển khai tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo quy định của Công ty và pháp luật.	100%
03	02.01/2024/NVS/NQ-HĐQT	05/06/2024	- Thống nhất kế hoạch và chương trình họp Đại Hội đồng cổ đông 2024. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm phân công triển khai thực hiện tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. - Thông qua các nội dung họp Đại Hội đồng cổ đông năm 2024. Hội đồng quản trị nhất trí ủy quyền cho Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT chỉ đạo chuẩn bị, phê duyệt nội dung các tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và cập nhật hoàn thiện các nội dung này lên Trang thông tin điện tử của Công ty muộn nhất vào ngày 24/06/2024.	100%
04	03/2024/NVS/NQ-HĐQT	03/07/2024	- Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân giữ chức vụ Thành viên Ủy ban kiểm toán Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 kể từ ngày 03/07/2024. - Thông qua việc bổ nhiệm Ông Đặng Huy Phong giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 03/07/2024. - Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền cho ông Phan Anh Tuấn – Tổng Giám đốc Công ty thực hiện ký kết Hợp đồng lao động và quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác (nếu có) đối với ông Đặng Huy Phong – chức vụ Phó Tổng Giám đốc. - Thông qua ban hành Quy chế Báo cáo và Công bố thông tin.	100%

	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
06	03.02/2024/NVS/NQ-HĐQT	24/09/2024	- Thông qua phê duyệt phương án đầu tư tự doanh mã cổ phiếu EME - Phân công thực hiện phương án đầu tư mã cổ phiếu EME	100%
07	04/2024/NVS/NQ-HĐQT	14/10/2024	- Thông qua đề xuất nâng cấp thay thế hệ thống Front Office, Front End, Module Margin của Công ty. - Ban hành Chính sách quản trị rủi ro năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.	100%
08	04.01/2024/NVS/NQ-HĐQT	27/11/2024	- Thông qua chấp thuận đề nghị từ nhiệm theo Đơn đề nghị từ nhiệm Tổng Giám đốc của ông Phan Anh Tuấn. - Hội đồng quản trị thống nhất miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của ông Phan Anh Tuấn kể từ ngày 22/12/2024. Ông Phan Anh Tuấn tiếp tục giữ chức vụ và thực hiện các công việc của Tổng Giám đốc cho đến ngày miễn nhiệm. - Hội đồng quản trị thống nhất giao Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký kết thanh lý Hợp đồng với ông Phan Anh Tuấn sau khi ông Phan Anh Tuấn miễn nhiệm theo đúng quy định tại pháp luật về lao động hiện hành.	100%
09	04.02/2024/NVS/NQ-HĐQT	06/12/2024	- Thông qua xét Đơn đề nghị từ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Phan Anh Tuấn. - Hội đồng quản trị thống nhất bổ nhiệm ông Đặng Huy Phong – thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank kể từ ngày 07/12/2024. - Hội đồng quản trị thống nhất thông qua kế hoạch thay đổi người đại diện theo pháp luật.	100%
10	04.03/2024/NVS/NQ-HĐQT	26/12/2024	- Thông qua phương án khắc phục tình trạng vi phạm điều kiện duy trì Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán. - Hội đồng quản trị giao Chủ tịch HĐQT thay mặt Công ty trình bày phương án khắc phục tình trạng vi phạm điều kiện duy trì Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật chứng khoán.	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2024, thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) độc lập đã tích cực thực hiện vai trò giám sát và phản biện chiến lược đối với các hoạt động quản trị, điều hành của Ban Giám đốc. Các thành viên độc lập đảm bảo tính minh bạch và cân bằng lợi ích giữa cổ đông, Ban điều hành và các bên liên quan, đặc biệt trong các quyết định lớn liên quan đến đầu tư, tài chính, và các giao dịch có khả năng phát sinh xung đột lợi ích.

Bên cạnh việc tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập đã chủ động đưa ra các ý kiến đóng góp về chiến lược tái cấu trúc, kiểm soát rủi ro, và cải tiến hệ thống quản trị nội bộ. Ngoài ra, họ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xem xét các báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo quản trị và giám sát tuân thủ quy định pháp luật, đảm bảo công ty vận hành đúng định hướng phát triển bền vững.

Trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, các thành viên độc lập tiếp tục giữ vai trò trung lập, khách quan, góp phần củng cố niềm tin của cổ đông và tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển dài hạn của doanh nghiệp.

ỦY BAN KIỂM TOÁN - TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định hiện hành cũng như theo tiêu chuẩn quốc tế, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán là tư vấn và giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ Công ty. Các thành viên của Ủy ban kiểm toán thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty.

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 28/06/2021	Cử nhân Đại học
2	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 28/06/2021, miễn nhiệm ngày 28/06/2024	Cử nhân Đại học
3	Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 03/07/2024	Cử nhân Đại học

Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Rà soát, kiểm tra và đôn đốc sửa đổi, bổ sung các quy trình Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được giao của Công ty;
- Rà soát, kiểm tra tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố thông tin liên quan đến kết quả tài chính công ty;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ và đôn đốc kiểm toán nội bộ theo dõi các giao dịch liên quan đến phòng chống rửa tiền;
- Theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

- **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban kiểm toán không hưởng lương cũng như thù lao của Công ty. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý hưởng lương hàng tháng và có các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Trong năm 2024, Công ty không phát sinh Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ
- **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Trong năm 2024, Công ty không phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.
- **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty đã thực hiện tuân thủ theo đúng quy định pháp luật về quản trị công ty. Đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, đồng thời mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.



CHƯƠNG III. Tình hình hoạt động trong năm

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bối cảnh thế giới 2024

Trong năm vừa qua, môi trường kinh doanh thế giới phải đối mặt với nhiều yếu tố bất định và khó khăn. Ba nền kinh tế lớn nhất thế giới đều có những thách thức riêng: Mỹ đang chứng kiến mức tăng trưởng khá quan nhờ chi tiêu tiêu dùng, đầu tư kinh doanh và xuất khẩu được cải thiện. Ở chiều ngược lại, Liên minh châu Âu (EU) hiện vẫn phải vật lộn với chi phí năng lượng cao và sự phục hồi chậm chạp, trong khi Trung Quốc vẫn đang phải nỗ lực chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế và bài toán thất nghiệp cao. Tình trạng căng thẳng trong thương mại quốc tế, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, Nga và phương Tây đang và sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực lên tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Tăng trưởng kinh tế

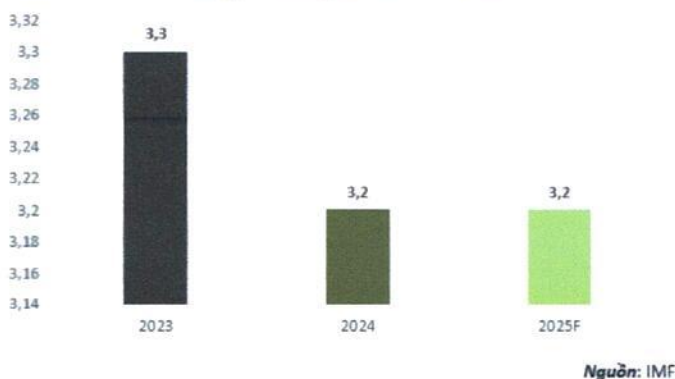
Năm 2024 tiếp tục chứng kiến sự phân hóa trong triển vọng tăng trưởng giữa các khu vực. Nhiều nền kinh tế phát triển đang phải đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng, bất chấp chính sách tiền tệ đã bắt đầu nới lỏng. Hoạt động kinh tế toàn cầu tuy không rơi vào suy thoái, nhưng vẫn ở mức thấp hơn tiềm năng, với lạm phát dù đã hạ nhiệt so với năm 2023, nhưng vẫn ở mức cao hơn mục tiêu tại nhiều quốc gia.

Đối với các nền kinh tế phát triển, tăng trưởng chung năm 2024 đạt mức 1,8%, tăng 0,1% so với mức tăng 1,7% năm 2023. Đối với các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, tăng trưởng kinh tế năm 2024 ổn định ở mức 4,2%. Ở chiều ngược lại, khu vực Mỹ Latinh và Caribe có mức tăng trưởng năm 2024 là 2,1%; dự báo năm 2025, con số này sẽ tăng lên mức 2,5%.

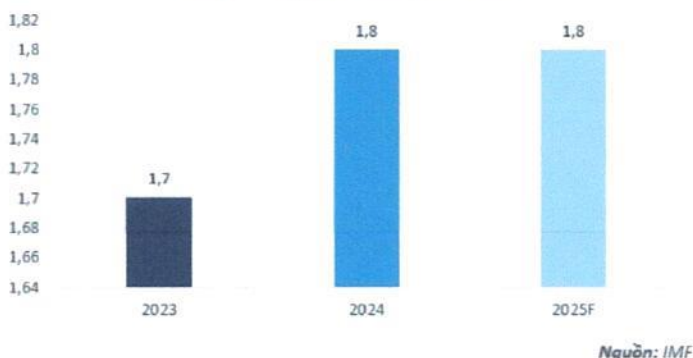
Lạm phát

Trong bối cảnh áp lực giá cả giảm trên diện rộng, IMF và OECD đều nhận định lạm phát chung tiếp tục giảm ở hầu hết các quốc gia trong năm 2024 do giá thực phẩm, năng lượng và hàng hóa giảm mạnh. Lạm phát năm của các nền kinh tế trung bình khu vực OECD đã giảm từ 3,8% vào tháng 10/2023 xuống còn 2,3% vào tháng 10/2024. Lạm phát cũng giảm đáng kể ở Bra-xin và Ấn Độ trong khoảng thời gian này, mặc dù có xu hướng tăng trở lại vào cuối năm 2024. Tại Trung Quốc, lạm phát vẫn ở mức rất thấp, với giá thực phẩm giảm đã làm mặt bằng giá chung giảm. Tại khoảng 2/3 các nền kinh tế phát triển và 3/5 các nền kinh tế thị trường mới nổi, lạm phát đã đạt mục tiêu của ngân hàng trung ương trong tháng 10/2024. Tuy nhiên, lạm phát cơ bản vẫn cao hơn mức mong muốn ở nhiều quốc gia, cho thấy áp lực giá vẫn còn dai dẳng.

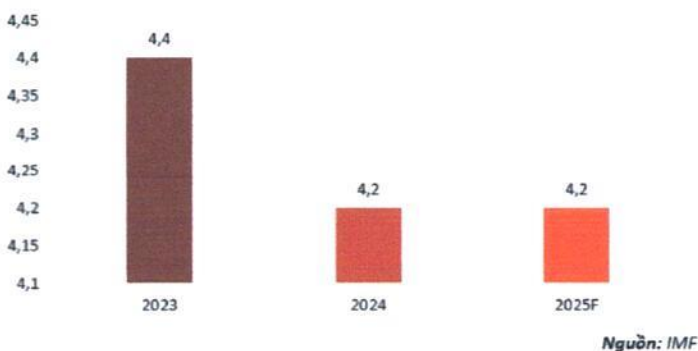
Tăng trưởng GDP toàn cầu



Tăng trưởng GDP nước phát triển



Tăng trưởng GDP nước đang phát triển

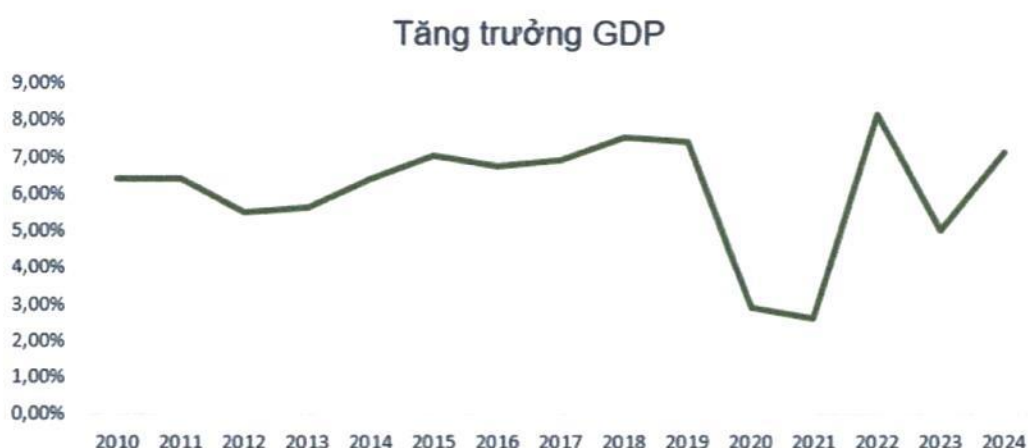


Kinh tế Việt Nam 2024

Tốc độ tăng trưởng GDP 2023 của Việt Nam ước tính tăng 7,09% so với năm trước. GDP năm 2023 của Việt Nam ước tính đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD. Tăng trưởng GDP năm 2025 chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế trong năm đến từ:

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%;
- Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%;
- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 3,38% svck, chiếm tỷ trọng 11,96%;
- Khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.



Nguồn: GSO

Môi trường đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2024, theo giá hiện hành ước đạt 3.692,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm trước (quý IV/2024 ước đạt 1.274,5 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7%), bao gồm: vốn khu vực Nhà nước đạt 1.019,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 27,6% tổng vốn và tăng 5,3%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 2.064,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,9% và tăng 7,7%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 608,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,5% và tăng 10,6%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,23 tỷ USD, giảm 3,0% so với năm trước. Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 3.502 lượt với tổng giá trị góp vốn 4,54 tỷ USD, giảm 48,1% so với năm trước. Trong đó, có 1.397 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 2,2 tỷ USD; 2.105 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 2,34 tỷ USD.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài năm 2024 có 164 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 603,7 triệu USD, gấp hơn hai lần so với năm trước; có 26 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh 61,1 triệu USD, giảm 55,8%. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (gồm vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 664,8 triệu USD, tăng 57,7% so với năm trước

Sản xuất công nghiệp

Năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 8,4% so với năm trước (năm 2023 tăng 1,3%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6% (năm 2023 tăng 1,5%), đóng góp 8,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,5%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,7%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 6,5%, làm giảm 1,0 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số CPI

Năm 2024, thị trường hàng hóa toàn cầu chịu ảnh hưởng bởi diễn biến phức tạp của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội thế giới. Xung đột leo thang ở Nga – U-crai-na, Trung Đông. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt. Bảo hộ thương mại và rào cản thương mại có xu hướng gia tăng khiến cho tình trạng phân mảnh của nền kinh tế toàn cầu diễn ra ngày càng nghiêm trọng.

Trong nước, hoạt động sản xuất hàng hóa, dịch vụ duy trì theo hướng tăng trưởng ổn định, bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và phục vụ xuất khẩu. CPI bình quân quý IV/2024 tăng 2,87% so với quý IV/2023. Tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp, dịch vụ, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất và chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa quý IV và năm 2024 có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước, riêng chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa giảm theo thị trường thế giới.

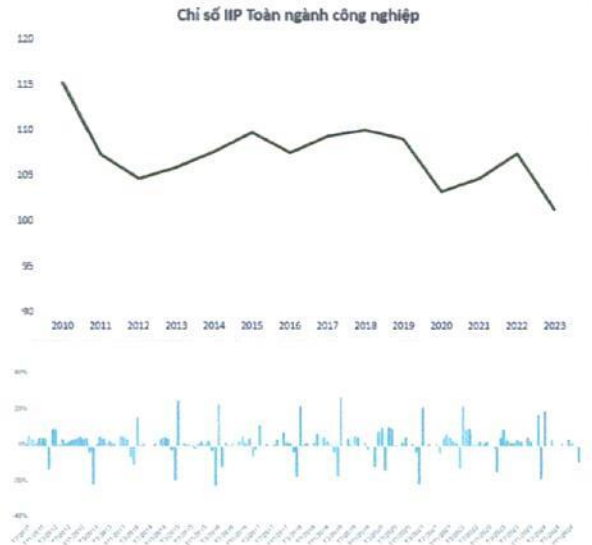
Tín dụng

Năm 2024, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tính đến thời điểm 25/12/2024, tổng phương tiện thanh toán tăng 9,42% so với cuối năm 2023 (cùng thời điểm năm trước tăng 10,34%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,06% (cùng thời điểm năm trước tăng 11,19%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 13,82% (cùng thời điểm năm trước tăng 11,48%).

Chính sách tiền tệ và tỷ giá

Chính sách tiền tệ được điều hành chủ động, linh hoạt thúc đẩy phát triển thị trường tài chính. Lãi suất điều hành được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) duy trì ở mức thấp, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay.

Theo số liệu của NHNN, tính đến thời điểm cuối năm 2024, mặt bằng lãi suất cho vay giảm 0,96%/năm so cuối năm 2023. Tỷ giá tính đến cuối năm 2024 tăng 5,03%, được cho là mức hợp lý và tương đối ổn định so với các quốc gia khác trong bối cảnh đồng USD tăng mạnh (Trong năm 2024, có thời điểm giá trị đồng USD tăng tới 7,6%, gây áp lực lên nhiều đồng tiền khác, nhất là đồng nội tệ của các nền kinh tế mới nổi. Tuy nhiên, so với nhiều quốc gia khác, Việt Nam vẫn là một trong những nước có tỷ giá ổn định). Áp lực tỷ giá được hạn chế, duy trì ổn định thị trường ngoại hối, các nhu cầu ngoại tệ được đáp ứng đầy đủ, góp phần ổn định thị trường tài chính và kinh tế vĩ mô. Tăng trưởng tín dụng được điều hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế. Tín dụng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và ưu tiên, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tính đến ngày 31/12/2024, tín dụng nền kinh tế tăng khoảng 15,08% so với cuối năm 2023.



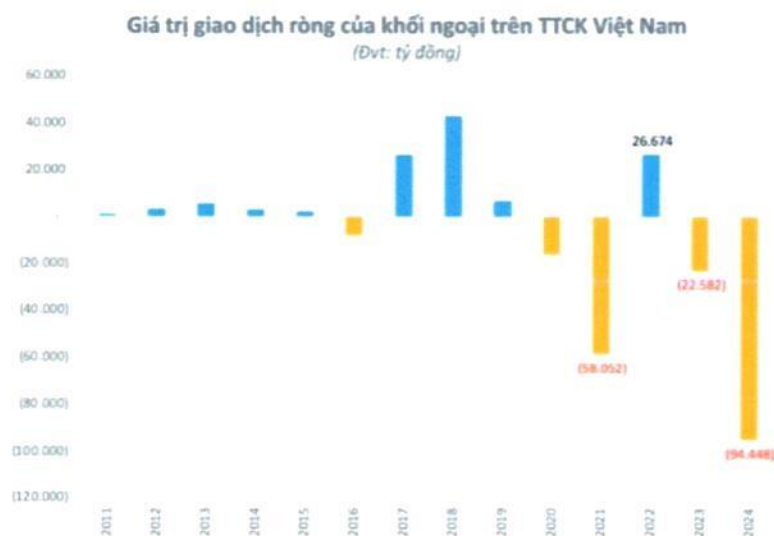
Nguồn: GSO

Thị trường tài chính

Thị trường cổ phiếu

Đến cuối năm 2024, VN-Index đạt 1.270 điểm, tăng 12,3% so với cuối năm 2023. Trong khi đó, HNX-Index kết thúc ở mức 229 điểm, giảm nhẹ 1,5%. Thanh khoản thị trường ghi nhận mức cải thiện đáng kể với giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 22.000 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2023.

Quy mô vốn hóa của thị trường cổ phiếu trên ba sàn HOSE, HNX, và UPCoM đạt mức 7.200 nghìn tỷ đồng, tăng 20% so với cuối năm 2023, tương đương khoảng 70% GDP. Năm 2024 cũng chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ trong số lượng tài khoản chứng khoán. Tổng cộng, 2 triệu tài khoản cá nhân trong nước được mở mới, nâng tổng số tài khoản lên 9,3 triệu, đạt hơn 9% dân số Việt Nam. Khối ngoại bán ròng gần 94.450 tỷ đồng trên toàn thị trường, tương ứng khoảng 3,7 tỷ USD, vượt qua mức bán ròng kỷ lục trong lịch sử ghi nhận vào năm 2021 (trên 58.000 tỷ đồng)



Năm 2024 trên sàn HOSE 10 công ty được niêm yết với tổng khối lượng niêm yết gần 2.55 tỷ cp, quy mô vốn điều lệ gần 25.5 ngàn tỷ đồng. Trong đó, có 7 công ty được chuyển sàn từ UPCoM sang, bao gồm Ngân hàng TMCP Nam Á (NAB), Chứng khoán DSC (DSC), Chứng khoán Thành Công (TCI), Điện lực Gelex (GEE), Giống bò sữa Mộc Châu (MCM), Bưu chính Viettel (VTP) và Thủy điện Húa Na (HNA). Trên sàn HNX, chỉ ghi nhận 2 trường hợp niêm yết mới của Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (CAR), Vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTX), quy mô gần 11.5 triệu CP.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Năm 2024 đánh dấu sự phục hồi rõ nét của thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) tại Việt Nam, với tổng giá trị phát hành trên thị trường sơ cấp đạt hơn 443,7 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng 26,8% so với năm 2023. Mặc dù chưa quay lại quy mô phát hành kỷ lục như năm 2021, kết quả này vẫn khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của kênh trái phiếu trong việc huy động vốn trung và dài hạn cho doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế đang dần phục hồi và niềm tin nhà đầu tư được cải thiện.

Tổng giá trị TPDN đang lưu hành tính đến cuối năm 2024 đạt khoảng 1,26 triệu tỷ đồng, tương đương 11,2% GDP. So với mục tiêu 20% GDP vào cuối năm 2025 của Chính phủ, quy mô này còn khá khiêm tốn. Đáng chú ý, khu vực phi ngân hàng chiếm đến 67% tổng giá trị phát hành trong năm, cho thấy sự dịch chuyển đáng kể về cơ cấu thị trường. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra thách thức trong việc đảm bảo chất lượng tín dụng và hướng dòng vốn vào hoạt động sản xuất – kinh doanh thực chất, thay vì phục vụ các mục đích đầu tư tài chính ngắn hạn.

Về thanh khoản, thị trường TPDN ghi nhận bước tiến rõ rệt với giá trị giao dịch bình quân đạt 4,4 nghìn tỷ đồng/ngày trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), tăng gần 78% so với năm trước. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy tính hấp dẫn của thị trường đang tăng lên, đồng thời phản ánh sự cải thiện về chất lượng hàng hóa và hạ tầng giao dịch, góp phần từng bước hình thành thị trường trái phiếu thứ cấp minh bạch và hiệu quả hơn.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

DOANH THU HOẠT ĐỘNG

Doanh thu hoạt động trong năm 2024 của NVS đạt 70.9 tỷ đồng chủ yếu đến từ hoạt động Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL). Dựa trên bảng số liệu chi tiết doanh thu hoạt động nêu trên, có thể thấy doanh thu của NVS năm 2024 có sự giảm đi so với năm 2023.

- So với năm 2023, doanh thu của các nghiệp vụ Tự doanh có sự sụt giảm do chịu ảnh hưởng của diễn biến thị trường chứng khoán xấu, phức tạp và biến động không ngừng. Năm 2024, các hoạt động phát hành chứng khoán có tăng so với năm trước nhưng mức tăng không nhiều. Doanh thu nghiệp vụ môi giới có khởi sắc, tăng nhiều so với năm 2023.
- Doanh thu của công ty giám so với năm ngoái do bối cảnh thị trường chứng khoán chung trong năm chưa khởi sắc, các dịch vụ tài chính phục vụ cho nhà đầu tư cũng không được gia tăng.

Kết quả kinh doanh	Năm 2023	Năm 2024	Thay đổi (%)
Kết quả kinh doanh chính (Triệu đồng)			
Doanh thu hoạt động	91.901	71.198	-22,61
Chi phí hoạt động	39.230	49.343	25,77
Lợi nhuận trước thuế	47.184	8.242	-82,53
Lợi nhuận sau thuế	37.934	2.076	-94,53
Bảng cân đối kế toán (Triệu đồng)			
Tổng tài sản	386.732	329.618	-14,77
Vốn chủ sở hữu	321.557	324.590	0,94
Các chỉ tiêu tài chính			
Thu nhập/Vốn cổ phần trung bình (ROAE)	12,54%	0,64%	-94,90
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) – đồng	1505	82	-94,55

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Doanh thu giảm, chi phí tăng nhiều nên lợi nhuận năm 2024 giảm mạnh so với năm 2023. Tuy nhiên, chi phí hoạt động tăng trong năm 2024 chủ yếu là từ chi phí dự phòng tài sản tài chính. Việc này không chỉ phản ánh sự thận trọng trong việc đối phó với những rủi ro tiềm ẩn mà còn là một phần trong chiến lược dài hạn của NVS. Việc đầu tư vào dự phòng tài sản tài chính là một chiến lược khôn ngoan nhằm bảo vệ công ty khỏi những biến động không lường trước được của thị trường, đồng thời tạo ra bộ đệm vững chắc giúp công ty vượt qua những giai đoạn khó khăn. Ngoài ra, các chi phí hoạt động tăng lên cũng là một phần trong kế hoạch phát triển tương lai của công ty, khi NVS đang tập trung vào việc củng cố các lĩnh vực mũi nhọn, mở rộng các dịch vụ tài chính và nâng cao năng lực cạnh tranh. Các khoản đầu tư vào công nghệ, nghiên cứu thị trường và cải tiến quy trình hoạt động sẽ tạo ra nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng bền vững trong dài hạn. NVS đã và đang xây dựng những bước đi chiến lược để chuẩn bị cho sự phục hồi mạnh mẽ khi thị trường chứng khoán ổn định trở lại, giúp công ty tận dụng tối đa cơ hội và đạt được mục tiêu phát triển vượt trội trong tương lai.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động và khó khăn kéo dài từ năm trước, công ty đã triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2024 với định hướng thận trọng, tập trung ổn định hoạt động và kiểm soát chi phí. Kết quả thực hiện cho thấy đa số chỉ tiêu trọng yếu đều tiệm cận kế hoạch hoặc đạt được mức độ tích cực hơn so với điều kiện thực tế. Cụ thể, doanh thu hoạt động đạt 53,28 tỷ đồng, tương đương 94,9% kế hoạch, do ảnh hưởng từ nhu cầu thị trường sụt giảm trong một số giai đoạn và công ty chủ động lựa chọn các hoạt động mang tính an toàn, bền vững thay vì mở rộng nhanh. Tuy vậy, việc kiểm soát hiệu quả các khoản chi phí đã góp phần quan trọng giúp tổng chi phí thực tế chỉ ở mức 36,51 tỷ đồng, thấp hơn kế hoạch 2,37 tỷ đồng, nhờ tối ưu hoá vận hành, tiết kiệm chi phí văn phòng và quản lý. Đáng chú ý, doanh thu hoạt động tài chính đạt 0,26 tỷ đồng, vượt 53% kế hoạch, đến từ việc công ty linh hoạt tận dụng dòng tiền nhàn rỗi để đầu tư ngắn hạn, đem lại hiệu quả sinh lời cao hơn dự kiến. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 17,03 tỷ đồng – gần bằng kế hoạch 17,41 tỷ đồng – cho thấy năng lực giữ vững hiệu quả tài chính của công ty trong điều kiện thị trường không thuận lợi. Tổng thể, năm 2024 được xem là một năm ổn định, với kết quả tài chính tương đối khả quan. Công ty đã duy trì được biên lợi nhuận an toàn, tập trung kiểm soát rủi ro và từng bước tạo nền tảng cho giai đoạn phục hồi và phát triển trong các năm tiếp theo.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Kinh nghiệm làm việc
1	Ông Đặng Huy Phong	Tổng Giám đốc	
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Kế toán trưởng	Cử nhân Kế toán - Kiểm toán, có 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán
3	Ông Ngô Văn Doanh	Giám đốc Khối Môi giới	Cử nhân Quản trị kinh doanh
4	Ông Lê Xuân Trường	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin	Cử nhân Công nghệ thông tin
5	Bà Mai Thị Hồng	Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư	Cử nhân Tài chính kế toán
6	Bà Phan Mai Quỳnh Trang	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Danh sách ban điều hành cập nhật tại ngày 31/12/2024
- Hiện nay, Ban điều hành Công ty đều có tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0%

Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Con người không chỉ là tài nguyên quý giá, mà còn là động lực then chốt thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS). Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, đặc biệt trong năm đầu tiên, NVS luôn xác định rằng con người chính là yếu tố nền tảng cho mọi thành công của công ty. Chính vì vậy, việc đầu tư vào nguồn nhân lực đã trở thành kim chỉ nam, là chiến lược xuyên suốt và là mục tiêu trọng yếu để công ty vươn tới các thành công bền vững trong tương lai.

Ngoài ra, NVS cũng nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì một đội ngũ nhân viên vững mạnh và đồng lòng. Mỗi thành viên trong công ty đều đóng góp một phần quan trọng vào việc xây dựng văn hóa công ty, tạo ra một môi trường làm việc tích cực, nơi mà mọi người có thể hợp tác và cùng nhau đạt được các mục tiêu chung. Chính đội ngũ nhân viên đầy nhiệt huyết và tài năng này đã giúp NVS vượt qua những thử thách và khó khăn trong quá trình phát triển.

Với chiến lược phát triển bền vững, NVS cam kết không chỉ tập trung vào các yếu tố tài chính hay công nghệ, mà còn chú trọng đến việc xây dựng một lực lượng lao động có trình độ, năng lực và phẩm chất cao. Sự phát triển của nguồn nhân lực sẽ luôn gắn liền với mục tiêu nâng cao giá trị công ty, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất và mang lại lợi ích lâu dài cho các cổ đông.

Năm 2024, tổng số cán bộ nhân viên tại NVS là 31 người với 14 nhân viên có chứng chỉ hành nghề. Nguồn nhân lực của Công ty đa dạng về lứa tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo và trình độ chuyên môn, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở độ tuổi 22-38 (chiếm trên 50%) và có trình độ từ đại học trở lên (chiếm 100%). Chính sách quản trị nguồn nhân lực của NVS là hướng đến sự duy trì và ổn định hệ thống tổ chức và cán bộ nhân viên. Tiêu biểu là 60% cán bộ nhân viên của NVS đều đã gắn bó với công ty từ 8-15 năm, tuy có sự chuyển giao công việc nhưng chất lượng nhân sự luôn được ổn định. Điều này không chỉ thể hiện sự ổn định của NVS mà còn đảm bảo nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động của công ty.

Năm





Trong năm 2024, công ty đã thực hiện một số điều chỉnh trong chính sách nhân sự nhằm thích ứng với giai đoạn phục hồi của nền kinh tế, đồng thời tạo động lực làm việc và giữ chân người lao động có năng lực, gắn bó lâu dài với tổ chức. Thông qua các điều chỉnh chính sách trong năm 2024, công ty từng bước củng cố nền tảng nhân sự vững chắc, góp phần nâng cao năng suất lao động và tạo dựng môi trường làm việc tích cực, chuyên nghiệp và công bằng.

Một số thay đổi đáng chú ý bao gồm:

- Điều chỉnh mức lương và thưởng theo hướng linh hoạt và gắn với hiệu suất công việc, áp dụng cơ chế thưởng theo kết quả cá nhân và hiệu quả chung của bộ phận. Các bộ phận hoàn thành vượt chỉ tiêu được xét thưởng thêm theo quý.
- Mở rộng chính sách phúc lợi, tăng mức hỗ trợ chi phí ăn trưa, nâng cấp gói bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho nhân viên chính thức và hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ toàn công ty.
- Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên môn và kỹ năng mềm định kỳ, ưu tiên đào tạo các nhóm kỹ năng phù hợp với định hướng chuyển đổi số, nâng cao năng lực công nghệ và kỹ năng tư vấn tài chính.
- Tăng cường các hoạt động nội bộ và giao tiếp nội bộ, bao gồm đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo và nhân viên, khảo sát mức độ hài lòng, và các hoạt động văn hóa doanh nghiệp để nâng cao tinh thần đoàn kết, kết nối nội bộ và giảm tỷ lệ nghỉ việc.

Cơ cấu nhân sự năm 2024

	Số lượng nhân sự	% nhân sự mỗi bộ phận/Tổng nhân sự	Số lượng nhân sự có chứng chỉ hành nghề	% nhân sự có chứng chỉ hành nghề/Mỗi bộ phận
Ban Giám đốc	01	3%	01	100%
Bộ phận môi giới	03	10%	03	100%
Bộ phận tự doanh	03	10%	03	100%
Bộ phận bảo lãnh phát hành	03	10%	03	100%
Bộ phận tư vấn đầu tư	03	10%	03	100%
Bộ phận khác	16	55%	01	6%
Tổng số	31	100%	14	48%

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đã thực hiện đầu tư vào một số cổ phiếu chưa niêm yết/đăng ký giao dịch như: Công ty Cổ phần Điện cơ với khối lượng 566.000 cổ phiếu, tương ứng giá trị đầu tư là 14.150 triệu đồng. Đây cũng là khoản đầu tư cổ phiếu đáng chú ý trong kỳ.

Đối với trái phiếu, Công ty đã thực hiện giao dịch tổng cộng 618.498,86 triệu đồng giá trị mua và 688.050,42 triệu đồng giá trị bán trong kỳ. Trong đó, hai khoản đầu tư trái phiếu lớn bao gồm:

- Trái phiếu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP với kỳ hạn từ 2 đến dưới 5 năm, mua 59.794 trái phiếu, giá trị 58.453,04 triệu đồng, và bán ra 102.071 trái phiếu tương ứng 102.999,34 triệu đồng.
- Trái phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương được mua vào và bán ra trong kỳ với cùng khối lượng 578.374 trái phiếu. Giá trị mua đạt 560.045,82 triệu đồng và giá trị bán đạt 585.051,08 triệu đồng. Do đó, Công ty không còn nắm giữ khoản đầu tư này tại thời điểm cuối kỳ.

Tính đến cuối kỳ, tổng giá trị đầu tư vào cổ phiếu của Công ty là 36.779,70 triệu đồng, trong đó nổi bật là các khoản đầu tư vào:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn với 2.828.713.000 cổ phiếu, giá trị 22.629,70 triệu đồng, chiếm 2,35% tổng tỷ lệ đầu tư.
- Công ty Cổ phần Điện Cơ với giá trị 14.150 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ đầu tư 15,00%.

Về góp vốn vào các tổ chức/dự án kinh doanh, tổng giá trị là 3.300 triệu đồng, chiếm 1,02% tổng tỷ lệ đầu tư, tập trung tại Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi Sarira Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng đang nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị 26.513,10 triệu đồng, bao gồm: 1.210,01 triệu đồng của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP và 3.064,35 triệu đồng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va.

Tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định chiếm 1,16%, đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp chiếm 8,17%, trong khi tổng tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh là 38,54%.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (đơn vị: Triệu đồng)	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	386,732	329,618	-14.77%
Tài sản ngắn hạn	376,861	318,443	-15.50%
Doanh thu hoạt động	91,901	71,198	-22.53%
Lợi nhuận trước thuế	47,184	8,054	-82.93%
Lợi nhuận sau thuế	37,934	1,914	-94.95%

Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2023	2024	Ghi chú
Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSNH/Nợ NH	Lần	5,78	61,42	
Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Nợ/TTS	Lần	16,85	1,57	
+ Nợ/VCSH	Lần	20,27	1,6	
Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Doanh thu hoạt động/TTS	%	23,76	21,6	
Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ LNST/Doanh thu hoạt động	%	41,28	2,69	
+ LNST/VCSHbq	%	12,54	0,59	
+ LNST/TTSbq	%	9,28	0,27	



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

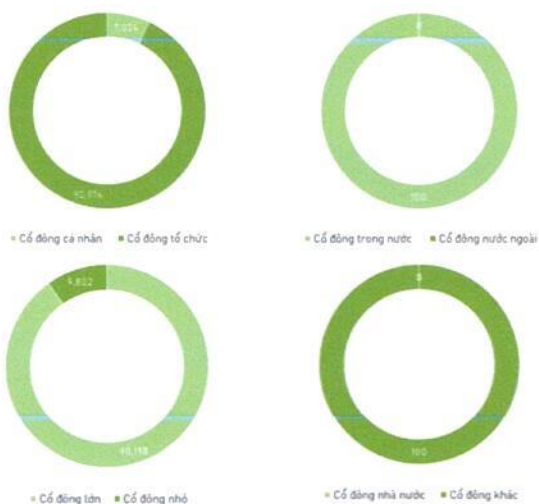
Cổ phần

Thông tin cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày 31/12/2024:

TỔNG SỐ CỔ PHẦN	25.200.000	CỔ PHẦN
SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH	25.200.000	CỔ PHẦN
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	25.200.000	CỔ PHẦN
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	CỔ PHẦN

Cơ cấu cổ đông

Thông tin cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2024:



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị sau khi tăng vốn (tỷ đồng)	Giá trị tăng trong kỳ (tỷ đồng)	Ghi chú
01	16/05/2008	42	0	Vốn điều lệ ban đầu
02	27/04/2009	35,1	- 6,9	Chuyển nhượng, thay đổi cơ cấu
03	19/05/2011	161	125,9	Chào bán riêng lẻ
04	14/05/2015	187	26	Chào bán riêng lẻ
05	13/10/2021	252	65	Chào bán riêng lẻ

Giao dịch cổ phiếu quỹ:
không có
Các chứng khoán khác:
không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Tác động lên môi trường

Không có



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Không có



Tiêu thụ năng lượng

Không có

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Do hoạt động kinh doanh đặc thù của doanh nghiệp không liên quan đến lĩnh vực sản xuất, lượng tiêu thụ nước của Công ty chủ yếu phục vụ cho các hoạt động vận hành văn phòng. Tổng kinh phí tiêu thụ nước phục vụ cho hoạt động kinh doanh được căn cứ vào hóa đơn văn phòng tiền toán và thanh toán hàng tháng theo thực tế sử dụng.

Toàn bộ Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty luôn đảm bảo tuân thủ việc tiết kiệm nguồn tài nguyên như điện, nước, giấy văn phòng trong hoạt động và công việc tại Công ty, đồng thời có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Không có.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không có

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: Tính đến ngày 31/12/2024, số lượng cán bộ nhân viên toàn Công ty là 31 người.
- Thu nhập bình quân của người lao động tại NVS khoảng 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty luôn xác định người lao động là tài sản quan trọng nhất, do đó đã triển khai đồng bộ nhiều chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi toàn diện cho cán bộ nhân viên. Môi trường làm việc được duy trì an toàn, thân thiện và chuyên nghiệp với đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất hỗ trợ công việc và nghỉ ngơi. Công ty thường xuyên tổ chức các buổi kiểm tra sức khỏe định kỳ, tiêm ngừa và các chương trình tư vấn chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần.

Bên cạnh các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật, người lao động còn được hưởng thêm các chính sách phúc lợi mở rộng như: bảo hiểm sức khỏe nâng cao, chế độ nghỉ phép linh hoạt, hỗ trợ chi phí thai sản, phụ cấp nuôi con nhỏ, chế độ nghỉ dưỡng hàng năm, các hoạt động gắn kết nội bộ, thể thao và văn hóa.

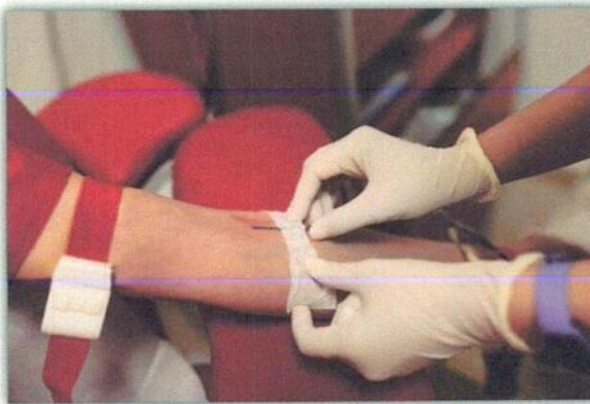
Công ty cũng chú trọng xây dựng văn hóa tôn trọng và lắng nghe, khuyến khích người lao động đóng góp ý kiến cải tiến môi trường làm việc. Các chính sách về giờ làm việc, chế độ lương thưởng, đào tạo và phát triển nghề nghiệp được thiết kế minh bạch, công bằng và nhất quán để tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực và gắn bó lâu dài với tổ chức.

Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2024, các khối chuyên môn của Công ty đã tích cực tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu, được tổ chức bởi các cơ quan quản lý, hiệp hội chuyên ngành và đơn vị nội bộ.

- Số giờ đào tạo trung bình:
 - Nhân viên khối nghiệp vụ: 15 giờ/người/năm
 - Nhân viên khối hỗ trợ: 12 giờ/người/năm
 - Cán bộ quản lý: 18 giờ/người/năm

Hoạt động đào tạo	Nội dung chính	Đối tượng tham dự
Khóa học "Phân tích trái phiếu DN & định giá trái phiếu" (VBMA)	- Cấu trúc và rủi ro trái phiếu DN - Kỹ thuật định giá và ứng dụng mô hình định giá	Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư
Khóa học "Quản lý danh mục đầu tư trái phiếu" (VBMA)	- Chiến lược xây dựng và tái cơ cấu danh mục - Phân tích duration, yield, convexity	Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư
Khóa học "Phân tích tài chính doanh nghiệp phát hành trái phiếu" (VBMA)	- Phân tích BCTC doanh nghiệp phát hành - Đánh giá khả năng thanh toán và rủi ro tín dụng	Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư
Tập huấn kết nối hệ thống KRX	- Hướng dẫn chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu, kiểm thử - Quy trình kết nối và xử lý dữ liệu	Khối Công nghệ Thông tin Khối Môi giới
Đào tạo hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ	- Cấu trúc hệ thống giao dịch mới - Chuẩn bị vận hành và kiểm thử	Khối Công nghệ Thông tin
Đào tạo hệ thống thu thuế cổ tức tự động	- Triển khai hệ thống khấu trừ và nộp thuế cổ tức tự động	Khối Công nghệ Thông tin
Hướng dẫn kết nối xác thực NĐT với CSDL quốc gia	- Chuẩn hóa định danh nhà đầu tư theo yêu cầu của cơ quan quản lý	Khối Công nghệ Thông tin
Đào tạo nội bộ về bảo mật và an toàn hệ thống	- Phòng ngừa rủi ro bảo mật - Tối ưu an toàn thông tin trong giao dịch	Khối Công nghệ Thông tin
Triển khai và thử nghiệm hệ thống FO/FE và cho vay đa nguồn (Margin)	- Góp ý, kiểm thử và phối hợp xây dựng phần mềm giao dịch và margin	Khối Công nghệ Thông tin Khối Môi giới
Tập huấn sử dụng hệ thống giao dịch mới (Web, iOS, Android)	- Hướng dẫn sử dụng hệ thống mới - Quy trình hỗ trợ và xử lý giao dịch trên nền tảng số	Khối Môi giới
Đào tạo kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng	- Kỹ thuật tiếp cận khách hàng cá nhân - Kỹ năng duy trì và mở rộng tệp khách hàng	Khối Môi giới
Đào tạo kiểm soát lỗi giao dịch và tuân thủ quy định pháp lý	- Quy trình kiểm tra, sửa lỗi - Tuân thủ pháp lý và hạn chế rủi ro trong xử lý lệnh	Khối Môi giới



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2024, nhân viên của NVS đã tham gia các hoạt động nhân đạo, phát triển cộng đồng và xã hội như:

- Toàn thể nhân viên tham gia hoạt động hiến máu nhân đạo. Đây là một trong những hoạt động xã hội tích cực và thiết thực, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động đối với cộng đồng và xã hội.
- Bên cạnh đó, NVS cũng tuyên truyền và cùng toàn nhân viên công ty tham gia quyên góp hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, các đồng bào vùng lũ lụt, vùng sâu, vùng xa.
- Bên cạnh các nỗ lực nội bộ, NVS đã tích cực lan tỏa tinh thần xanh đến cộng đồng thông qua việc tham gia các hoạt động như: Đối pin lấy cây xanh,... nhằm nâng cao nhận thức và hướng tới một tương lai phát triển bền vững. Đồng thời NVS luôn trang bị những thiết bị như điều hòa không khí hiện đại, thân thiện với môi trường. Nhiệt độ điều hòa trong giờ làm việc cũng luôn được thiết lập ở mức nhiệt độ phù hợp nhất, đảm bảo hiệu năng cao. Tắt điều hòa ngay sau giờ làm việc và khuyến khích các đơn vị thực hành tiết kiệm điện khi sử dụng quạt và điều hòa.
- Các chất thải rắn không nguy hại gồm rác thải sinh hoạt và rác thải tái chế bao gồm các loại bao bì carton, thùng giấy, giấy văn phòng,... đều được phân loại, thu gom và có nhân viên vệ sinh xử lý theo quy định. Luôn tái sử dụng bình mực máy in, photocopy bằng cách bơm mực thay vì thay mới để hạn chế phát thải ra môi trường.
- Ngoài ra, đèn điện hư hỏng được thay thế, các vật dụng văn phòng hư hỏng như: bàn ghế, tủ, bàn phím, máy tính,... đều được phân loại riêng và xử lý đúng quy trình.

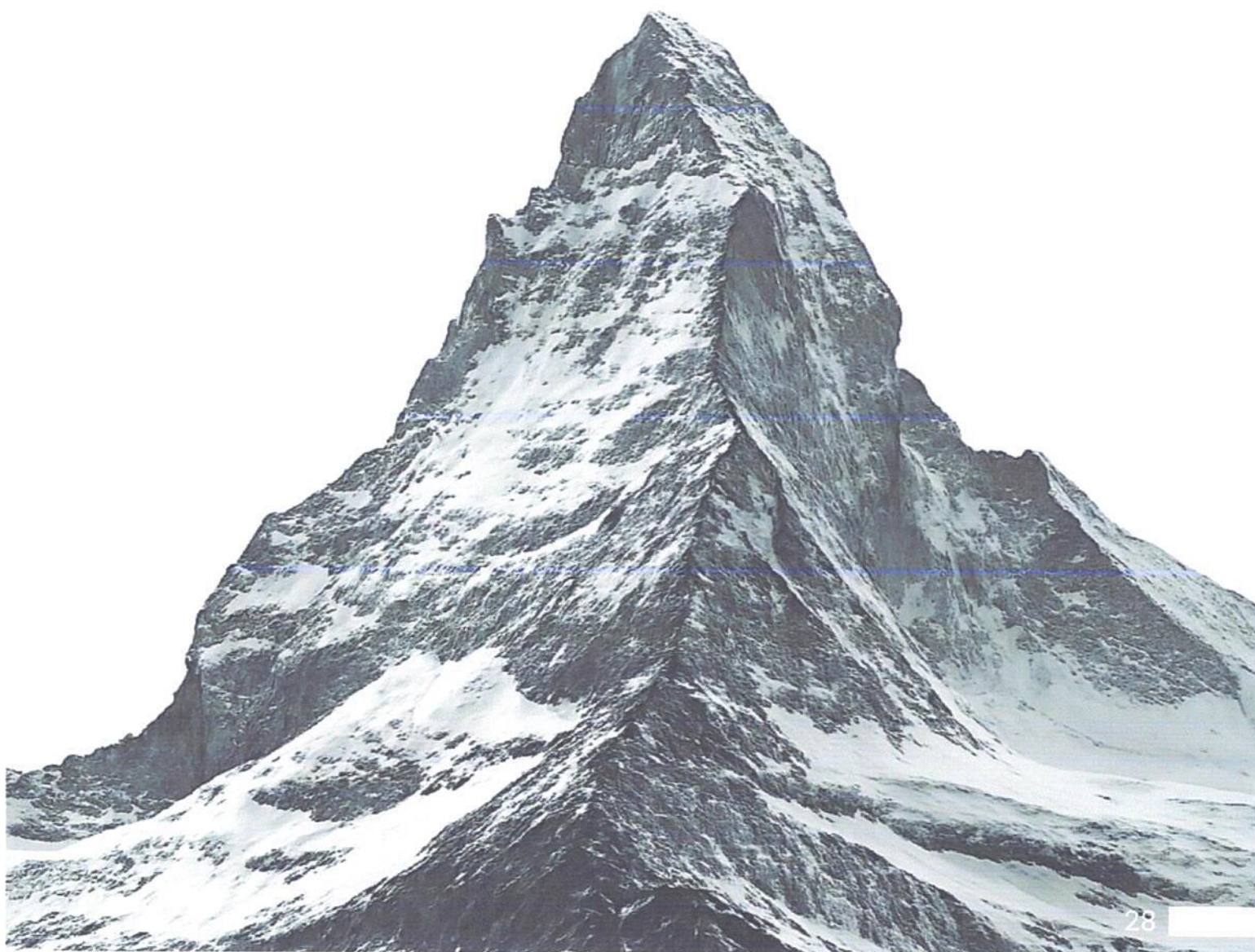
Trong năm 2025, NVS cam kết sẽ tiếp tục phát huy và đẩy mạnh những hoạt động nhằm phát triển cộng đồng và xã hội.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

CHƯƠNG IV.

**Báo cáo và đánh giá của
Ban Tổng Giám đốc**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá kết quả hoạt động chung

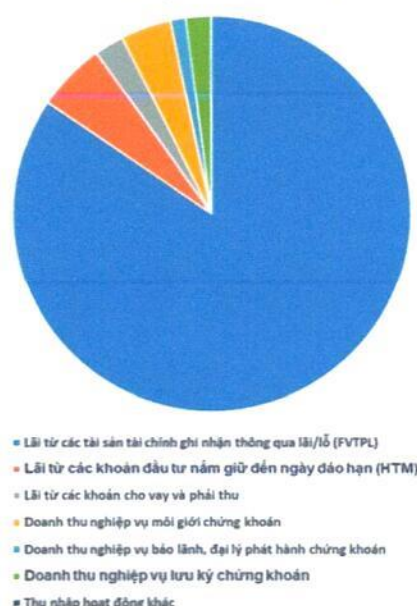
Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự sụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ, đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực.

Sau những tín hiệu tích cực của thị trường chứng khoán và kinh tế, NVS đã đạt được những thành quả đáng chú ý sau:

- Tổng doanh thu hoạt động: 71,2 tỷ VND (giảm 22,53%)
- Lợi nhuận sau thuế: 1,92 tỷ VND (giảm 94,95%)
- Doanh thu từ hoạt động tài chính: 0,13 tỷ VND (giảm 24%)
- Biên lợi nhuận gộp là 30,7% vào năm 2024, giảm từ 57,31% vào năm 2023

Xét cơ cấu doanh thu theo nghiệp vụ, doanh thu lãi tài sản tài chính đạt 64,17 tỷ đồng, chiếm 89% tổng cơ cấu doanh thu các hoạt động. Trong đó, lãi từ hoạt động FVTPL đạt 60,18 tỷ đồng và lãi từ hoạt động HTM đạt 4 tỷ đồng. Tiếp theo là đến hoạt động môi giới và hoạt động lưu ký chứng khoán với doanh thu đạt lần lượt là 2,93 tỷ đồng và 1,45 tỷ đồng, lần lượt tương ứng 4,12% và 2,05% trên doanh thu.

Cơ cấu nguồn thu NVS 2024



Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư



Năm 2024 vẫn là một năm khó khăn với thị trường trái phiếu doanh nghiệp khi niềm tin của nhà đầu tư chưa trở lại và dư nợ trái phiếu quá hạn còn cao. Tuy nhiên trong năm này, thị trường trái phiếu doanh nghiệp chứng kiến sự phục hồi ấn tượng với tổng giá trị phát hành đạt 443.000 tỷ. Theo đó, giá trị phát hành mới trong năm 2024 đã bật tăng mạnh sau 2 năm suy giảm (năm 2022 là 270.000 tỷ đồng và năm 2023 là 311.200 tỷ đồng). Đây là tín hiệu tích cực, phản ánh sự hồi phục của kênh huy động vốn này. Năm bắt cơ hội này, NVS đã hoàn thành tư vấn hồ sơ phát hành và niêm yết trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) với tổng giá trị phát hành đạt 1.580 tỷ đồng trong tháng 11 và 12/2024. Ngoài ra định hướng của IB cũng chuyển biến theo hướng sẽ tập trung tư vấn thu xếp nguồn vốn vay cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hay các dự án năng lượng. Cụ thể bên IB đang xúc tiến thu xếp nguồn cho Dự

án điện gió Bắc Phương 100MW với tổng vay 2.000 tỷ đồng tại Bạc Liêu, hay Dự án thủy điện Tây Trà của CTCP tập đoàn Hataco Việt Nam với tổng nguồn vay khoảng 800 tỷ đồng, các doanh nghiệp nhỏ như CTCP Tâm Việt Food chuyên ngành thực phẩm... Hiện Dự án thủy điện Tây Trà của CTCP tập đoàn Hataco Việt Nam với tổng nguồn vay khoảng 800 tỷ đồng đã được IB làm việc với Vietinbank từ giữa năm 2024 dự kiến quý 1, 2 năm 2025 sẽ có thể hoàn thành.

Hoạt động tư vấn M&A vẫn được chú trọng phát triển đặc biệt là mảng năng lượng do NVS hiểu được tầm quan trọng của chiến lược phát triển năng lượng của quốc gia trong thời gian tới.

Trong năm 2024, NVS đã ký kết hợp đồng tư vấn thường xuyên với China Hua Neng Group Hong Kong Limited – Công ty chuyên về đầu tư ra nước ngoài của Tập đoàn Huaneng Trung Quốc đứng Top 2 của Trung Quốc có hoạt động kinh doanh phát triển, đầu tư, xây dựng, vận hành và quản lý các nguồn điện. Ngoài tư vấn về các nội dung liên quan đến các chính sách IB còn giới thiệu các dự án điện cho Huaneng cụ thể là Dự án điện gió 450MW tại Lào của Tập đoàn Đại Dững, Dự án điện gió 180MW tại Sơn La của tập đoàn Hataco, Dự án điện gió 40MW của tập đoàn Vgroup, Dự án điện gió 130MW của TCE....Điều này khẳng định tính chuyên nghiệp và sự hiểu biết sâu sắc của NVS trên thị trường năng lượng. Khối ngân hàng đầu tư vẫn tiếp tục duy trì tư vấn, kết nối và hợp tác với những khách hàng lớn trên thị trường năng lượng như CTCP Tập đoàn Tài Tâm, CTCP V-group, Công ty TNHH Thủy điện An Bình, CTCP giải pháp năng lượng gió HBRE, CTCP Tập đoàn Bắc Phương, CTCP Tập đoàn Hataco Việt Nam, CTCP Tập đoàn Sao Mai, TotalEnergies Vietnam, Development Bank of Japan Inc. (DBJ)....



Khối Công nghệ thông tin

Hệ thống Công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng và phần mềm) là một trụ cột quan trọng trong hoạt động của CTCK nói chung và NVS nói riêng. Khối Công nghệ thông tin năm vừa qua đã hoạt động hiệu quả, với liên tục các hoạt động, tiêu biểu là triển khai mới phần hạ tầng, đồng thời rà soát nâng cấp hệ thống phần mềm theo yêu cầu của cơ quan quản lý cũng như tối ưu vận hành và chi phí sử dụng... Bởi hệ thống Công nghệ thông tin chính là một trong những bộ phận quan trọng của Công ty chứng khoán. Năm 2024, NVS đã có những đầu tư hợp lý và quyết liệt để đảm bảo chuẩn bị cho hoạt động của công ty hiện tại cũng như những kế hoạch phát triển trong thời gian tới. Cụ thể:

Về phần mềm hỗ trợ giao dịch:

- NVS đã triển khai hệ thống (KRX) sẵn sàng đưa vào hoạt động theo yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.
- NVS đã đưa hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ vào hoạt động
- NVS cũng đã rà soát và chỉnh sửa hệ thống để đáp ứng các yêu cầu về pháp luật cho hoạt động giao dịch và cũng đã nâng cấp hệ thống thu thuế cổ tức tự động.
- NVS hoàn thành nâng cấp hệ thống website,
- NVS đã hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống xác thực thông nhà đầu tư với Cơ sở dữ liệu quốc gia.
- NVS đã ký hợp đồng hợp tác triển khai thay thế hệ thống FO & FE và hệ thống cho vay đa nguồn (Margin) theo định hướng phát triển của công ty. Dự kiến dự án sẽ hoàn thành vào quý 3 năm 2025. Việc hoàn thành hệ thống FO và FE sẽ làm tăng khả năng tiếp cận khách hàng cũng khách hàng sẽ thuận tiện hơn trong việc giao dịch. Các hoạt động kiểm soát và cho vay được hệ thống hỗ trợ thực hiện thông minh hơn từ hệ thống cảnh báo và tự động hóa xử lý.

Về hạ tầng giao dịch:

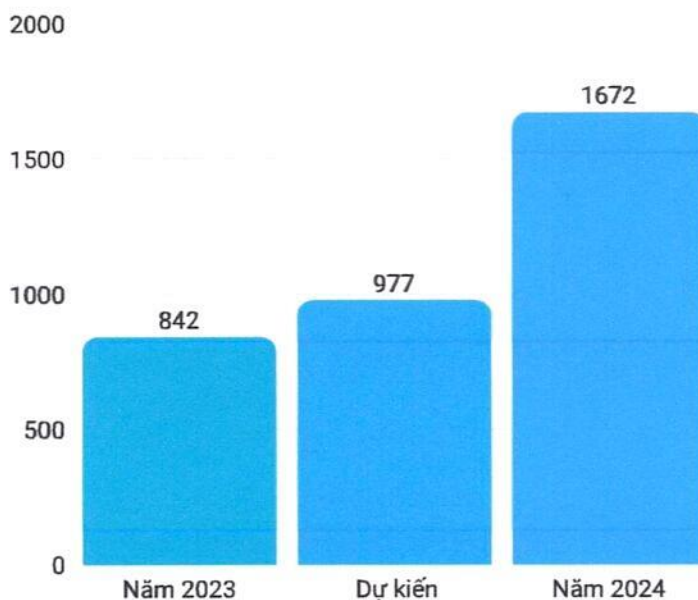
- Năm 2024, Khối CNTT hoàn thành triển khai phần triển khai hệ thống thiết bị hạ tầng mạng và bảo vào quý 2 năm 2024 theo kế hoạch. Việc hoàn thành nâng cấp đảm bảo an toàn và ổn định cho hoạt động công nghệ thông tin của công ty trong tương lai. Đồng thời đáp ứng được phần lớn quy định về an toàn thông tin của cơ quan quản lý.
- Khối CNTT đã đưa vào hoạt động hệ thống tổng đài IP phone, hệ thống email và Office 365 nhằm đảm bảo sự ổn định, thuận lợi và an toàn hơn khi tương tác công việc nội bộ, đối tác, khách hàng.

Khối Môi giới chứng khoán

Năm 2024 tiếp tục là một năm thử thách với hoạt động môi giới cổ phiếu của NVS. Những diễn biến khó lường của tình hình chính trị, kinh tế thế giới, cộng thêm việc các kênh đầu tư như Bất động sản, Tiền số sôi động hấp dẫn hơn dòng tiền từ Chứng khoán đã tác động tiêu cực tới thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tuy nhiên bằng sự cố gắng từ đội ngũ nhân viên Môi Giới, giá trị giao dịch và phí giao dịch tăng mạnh vượt xa kế hoạch đặt ra từ đầu năm, cụ thể: Giá trị giao dịch Cổ phiếu tại NVS năm 2024 đạt 1.672 tỷ đồng, tăng 99% so với năm 2023 (842 tỷ đồng), vượt xa kế hoạch đặt ra đầu năm là tăng trưởng 16%. Phí giao dịch thu được từ hoạt động Môi giới cổ phiếu năm 2024 đạt 2,69 tỷ đồng, tăng 95% so với năm 2023 (1,38 tỷ đồng) cũng vượt xa kế hoạch tăng trưởng đặt ra đầu năm là 16%.

Với các diễn biến tiếp tục không thuận lợi để dòng tiền tìm đến thị trường chứng khoán trong năm 2025 do bị cạnh tranh bởi các kênh đầu tư khác như Bất Động Sản, Tiền Số, và các biến động lớn có thể xảy ra do chính sách áp thuế cao hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ của Tổng Thống đắc cử mới. Hoạt động Môi giới cổ phiếu vẫn đặt ra mục tiêu tăng trưởng giá trị giao dịch và số phí thu được ở mức cao, cụ thể: Giá trị giao dịch năm 2025 dự kiến đạt 3.500 tỷ đồng, tăng 109% so với năm 2024 (1.672 tỷ đồng). Phí giao dịch dự kiến thu được 5 tỷ đồng, tăng 87% so với năm 2024 (2,69 tỷ đồng).



Giá trị giao dịch Cổ phiếu tại NVS

Các khối hỗ trợ

Đồng hành cùng sự nỗ lực của ba khối Công nghệ Thông tin, Môi giới và Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, các bộ phận backoffice đã đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và đảm bảo hoạt động suôn sẻ. Đặc biệt, Bộ phận Xử lý Giao dịch Tự doanh (thuộc Phòng Tự doanh), Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Hành chính - Nhân sự, Phòng Pháp chế và Kiểm soát Nội bộ đã góp phần không nhỏ vào việc duy trì sự ổn định, nâng cao hiệu suất và tạo nền tảng vững chắc cho những thành công đạt được.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

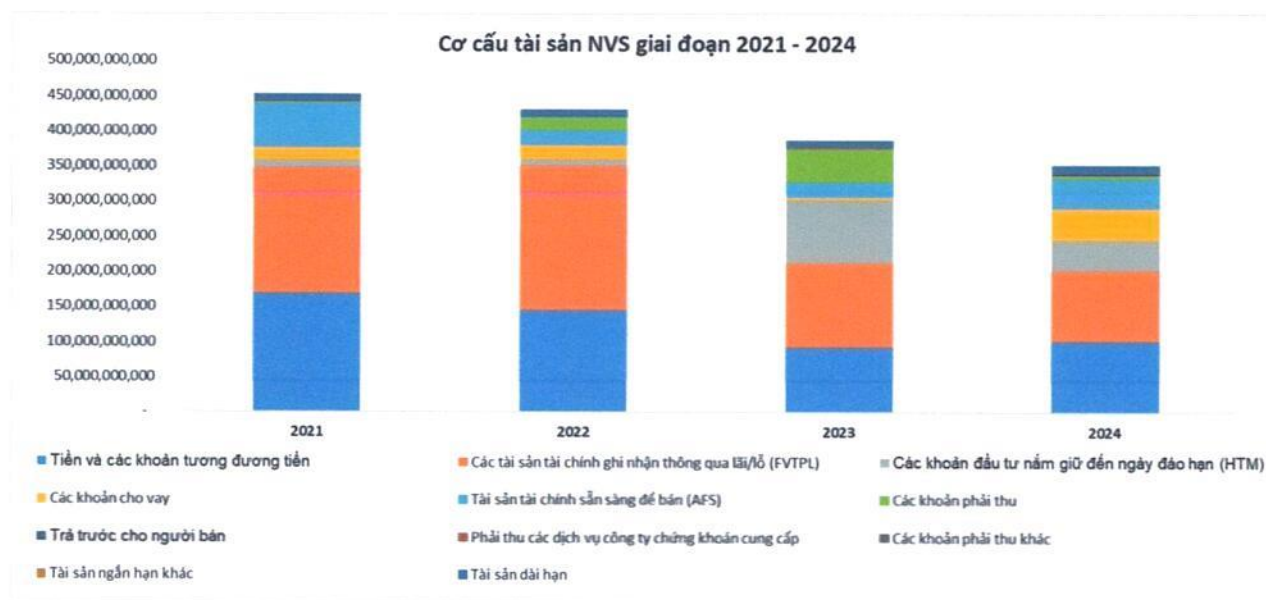
Trong năm 2024, tổng tài sản của NVS đạt 329,6 tỷ đồng, giảm 14,8% so với năm 2023. Với đặc thù là công ty chứng khoán, NVS luôn duy trì cơ cấu tài sản dưới dạng tài sản tài chính nhằm phục vụ nhu cầu đầu tư và và cũng là công cụ để sử dụng đòn bẩy tài chính, hỗ trợ thanh khoản. Trong năm 2024, cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm 96,7% tổng tài sản, với giá trị đạt gần 318,75 tỷ VNĐ, giảm 15,4% so với cùng kỳ.

Cơ cấu tài sản có sự thay đổi hợp lý, khi tổng tài sản năm 2024 giảm xuống còn 329.618 triệu đồng so với 386.732 triệu đồng năm 2023, chủ yếu do giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn. Việc này phản ánh chiến lược tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng an toàn hơn, tập trung vào các tài sản có giá trị bền vững. Đặc biệt, tài sản dài hạn tăng nhẹ từ 9.871 triệu đồng lên 10.831 triệu đồng, cho thấy công ty tiếp tục đầu tư vào những danh mục dài hạn nhằm đảm bảo lợi nhuận ổn định trong tương lai.

Trong đó, tiền và tương đương tiền ở mức gần 104,14 tỷ VNĐ, tăng 8,75% so với thời điểm cuối năm 2023. Đây phần lớn là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng cho việc, sẵn sàng đảm bảo khả năng thanh khoản của công ty và thực hiện vai trò trung gian thanh toán giữa Tổ chức phát hành và Nhà đầu tư.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) cuối năm 2023 đạt mức 100,76 tỷ VNĐ, giảm 16,16% so với năm 2022 và chiếm 31,61% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Thực hiện đầu tư và quản trị danh mục, NVS đã nhạy bén đánh giá và nắm bắt tình hình thị trường để ra quyết định đầu tư và phân bổ vào các loại tài sản tài chính có tiềm năng tăng trưởng, lợi suất hấp dẫn và có tính thanh khoản cao. Quy trình đánh giá và đầu tư trái phiếu của NVS được đánh giá chặt chẽ, được bảo đảm bởi các tài sản có chất lượng cao, doanh nghiệp phát hành uy tín và có tiềm lực tài chính tốt.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) ghi nhận giá trị 43,58 tỷ VNĐ vào năm 2024, tăng 92,58% so với năm 2023. Tuy nhiên, danh mục tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) vào năm 2024 ghi nhận mức giảm đáng kể, giá trị danh mục HTM đạt mức 43 tỷ, giảm 51,69% so với năm trước đó. Trong hoạt động nghiệp vụ của mình NVS đã tối ưu nguồn vốn ngắn hạn để cân thiện hoạt động kinh doanh và lợi nhuận trong năm. Các sản phẩm nắm giữ của hoạt động này là các hợp đồng tiền gửi tại các TCTD, do đó có thể đảm bảo về tính thanh khoản khi thực hiện triển khai các nghiệp vụ kinh doanh của NVS.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2024 đánh dấu giai đoạn công ty bắt đầu triển khai chiến lược phát triển dài hạn, hướng đến đổi mới mô hình hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong bối cảnh môi trường kinh tế còn nhiều biến động, công ty xác định rõ nội lực tổ chức và chất lượng quản trị là yếu tố then chốt để thích ứng và bứt phá.

Vì vậy, công ty đã tập trung nguồn lực vào việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức, nâng cấp hệ thống quản lý, và đầu tư phát triển con người, nhằm tạo ra một nền tảng vận hành tinh gọn, linh hoạt và thích nghi tốt với các yêu cầu ngày càng cao từ thị trường, nhà đầu tư và đối tác chiến lược.



Cải tiến trong quản lý, vận hành và ứng dụng công nghệ

Trong năm 2024, công ty đã có những bước tiến đáng kể trong đổi mới công tác điều hành và quản lý, với trọng tâm là ứng dụng công nghệ số nhằm tối ưu hóa vận hành và tăng cường kiểm soát nội bộ. Cụ thể:

- Công ty từng bước triển khai hệ thống quản trị doanh nghiệp (ERP) để kết nối dữ liệu tài chính, nhân sự, kế hoạch và vận hành giữa các phòng ban. Việc số hóa quy trình đã giúp rút ngắn thời gian xử lý nghiệp vụ, minh bạch hóa dòng thông tin, đồng thời tạo nền tảng cho quản trị rủi ro và ra quyết định chiến lược theo thời gian thực.
- Song song đó, công ty bắt đầu ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu để hỗ trợ đánh giá hiệu quả hoạt động và quản lý danh mục công việc. Một số quy trình nội bộ như kiểm soát công nợ, theo dõi chi phí đầu tư và quản lý dòng tiền đã được tự động hóa một phần, giúp giảm thiểu sai sót thủ công và tăng tính chủ động trong điều hành.
- Nhằm bảo đảm hiệu quả triển khai, công ty tổ chức các khóa đào tạo nội bộ để nâng cao năng lực số cho đội ngũ quản lý và chuyên viên, chuẩn bị lực lượng nhân sự thích ứng tốt hơn với định hướng chuyển đổi số trong các năm tiếp theo.

Tăng cường văn hóa doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực

Bên cạnh đổi mới hệ thống vận hành, công ty đặc biệt chú trọng đến xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực và phát triển nguồn nhân lực bền vững:

- Môi trường làm việc được định hướng theo tiêu chí minh bạch – chuyên nghiệp – trách nhiệm, trong đó tiếng nói của nhân viên được lắng nghe và khuyến khích đóng góp xây dựng. Ban lãnh đạo chủ trương giao quyền đi đôi với trách nhiệm, tạo động lực cho đội ngũ phát huy năng lực cá nhân và tinh thần làm chủ.
- Chính sách nhân sự được rà soát và cải tiến theo hướng linh hoạt, công bằng và gắn với hiệu quả công việc. Cơ chế lương thưởng, đánh giá KPI, và xét thăng tiến được thiết lập rõ ràng, minh bạch, giúp củng cố sự gắn bó và giữ chân nhân tài.
- Công ty triển khai chương trình đào tạo định kỳ, chú trọng các kỹ năng thiết yếu như quản trị tài chính, phân tích đầu tư, và kỹ năng lãnh đạo. Đặc biệt, đối với đội ngũ quản lý cấp trung và nhân sự tiềm năng, công ty ưu tiên đào tạo phát triển năng lực tư duy chiến lược để sẵn sàng cho các vị trí lãnh đạo trong tương lai.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Ban Giám đốc nhận định năm 2025 sẽ là thời điểm chuyển mình tích cực của nền kinh tế khi chính sách tiền tệ nới lỏng bắt đầu phát huy hiệu quả, lãi suất duy trì ở mức thấp và thanh khoản thị trường được cải thiện. Đây là điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp mở rộng đầu tư, đặc biệt trong các lĩnh vực hạ tầng, công nghệ và tài chính.

Tuy nhiên, công ty vẫn theo dõi sát các rủi ro tiềm ẩn như biến động tỷ giá, dòng vốn nước ngoài, địa chính trị và thị trường bất động sản quốc tế. Trong bối cảnh này, công ty chủ trương chiến lược phát triển chủ động và bền vững, tập trung vào các trụ cột: M&A, thị trường vốn – nợ, tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và mở rộng dịch vụ môi giới.

Kế hoạch phát triển Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)

Trong năm 2025, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư tiếp tục giữ vai trò nòng cốt trong chiến lược tăng trưởng của công ty. Trọng tâm sẽ là đẩy mạnh các hoạt động M&A, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng tái tạo như điện gió và điện mặt trời, thông qua việc mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Song song, công ty sẽ mở rộng thị trường M&A sang lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), hợp tác với nhà đầu tư đến từ Nhật Bản và Trung Quốc nhằm đa dạng hóa danh mục giao dịch và nguồn doanh thu.

Ở mảng thị trường nợ, công ty tập trung tư vấn phát hành trái phiếu cho các doanh nghiệp có xếp hạng tín nhiệm cao và tiếp tục triển khai các thương vụ tái cấu trúc nợ quy mô lớn. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các ngân hàng thương mại để thu xếp các gói tín dụng phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp trong bối cảnh lãi suất ổn định.

Về thị trường vốn, định hướng sẽ giám tỷ trọng tư vấn IPO truyền thống, thay vào đó tập trung phân phối sơ cấp và huy động vốn từ nhà đầu tư chiến lược trước niêm yết. Công ty cũng sẽ tiếp tục đồng hành với các đơn vị thành viên trong tập đoàn trong các thương vụ phát hành và niêm yết.

Hoạt động tư vấn tài chính sẽ đi sâu vào hỗ trợ doanh nghiệp tái cấu trúc toàn diện, từ quản trị đến tài chính, kết hợp chặt chẽ với chiến lược M&A để nâng cao năng lực vận hành và giá trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm tài chính mới phù hợp xu hướng thị trường và hoàn thiện đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng triển khai kế hoạch.

Kế hoạch phát triển hoạt động Môi giới Cổ phiếu

Trong năm 2025, công ty xác định mảng Môi giới Cổ phiếu là một trong những lĩnh vực trọng điểm cần được đầu tư mạnh mẽ để nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng thị phần. Trước hết, công ty sẽ triển khai hệ thống giao dịch trực tuyến mới, cho phép cấu trúc và giới thiệu các gói sản phẩm đầu tư đa dạng, tiếp cận hiệu quả hơn đến nhiều đối tượng khách hàng, đặc biệt là nhà đầu tư cá nhân.

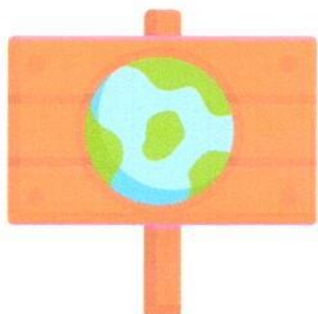
Đồng thời, công ty sẽ tận dụng cơ hội từ triển vọng năng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam để gia tăng sự hiện diện, thu hút dòng tiền cả trong và ngoài nước. Động lực từ chính sách hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đầu tư công và kiểm soát lãi suất của Chính phủ cũng sẽ là nền tảng vững chắc để đẩy mạnh hoạt động môi giới trong năm nay.

Chiến lược phát triển môi giới sẽ tập trung vào mở rộng tệp khách hàng, tăng cường hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, cho vay ứng trước, nâng cao chất lượng dịch vụ và đầu tư vào nguồn nhân lực nhằm xây dựng một hệ sinh thái môi giới chuyên nghiệp, bền vững.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

- Không có

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong năm 2024, NVS tiếp tục thực hiện nghiêm túc các biện pháp tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên như điện, nước, nhằm giảm thiểu chi phí vận hành và bảo vệ môi trường. Mức tiêu thụ điện, nước tại các văn phòng làm việc được theo dõi định kỳ và khuyến khích toàn thể cán bộ nhân viên thực hiện tiết kiệm.

Bên cạnh đó, NVS tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Hàng năm, Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị chuyên môn để thực hiện quan trắc nước thải, quan trắc môi trường lao động định kỳ, đồng thời đảm bảo việc vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải đúng quy định pháp luật. Những hoạt động này thể hiện cam kết lâu dài của NVS trong việc bảo vệ môi trường và hướng tới sự phát triển bền vững.



Đánh giá liên quan đến người lao động

NVS luôn xác định con người là yếu tố cốt lõi tạo nên thành công và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong năm 2024, Công ty tiếp tục chú trọng vào công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên, đặc biệt là những bộ phận trực tiếp liên quan đến nghiệp vụ.

Bên cạnh việc đào tạo, Công ty cũng đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách về lương, thưởng, bảo hiểm xã hội và các chế độ phúc lợi, tạo điều kiện để người lao động yên tâm làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty. Chính sách nhân sự của NVS hướng tới việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, thân thiện, tạo động lực để mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực và đóng góp cho sự phát triển chung của tổ chức.

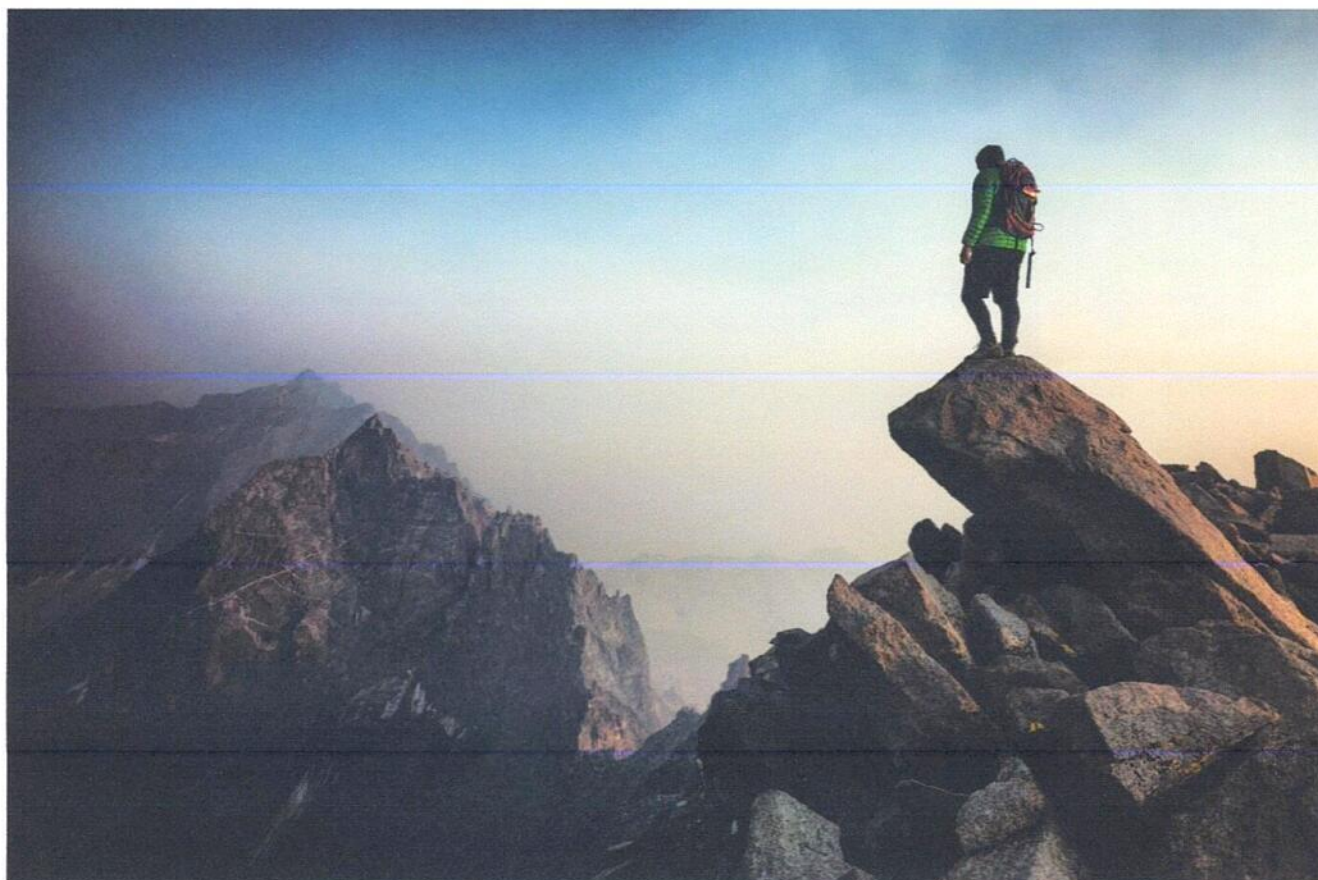


Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương

Với định hướng phát triển bền vững, NVS luôn đề cao vai trò và trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương trong mọi hoạt động kinh doanh. Năm 2024, bên cạnh việc nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động, NVS tiếp tục duy trì và phát triển các chương trình hướng tới cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với xã hội và địa phương nơi Công ty hoạt động.

Công ty thường xuyên tham gia và đồng hành cùng các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn, học sinh vùng sâu vùng xa, cũng như các chương trình an sinh xã hội như hiến máu nhân đạo, quyên góp cứu trợ thiên tai, dịch bệnh. Đồng thời, NVS cũng tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về tài chính cá nhân, góp phần lan tỏa kiến thức tài chính đến cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ và sinh viên chi tiết theo như đã Báo cáo ở trên.

Thông qua các hoạt động xã hội thiết thực và có chiều sâu, NVS không chỉ khẳng định vai trò doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng mà còn xây dựng hình ảnh thương hiệu uy tín, gắn liền với giá trị nhân văn và phát triển bền vững.



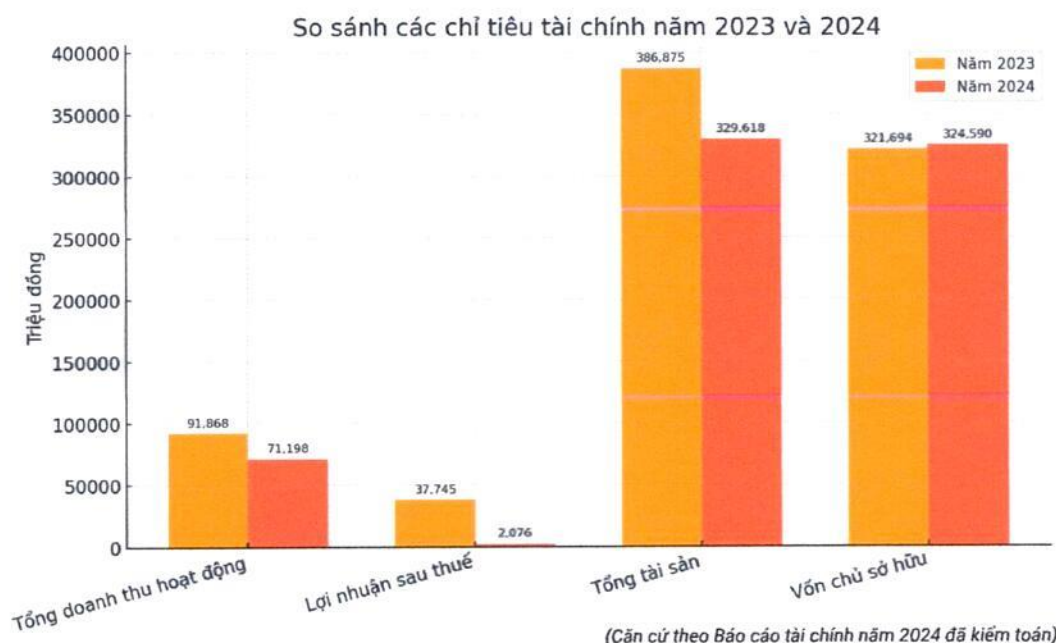
CHƯƠNG V.

**Đánh giá của Hội đồng quản trị
về hoạt động của công ty**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trước những thách thức và thay đổi của thị trường, bối cảnh kinh tế vĩ mô và sự cạnh tranh gay gắt nói trên đặt ra thách thức vô cùng lớn đối với NVS trong năm 2024, với mục tiêu duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong đầu tư và đảm bảo tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường có nhiều khó khăn, NVS cũng không nằm ngoài ảnh hưởng tiêu cực khi các chỉ tiêu tài chính chính yếu đều giảm so với năm trước:



Công tác quản lý vốn và tài sản, quản lý chất lượng, quản lý đầu tư, quản lý lao động... theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty:

- Quản lý tài sản và dòng tiền: Công ty tiếp tục duy trì kỷ luật tài chính, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả và an toàn.
- Kiểm soát rủi ro: Chính sách kiểm soát rủi ro được thắt chặt, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư tài chính và quản lý danh mục.
- Chiến lược thích ứng: NVS đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh để tập trung vào các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, giảm phụ thuộc vào doanh thu từ chỉ một mảng nghiệp vụ.
- Các văn bản quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã thường xuyên được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý kinh doanh.
- Mặc dù doanh thu giảm 22,5%, NVS vẫn duy trì sự ổn định tài chính. Lợi nhuận sau thuế giảm mạnh 94,5% do áp lực chi phí hoạt động trong bối cảnh doanh thu suy giảm, phản ánh thách thức chung của ngành. Tổng tài sản giảm 14,8% do điều chỉnh danh mục đầu tư nhằm giảm rủi ro, trong khi vốn chủ sở hữu tăng nhẹ 0,9%, cho thấy công ty đã kiểm soát tốt chi phí và duy trì an toàn tài chính dù thị trường đầy biến động.

Hội đồng Quản trị Công ty nhận thức sâu sắc rằng trách nhiệm môi trường và xã hội là một phần không thể tách rời trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Trong năm 2024, bên cạnh việc đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả, Công ty đã chủ động triển khai các biện pháp nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết giảm chi phí vận hành, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Việc xử lý chất thải đúng quy định và nâng cao ý thức tiết kiệm điện, nước trong toàn hệ thống đã được duy trì thường xuyên và hiệu quả.

Ở phương diện xã hội, NVS tiếp tục phát huy vai trò doanh nghiệp có trách nhiệm thông qua các hoạt động hướng tới cộng đồng như hỗ trợ an sinh xã hội, chia sẻ với các hoàn cảnh khó khăn, cũng như đẩy mạnh các chương trình giáo dục tài chính cho giới trẻ. Hội đồng Quản trị cam kết tiếp tục tích hợp các yếu tố môi trường và xã hội trong quá trình hoạch định chiến lược và ra quyết định, góp phần khẳng định hình ảnh NVS là doanh nghiệp không chỉ tiên phong về tài chính mà còn đồng hành cùng sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Tổng giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho Công ty, tăng doanh thu và lợi nhuận.

Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị và các đề xuất của Ban kiểm soát Công ty. Tình hình tài chính về cơ bản được kiểm soát tốt. Vốn Chủ hữu bảo toàn và phát triển năm sau cao hơn năm trước.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị nhận định rằng năm 2025 sẽ là giai đoạn quan trọng trong chu kỳ phục hồi kinh tế, với những cơ hội và thách thức đan xen. Các chính sách tiền tệ toàn cầu dự kiến tiếp tục nới lỏng, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng cũng đặt ra áp lực về lạm phát và tỷ giá. Trong nước, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tăng trưởng mạnh mẽ hơn, với động lực chính đến từ đầu tư công, tiêu dùng phục hồi và sự cải thiện của dòng vốn FDI. Tuy nhiên, những rủi ro như biến động thị trường tài chính, chính sách tiền tệ của các nước lớn và các xung đột địa chính trị vẫn cần được theo dõi chặt chẽ.

HĐQT sẽ tập trung triển khai các chiến lược sau để tận dụng cơ hội từ sự phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường năm 2025:

Tận dụng cơ hội từ nâng hạng thị trường chứng khoán: Việt Nam có khả năng được nâng hạng lên thị trường mới nổi vào tháng 9/2025, tạo động lực thu hút dòng vốn nội và ngoại; Tận dụng tâm lý tích cực từ nhà đầu tư và cơ hội tăng trưởng thị trường.

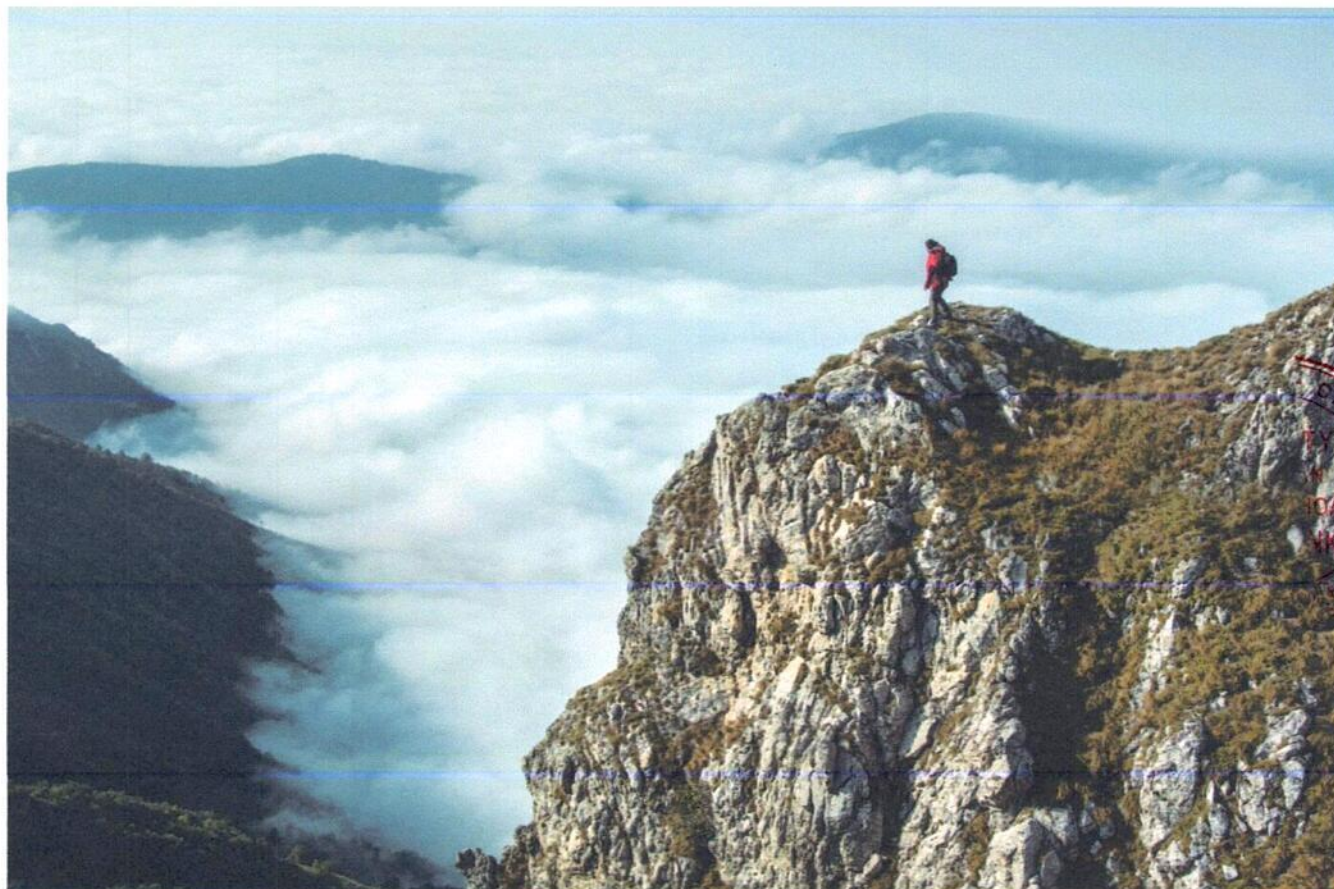


Đẩy mạnh hoạt động M&A, tập trung vào lĩnh vực năng lượng. Phát triển thị trường Nợ và tư vấn tài chính doanh nghiệp, thu xếp vốn vay cho các doanh nghiệp có nhu cầu, đồng thời mở rộng danh mục tư vấn tái cấu trúc tài chính và M&A. Tập trung thị trường vốn và sản phẩm tài chính mới, ưu tiên phân phối sơ cấp trước IPO, tìm kiếm đối tác chiến lược cho doanh nghiệp, đồng thời nghiên cứu và cấu trúc các sản phẩm tài chính tiềm năng nhằm gia tăng doanh thu cho Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư.

Nâng cấp hệ thống giao dịch và mở rộng tiếp cận khách hàng: Triển khai hệ thống phần mềm giao dịch mới vào nửa cuối năm 2025, giúp đa dạng hóa sản phẩm và tiếp cận nhiều đối tượng khách hàng hơn; Cải thiện trải nghiệm giao dịch với ứng dụng di động, tăng khả năng thu hút khách hàng mới.

Đẩy mạnh mảng Môi Giới Cổ phiếu: Tăng cường phát triển và mở rộng thị phần môi giới, tận dụng xu hướng phục hồi của thị trường chứng khoán; Tối ưu hóa chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực đội ngũ tư vấn.

Trong năm 2025, bên cạnh việc duy trì định hướng phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi, Công ty tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và vận hành, tập trung vào một số nội dung trọng tâm sau: (i) Chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực thông qua việc triển khai mô hình vận hành tinh gọn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và cải thiện chất lượng đội ngũ nhân sự cả về năng lực chuyên môn lẫn kỹ năng quản trị hiện đại. (ii) Tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình chuyển đổi số toàn diện, ứng dụng công nghệ trong hoạt động nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu suất, tính chính xác và khả năng phản ứng nhanh với thị trường. (iii) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, đồng thời triển khai các biện pháp bảo mật thông tin hiện đại, chủ động phòng ngừa và ứng phó hiệu quả với các sự cố về an ninh mạng.



(Báo cáo tài chính được đính kèm sau Báo cáo này)

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác Kinh doanh,

Năm 2024 vừa qua đánh dấu một giai đoạn đầy thách thức với nền kinh tế toàn cầu cũng như thị trường tài chính trong nước. Trong bối cảnh địa chính trị bất ổn, xu hướng bảo hộ gia tăng và áp lực lạm phát chưa hoàn toàn được kiểm soát, hoạt động đầu tư và huy động vốn trên thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn.

Tuy vậy, bằng sự kiên định với chiến lược phát triển bền vững, cùng sự đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên, Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS) đã nỗ lực thích ứng, giữ vững nền tảng tài chính ổn định và từng bước củng cố vị thế trên thị trường.

Kết thúc năm 2024, tổng doanh thu hoạt động của NVS đạt 71,2 tỷ đồng. Dù lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 1,92 tỷ đồng, giảm mạnh so với năm trước do tác động toàn ngành, song công ty vẫn duy trì thanh khoản cao, nợ vay thấp và vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Chúng tôi xem đây là minh chứng cho sự vững vàng của NVS trong điều kiện thị trường biến động.

Các mảng hoạt động then chốt tiếp tục được đẩy mạnh:

- Mảng Ngân hàng đầu tư ghi dấu với thương vụ tư vấn phát hành trái phiếu trị giá 1.580 tỷ đồng cho Eximbank, cùng nhiều dự án năng lượng tái tạo mang tính chiến lược.
- Khối môi giới đạt tăng trưởng ấn tượng, với giá trị giao dịch cổ phiếu tăng gần gấp đôi và doanh thu phí tăng 95% so với năm 2023.
- Hạ tầng công nghệ tiếp tục được đầu tư mạnh mẽ, đảm bảo khả năng thích ứng với các thay đổi của thị trường và yêu cầu từ cơ quan quản lý.

Năm 2025, chúng tôi xác định là giai đoạn tăng tốc, với định hướng tập trung phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng, đẩy mạnh số hóa, và nâng cao năng lực quản trị rủi ro. Đồng thời, công ty sẽ tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng và tài chính xanh – những trụ cột tăng trưởng dài hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác trong suốt thời gian qua. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình để mang lại giá trị bền vững, minh bạch và hiệu quả cho tất cả các bên liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2025



DẶNG HUY PHONG

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 01/2025/NVS/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

*V/v: thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính,
Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính năm 2025*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS),

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua danh sách 03 (ba) công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty trong năm 2025, cụ thể:

- + Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- + Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- + Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Đây là ba tổ chức kiểm toán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán, hoàn toàn độc lập với Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty.

Để việc lựa chọn đơn vị kiểm toán được hiệu quả, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Tổng Giám đốc đánh giá, quyết định lựa chọn một trong ba Công ty nêu trên làm đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính và Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty trong năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.



TỜ TRÌNH

V/v: phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Phương án sử dụng lợi nhuận năm 2024 như sau:

Tổng hợp thu nhập của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	8.256.240.434
1.1	Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện	-25.528.746
1.2	Lợi nhuận trước thuế chưa thực hiện	8.281.769.180
2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.180.213.503
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.076.026.931

Căn cứ vào kết quả quả kinh doanh năm 2024 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án trích lập các quỹ và sử dụng lợi nhuận như sau:

I. Phương án trích lập các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh hiện nay của Công ty đang rất thấp so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường, ảnh hưởng rất nhiều tới khả năng cạnh tranh cũng như khả năng nắm bắt được các cơ hội sinh lời. Trong điều kiện các cổ đông chưa có kế hoạch tăng vốn cho công ty, Hội đồng quản trị xét thấy cần tập trung nguồn lực từ lợi nhuận sau thuế cho việc phát triển kinh doanh của Công ty. Do đó Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông phân quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động đưa ra quyết định việc trích lập quỹ hoặc không trích lập quỹ, quyết định về thời điểm trích lập quỹ và số tiền trích lập quỹ, với điều kiện tổng số tiền trích lập và các quỹ trích lập không vượt quá mức dự kiến như sau:

1. Quỹ phúc lợi: tối đa 1,5% tính trên Lợi nhuận sau thuế TNDN.
2. Quỹ khen thưởng: tối đa 3,5% tính trên Lợi nhuận sau thuế TNDN.



II. Phương án sử dụng lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ: giữ lại chưa phân phối cho cổ đông để tập trung nguồn lực cho phát triển kinh doanh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG HUY PHONG





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 03/2025/NVS/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS);
- Tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc sửa đổi điều lệ công ty nhằm phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Công ty. Chi tiết sửa đổi tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẠNG HUY PHONG

CHI TIẾT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Kèm theo tờ trình số 03/2025/NVS/TT-HĐQT về sửa đổi Điều lệ Công ty)

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Lí do sửa đổi
1.	Điểm d khoản 1 Điều 2	Tên viết tắt: NVS hoặc Navibank Securities	Tên viết tắt: NVS	Nhằm phù hợp với nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy phép thành lập và hoạt động.
2.	Khoản 2 Điều 3	Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp Công ty có từ hai người đại diện theo pháp luật trở lên, mỗi người đại diện theo pháp luật giữ toàn bộ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật. Ngoài ra, mỗi người đại diện theo pháp luật phải đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của chức vụ trong Công ty mà mình kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.	Người đại diện theo pháp luật của Công ty là: Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Nhằm phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Công ty.
3.	Điều 15	1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc.	1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc.	Theo đề nghị thay đổi mô hình tổ chức quản lý công ty của cổ đông.

4. Điểm a, Khoản 9, Điều 17	Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty	Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty	Sửa đổi để phù hợp mô hình bộ máy điều hành của Công ty hiện tại và trong thời gian tới nếu có thành lập Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát.
5. Điểm c, d Khoản 2, Điều 23	c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ủy ban kiểm toán thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. d. Trường hợp Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9 Điều 17 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản này và Công ty có Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán hoặc Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. d. Trường hợp Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9 Điều 17 Điều lệ này có quyền đại	Sửa đổi để phù hợp mô hình bộ máy điều hành của Công ty hiện tại và trong thời gian tới nếu có thành lập Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát.

		Chú tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp	Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán hoặc Trưởng Ban kiểm (nếu có) soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp	Sửa đổi để phù hợp mô hình bộ máy của Công ty hiện tại và trong thời gian tới nếu có thành lập Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát.
6.	Điểm a Khoản 6 Điều 29	Chú tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp	Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán hoặc Trưởng Ban kiểm (nếu có) soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp	Sửa đổi để phù hợp mô hình bộ máy của Công ty hiện tại và trong thời gian tới nếu có thành lập Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát.
7.	Điểm e, khoản 7, Điều 37	Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán của công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.	Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.	Sửa đổi để phù hợp mô hình bộ máy của Công ty hiện tại và trong thời gian tới nếu có thành lập Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát.
8.	Khoản 6, Điều 39	6. Ủy ban kiểm toán có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Xóa bỏ khoản 6, Điều 39	Do mô hình bộ máy điều hành không còn Ủy ban kiểm toán
9.		Điểm 7, Điều 39 đến Điểm 15, Điều 39	Điểm 6, Điều 39 đến Điểm 14, Điều 39	Thay đổi số thứ tự các Điểm trong Điều



			39 do đã xóa bỏ Điểm 6
10.	CHƯƠNG VIII	CHƯƠNG VIII ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Xóa bỏ Chương VIII: Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị
11.		Điều 46, Chương IX đến Điều 74, Chương XVIII	Điều 42, Chương VIII đến Điều 70, Chương XVII
12.	Điểm a Khoản 5 Điều 46 (tức điểm a khoản 5 Điều 50 cũ)	Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này	Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này
			Thay đổi số thứ tự Điều khoản tham chiếu do đã xóa bỏ Chương VIII

HẾT./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	5
CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	6
CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
ĐIỀU 2. TÊN, HÌNH THỨC PHÁP LÝ, TRỤ SỞ, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6	
ĐIỀU 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	7
CHƯƠNG III PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	8
ĐIỀU 4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	8
ĐIỀU 5. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG.....	8
ĐIỀU 6. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG	8
ĐIỀU 7. QUYỀN CỦA CÔNG TY.....	9
ĐIỀU 8. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	9
ĐIỀU 9. CÁC QUY ĐỊNH VỀ CẤM VÀ HẠN CHẾ	11
CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN	11
ĐIỀU 10. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	11
ĐIỀU 11. CỔ PHIẾU	12
ĐIỀU 12. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	12
ĐIỀU 13. MUA LẠI CỔ PHẦN	12
ĐIỀU 14. CÁCH THỨC TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ.....	12
CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY	13
ĐIỀU 15. BỘ MÁY QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY	13
CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
ĐIỀU 16. CỔ ĐÔNG	13
ĐIỀU 17. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỎ THÔNG CÔNG TY	13
ĐIỀU 18. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	14
ĐIỀU 19. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	15
ĐIỀU 20. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG	16
ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
ĐIỀU 22. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	16
ĐIỀU 23. TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	17

ĐIỀU 24. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	18
ĐIỀU 25. THỰC HIỆN QUYỀN THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	18
ĐIỀU 26. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	19
ĐIỀU 27. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
ĐIỀU 28. ĐIỀU KIỆN TIỀN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
ĐIỀU 29. THẺ THỨC TIỀN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
ĐIỀU 30. HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	22
ĐIỀU 31. ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	22
ĐIỀU 32. THẨM QUYỀN VÀ THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	23
ĐIỀU 33. HIỆU LỰC CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	24
ĐIỀU 34. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	25
CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
ĐIỀU 35. THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
ĐIỀU 36. SỐ LƯỢNG VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
ĐIỀU 37. ĐỀ CỬ NGƯỜI VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
ĐIỀU 38. THÙ LAO, THUỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
ĐIỀU 39. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BIÊN BẢN CUỘC HỌP	31
ĐIỀU 40. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	33
ĐIỀU 41. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	33
CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO.....	35
ĐIỀU 42. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ	35
ĐIỀU 43. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	35
ĐIỀU 44. TỔNG GIÁM ĐỐC	36
ĐIỀU 45. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG GIÁM ĐỐC.....	36
ĐIỀU 46. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	36
ĐIỀU 47. BỘ PHẬN KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRỰC THUỘC TỔNG GIÁM ĐỐC.....	37
ĐIỀU 48. BỘ PHẬN QUẢN TRỊ RỦI RO TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	38
CHƯƠNG IX TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ	39
ĐIỀU 49. HỌP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN.....	39
ĐIỀU 50. NHIỆM VỤ CẦN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ	40
ĐIỀU 51. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI	40
ĐIỀU 52. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG	41
CHƯƠNG X QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	41

ĐIỀU 53. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
CHƯƠNG XI CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
ĐIỀU 54. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
CHƯƠNG XII NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	42
ĐIỀU 55. NĂM TÀI CHÍNH	42
ĐIỀU 56. HỆ THỐNG KẾ TOÁN	42
ĐIỀU 57. KIỂM TOÁN.....	43
ĐIỀU 58. NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	43
ĐIỀU 59. XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH	44
ĐIỀU 60. TRÍCH LẬP CÁC QUỸ HÀNG NĂM	44
CHƯƠNG XIII CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	44
ĐIỀU 61. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	44
CHƯƠNG XIV DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	45
ĐIỀU 62. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	45
CHƯƠNG XV GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẢN.....	45
ĐIỀU 63. CÁC TRANH CHẤP CÓ THỂ XẢY RA	45
ĐIỀU 64. CÁCH XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	46
ĐIỀU 65. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY.....	46
ĐIỀU 66. GIẢI THỂ.....	46
ĐIỀU 67. THANH LÝ	47
ĐIỀU 68. PHÁ SẢN	47
CHƯƠNG XVI SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	47
ĐIỀU 69. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
CHƯƠNG XVII HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ	48
ĐIỀU 70. NGÀY HIỆU LỰC.....	48

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Nghị quyết số .../2025/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (tên đầy đủ bằng tiếng Việt của Công ty);
 - b. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;
 - c. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - d. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
 - e. “Người quản lý Công ty” bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh (nếu có) và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này nhưng không bao gồm các cá nhân được ủy quyền nhân danh ký kết;
 - f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
 - g. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - h. “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - i. “Điều lệ” là Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được ban hành theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
 2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.
- Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank
 - b. Tên tiếng Anh: Navibank Securities Joint Stock Company
 - c. Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

- d. Tên viết tắt: NVS
2. Công ty là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
3. Trụ sở Công ty:
- a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - b. Điện thoại: 024 3724 5999 Fax: 024 3724 5775 Email: contact@nvs.vn
 - c. Địa chỉ trang web: www.nvs.vn
4. Mạng lưới hoạt động:
- a. Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các Mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép;
 - b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
 - c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;
 - d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.
5. Trừ trường hợp giải thể theo quy định tại Điều lệ này hoặc phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam quá 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
6. Trong một số trường hợp đặc biệt người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

CHƯƠNG III

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:
 - a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - d. Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu được lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm cho người lao động; tăng lợi tức cho cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.

6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.
4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.
5. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:
 - a. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - c. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - d. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
 - e. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;
 - f. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
 - g. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
 - h. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - i. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - j. Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - k. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định.
2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:
 - a. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;

- b. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- c. Không được thực hiện các hành vi sau:
 - Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);
 - Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
 - Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
 - Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: Quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;
- d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

- a. Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
- b. Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
- c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
- d. Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
- e. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;
- f. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;

- h. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- i. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- j. Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
 - Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty: tuân thủ các quy định về cấm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán: tuân thủ các quy định về cấm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc: tuân thủ các quy định về cấm và hạn chế theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn Điều lệ của Công ty là **252.000.000.000 VND** (bằng chữ: Hai trăm năm mươi hai tỷ đồng). Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 25.200.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.
4. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Mua lại cổ phần

1. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
2. Các trường hợp mua lại cổ phần:
 - a. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông: Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;
 - b. Mua lại theo quyết định của Công ty:

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Công ty có thể tăng, giảm vốn Điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cách thức tăng vốn Điều lệ của Công ty:

- a. Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
 - b. Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
 - c. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
 - d. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;
 - e. Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ.
3. Việc giảm vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo Điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 15. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là pháp nhân hoặc cá nhân, sở hữu ít nhất 01 cổ phần đã phát hành của Công ty. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông sáng lập là cổ đông mua cổ phần, tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty đã được thành lập và đi vào hoạt động hơn 03 năm, do đó, toàn bộ những hạn chế đối với cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ theo quy định của pháp luật.
3. Cơ cấu góp vốn của các cổ đông tại từng thời điểm được căn cứ vào sổ đăng ký cổ đông tại thời điểm tương ứng. Trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch chứng khoán tập trung thì cơ cấu cổ đông tại từng thời điểm căn cứ vào danh sách cổ đông do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp tại thời điểm tương ứng.

Điều 17. Quyền của cổ đông phổ thông Công ty

1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
3. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

4. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
5. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
6. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này;
7. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
8. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền sau đây:
 - a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; (ii) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - c. Quyền khác theo quy định của pháp luật.
10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
11. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.
12. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

2. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
3. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Cổ đông lớn phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Công ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
7. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của công ty và các cổ đông khác;
8. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty phải thông báo đầy đủ cho Công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin, đối với các trường hợp sau:
 - a. Số cổ phần bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án;
 - b. Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.
9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định: Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
4. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - b. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - c. Thành viên, cổ đông là công ty có cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm Người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;

- d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền
- Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;
 - Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;
 - Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 20. Sổ đăng ký cổ đông

- Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: bằng văn bản và/hoặc tệp dữ liệu điện tử.
- Sổ cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty (hoặc có thể được lưu giữ tại cả Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, nếu cần).
- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện. Trường hợp có sự khác biệt giữa dữ liệu trên sổ đăng ký lưu giữ tại Công ty với dữ liệu đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thì dữ liệu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lưu trữ có hiệu lực.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 45% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
6. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
7. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán của mỗi loại;
8. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
9. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
10. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
11. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
12. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
13. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
14. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp
 - a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
 - b. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Hội đồng quản trị phải báo cáo UBCK bằng văn bản xin gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
 - a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9 Điều 17 Điều lệ này;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - b. Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường là 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông như quy định tại Điểm a Khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành

viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

- c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản này và Công ty có Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán hoặc Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- d. Trường hợp Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9 Điều 17 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của Công ty.

Điều 25. Thực hiện quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

- b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

- 3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty
- 4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- 2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- 3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Phiếu biểu quyết;
 - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

- Trường hợp Công ty đăng tải tài liệu họp theo thông báo mời họp lên trang thông tin điện tử của Công ty (thay thế cho việc gửi bằng phương thức bảo đảm), thông báo mời họp sẽ được ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty sẽ gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 27. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 9 Điều 17 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp (nếu kiến nghị không thuộc các trường hợp từ chối theo Khoản 3 Điều này), kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 28. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

Điều 29. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
5. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký dự họp và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Chủ tọa không có nghĩa vụ dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không thay đổi.
6. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán hoặc Trưởng Ban kiểm soát (nếu có) điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một Thư ký để lập biên bản đại hội;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Đại hội cổ đông có thể được họp dưới hình thức trực tuyến tùy điều kiện do Hội đồng quản trị triệu tập họp căn cứ tình hình thực tế phù hợp và khả năng công nghệ của Công ty nhưng phải bảo đảm các cổ đông đăng ký dự họp có thể thực hiện được các quyền của mình một cách thuận lợi.

Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 2. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 3. Các trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 45% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 31. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

- 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 45% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 2. Các nghị quyết về nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

3. Phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 149 Luật Doanh nghiệp.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty;
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.
6. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Công ty có thể đăng tải biên bản kiểm phiếu lên trang thông tin điện tử của Công ty thay thế cho việc gửi biên bản kiểm phiếu tới cổ đông.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó

không được thực hiện đúng quy định.

- Trường hợp nghị quyết đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị cổ đông, nhóm cổ đông như quy định tại Khoản 9 Điều 17 Điều lệ này yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 35. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ

đồng. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 5 Điều 22, khoản 1, 3 Điều 53 Điều lệ này;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Hội đồng quản trị phải xây dựng quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- q. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập

trong Công ty;

- r. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
 - s. Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng giám đốc và Tổng giám đốc đề trình (nếu có);
 - t. Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Giám đốc và Tổng giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;
 - u. Hội đồng quản trị phải lập tức thông báo cho cổ đông trong những trường hợp sau đây:
 - Công ty hoặc Người quản lý bị nghi ngờ có liên quan đến các hoạt động phi pháp;
 - Tình trạng tài chính của Công ty liên tục suy giảm và không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật;
 - Công ty kinh doanh bị thua lỗ từ 50% trên vốn chủ sở hữu;
 - Công ty đề xuất thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị;
 - Xảy ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khách hàng.
 - v. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.
5. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
6. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:
 - Quyền được cung cấp thông tin:
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị;
 - Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin:
 - Thành viên Hội đồng quản trị gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc thư điện tử cho Công ty hoặc Người quản lý Công ty;
 - Người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm thực hiện theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc phân công người có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và báo cáo cho người tiếp nhận biết;
 - Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, người tiếp nhận phải hoàn thành việc cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời báo cáo với quản lý cấp trên trực tiếp về việc thực hiện công việc này.
 - Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:
 - Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
 - Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này.
 - Quyền khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
- b. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:
- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
 - Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
 - Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị của Công ty có ít nhất là 03 (ba) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười

một) thành viên.

- b. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên.
- c. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 20% số lượng thành viên là thành viên độc lập.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- a. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.
- b. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- c. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 37. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo cơ chế sau:

- a. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 10 Điều 17 Điều lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 thành viên;
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 thành viên;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 thành viên;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 thành viên;
- e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

3. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều này.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp.

- b. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
 - d. Không phải là Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - e. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
6. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.
7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán hoặc Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.
8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 7 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 38. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 39. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý tối thiểu phải họp 01 (một) lần.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày trong các trường hợp sau đây:
 - a. Nhận được đề nghị của thành viên độc lập;
 - b. Nhận được đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c. Nhận được đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 14 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
8. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
9. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể thông qua các nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, nội dung, trình tự, thủ tục được áp dụng tương tự như trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều 32 Điều lệ này. Một nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được tối thiểu 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị.
11. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự

khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

12. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
14. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được họp dưới hình thức trực tuyến tùy điều kiện căn cứ tình hình thực tế phù hợp và khả năng công nghệ của Công ty nhưng phải bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện được các quyền của mình một cách thuận lợi.

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 37 của Điều lệ này;
 - b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
 - a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.
4. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 41. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc nếu được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông mà không phải phê chuẩn lại hàng năm tại cuộc họp thường niên, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - h. Thường xuyên gặp gỡ Tổng giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc;
 - i. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - j. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - k. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - l. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
 - m. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
 - n. Quyền và nhiệm vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Ban Tổng Giám đốc công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý khác có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43. Ban Tổng giám đốc

1. Ban Tổng giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
2. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
3. Quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - a. Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - (i) Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. (Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn);
 - (ii) Tiền lương của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc) được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 - b. Trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - (i) Thực hiện trách nhiệm của Người quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật; Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
 - (ii) Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo các quy định của pháp luật về thành lập, hoạt động công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - (iii) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- (iv) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối;
- (v) Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

Điều 44. Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật.
2. Có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất 03 (ba) năm và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu 03 (ba) năm.
3. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.
4. Không bị UBCK xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng 02 (hai) năm gần nhất.
5. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác, không được là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.
6. Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Tổng giám đốc công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc 01 (một) người khác làm Tổng giám đốc và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, cụ thể như sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Kiến nghị phương án trả cổ tức, sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - g. Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty; trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị;
 - h. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - i. Tuyển dụng lao động;
 - j. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - k. Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty;
 - l. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1, 3 Điều 53 Điều lệ này.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này;
 - b. Có đơn xin từ chức;
 - c. Theo quyết định biểu quyết tán thành của từ 2/3 thành viên Hội đồng quản trị trở lên.

Điều 47. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
- a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

- d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
- a. Bố trí tối thiểu một (01) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
 - b. Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - d. Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
 - f. Yêu cầu khác phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Hoạt động kiểm soát nội bộ của công ty được tiến hành thông qua các đợt kiểm soát nội bộ định kỳ và bất thường.
4. Hoạt động kiểm soát nội bộ phải thường xuyên và liên tục để chủ động đánh giá mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật; các quy định, quy trình của Công ty.

Điều 48. Bộ phận Quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị

- 1. Bộ phận Quản trị rủi ro có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc phát hiện, quản lý, kiểm soát, ngăn ngừa các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- 2. Nhiệm vụ của bộ phận Quản trị rủi ro:
 - a. Báo cáo cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, của Công ty về quản trị rủi ro tại các bộ phận, đơn vị của Công ty;
 - b. Xem xét các quy định, quy trình đang được áp dụng để đảm bảo việc phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro theo các quy định về quản trị rủi ro của Pháp luật và Công ty. Đưa ra các báo cáo, khuyến nghị cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về việc sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro;
 - c. Tham gia khắc phục rủi ro khi xảy ra rủi ro;

- d. Theo dõi tình hình thị trường, cập nhật các chính sách, các văn bản pháp luật để kịp thời nhận diện các rủi ro mới có thể xảy ra và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro tại Công ty;
- e. Đề xuất các quy định, quy trình, biện pháp rủi ro khi xây dựng, triển khai các sản phẩm mới, dịch vụ mới;
- f. Chức năng khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 49. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty làm chủ, có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - d. Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc người quản lý khác của Công ty làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo với các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:
 - a. Các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này.
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị

trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, giao dịch cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 50. Nhiệm vụ cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý Công ty và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty (nếu có) vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty theo quy định của Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

Công ty bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hoặc công ty con của Công ty, nếu có) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hoặc công ty con của Công ty, nếu có) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG X

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 53. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Công ty

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 9 Điều 17 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty: danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản và Nghị quyết, Điều lệ Công ty của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của

cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện được ủy quyền hoặc 01 (một) bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, đánh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp 01 (một) bản Điều lệ công ty miễn phí và được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XI

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 54. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người quản lý doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII

NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Điều 56. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán. Công ty chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 57. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.
2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và phân quyền cho Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc được quyền quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 58. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

1. Điều kiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông: Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã bù đắp hết lỗ lũy kế và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Thông qua việc phân chia lợi nhuận: Đại hội đồng cổ đông quyết định về tỷ lệ, hình thức phân chia lợi nhuận và chia thưởng theo quy định của pháp luật. Mức chi trả cổ tức không được vượt quá mức đề xuất của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
4. Trường hợp cổ tức/lợi nhuận, thưởng hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể

thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở cổ đông cung cấp. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức, lợi nhuận, thưởng: Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách cổ đông cụ thể và ngày chi trả cổ tức, thưởng theo phương án của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 59. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 60. Trích lập các quỹ hàng năm

1. Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế:
 - a. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - b. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 61. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin
 - a. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;
 - b. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.
2. Nội dung công bố thông tin
 - a. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:
 - Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin bất thường khác;

- Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
- b. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất 01 (một) cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:
 - a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề về quản trị công ty theo quy định.
- 4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.
- 5.

CHƯƠNG XIV

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 62. Dấu của doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị quyết định hình thức và số lượng con dấu của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG XV

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, PHÁ SẼ

Điều 63. Các tranh chấp có thể xảy ra

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay Người quản lý Công ty;
 - c. Khách hàng hoặc các đối tác khác liên quan với Công ty.
2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: Các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hoặc các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 64. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thương lượng và hòa giải: Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định 01 (một) chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Chi phí thương lượng, hòa giải và chi phí của Tòa án:
 - a. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải;
 - b. Các chi phí của Tòa án do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.
4. Trường hợp bế tắc trong giải quyết tranh chấp giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông dẫn tới việc Công ty không thể tiếp tục hoạt động, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hoặc một số căn cứ sau:
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
 - b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cho tất cả các cổ đông.

Điều 65. Tổ chức lại công ty

1. Công ty thực hiện: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình công ty chứng khoán sau khi được UBCK chấp thuận.
2. Trình tự, thủ tục tiến hành theo một trong các hoạt động theo khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 66. Giải thể

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Đại hội đồng Cổ đông quyết định giải thể Công ty và được UBCK chấp thuận;
 - b. UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
3. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng quản trị và pháp luật.
4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
1. Trường hợp mất khả năng thanh toán, Công ty phải thực hiện giải thể theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 67. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý bao gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi ưu tiên thanh toán trước.

Điều 68. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG XVI SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XVII

HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 70. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 17 Chương và 70 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhất trí thông qua ngày .../.../2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.
2. Điều lệ này được lập thành 01 bản chính.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số Hội đồng quản trị.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày .../.../2025.
6. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

ĐẶNG HUY PHONG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 04/2025/NVS/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: sửa đổi Quy chế Đầu tư Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Quy chế Đầu tư Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS);
- Tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc sửa đổi Quy chế đầu tư công ty nhằm phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Công ty. Chi tiết sửa đổi tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐẶNG HUY PHONG

CHI TIẾT SỬA ĐỔI QUY CHẾ ĐẦU TƯ

(Kèm theo tờ trình số 04/2025/NVS/TT-HĐQT về sửa đổi Quy chế Đầu tư Công ty)



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Lý do sửa đổi
1	Điểm 2.2.2 Khoản 2.2 Điều 2	- Ngắn hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng. - Trung hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng. - Dài hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.	- Ngắn hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ nhỏ hơn hoặc bằng 1 năm. - Trung hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ trên 1 năm đến dưới 3 năm. - Dài hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ 3 năm trở lên.	Nhằm phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động đầu tư thực tế của Công ty.
2	Điểm a khoản 4.4 Điều 4	Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị dưới 50 tỷ đồng/giao dịch.	Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị từ 50 tỷ đồng trở xuống trên một giao dịch	Phù hợp để đàm phán giá trị các hợp đồng theo thông lệ thỏa thuận giao dịch trên thị trường hiện nay.

HẾT./.

QUY CHẾ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 01/2025/NVS/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng

- Định hướng hoạt động đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS), đề ra các quy tắc, các hạn mức, các tiêu chí cần tuân thủ trong hoạt động đầu tư.
- Làm cơ sở cho việc chi tiết hóa các hoạt động đầu tư, quản trị rủi ro thông qua quy trình, quy chế cụ thể của Công ty.
- Quy chế này áp dụng cho tất cả các hoạt động đầu tư của NVS.

Điều 2. Giải thích từ ngữ, định nghĩa

2.1. Các từ ngữ:

- Tiền khả dụng là tiền có thể sử dụng được ngay.
- Đầu tư là hoạt động chuyển tài sản từ dạng tiền khả dụng sang loại tài sản khác như cổ phiếu, trái phiếu, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn... nhằm mục đích thu lợi nhuận.
- Thoái đầu tư / thanh lý đầu tư là việc chuyển các dạng tài sản đầu tư sang dạng tiền khả dụng.
- Khoản đầu tư là trạng thái đầu tư vào một chứng khoán, một công ty, một dự án... theo giá trị giao dịch (giá trị mua/giá trị bán). Mỗi khoản đầu tư có thể được giải ngân theo nhiều lần, nhiều món khác nhau.
- Đề xuất đầu tư là văn bản được lập với mục đích đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét quyết định đầu tư. Đề xuất đầu tư gồm 2 phần: đánh giá cổ phiếu / doanh nghiệp / dự án và phần phương án đầu tư đề nghị.
- Mức cắt lỗ là tỷ lệ phần trăm phản ánh giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá thị trường so với giá trị mua vào của khoản đầu tư đó bị giảm tới hoặc cận kề tỷ lệ đó thì bắt buộc phải thanh lý khoản đầu tư.

2.2. Định nghĩa loại hình và kỳ hạn đầu tư:

2.2.1. Loại hình đầu tư:

- Đầu tư cổ phần riêng lẻ: đầu tư vào dự án, cổ phần của công ty chưa đại chúng.
- Đầu tư cổ phần công ty đại chúng:

- Đầu tư cổ phiếu niêm yết: đầu tư vào cổ phiếu giao dịch trên thị trường niêm yết chính thức.
- Đầu tư cổ phiếu OTC: đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết.
- Đầu tư công cụ nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - Các giao dịch mua bán trái phiếu.
 - Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, các giao dịch kỳ hạn có đảm bảo hoặc các loại hình đầu tư thu lợi tức cố định khác.

2.2.2. Kỳ hạn:

- Ngắn hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ nhỏ hơn hoặc bằng 1 năm .
- Trung hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ trên 1 năm đến dưới 3 năm.
- Dài hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ 3 năm trở lên.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM VÀ PHÂN CẤP

Điều 3. Trách nhiệm

3.1. Đại hội đồng cổ đông

- Phê duyệt và ban hành Quy chế Đầu tư trên cơ sở dự thảo đề xuất của Hội đồng quản trị;
- Quyết định định hướng kế hoạch đầu tư hàng năm;
- Xem xét và ra quyết định đối với các khoản đầu tư vượt thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Ủy quyền hạn mức ra quyết định đầu tư cho Hội đồng quản trị theo Quy chế này phù hợp với từng thời kỳ.

3.2. Hội đồng quản trị

- Trình Quy chế Đầu tư để Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Quyết định định hướng kế hoạch và ngân sách đầu tư hàng năm theo thẩm quyền;
- Xem xét và ra quyết định đối với các khoản đầu tư vượt thẩm quyền Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Trình Đại Hội đồng cổ đông đối với các giao dịch vượt thẩm quyền;
- Ủy quyền hạn mức ra quyết định đầu tư cho Tổng giám đốc theo Quy chế này phù hợp với từng thời kỳ.

3.3. Tổng giám đốc

- Chịu trách nhiệm đảm bảo các hoạt động đầu tư phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Quy chế này;
- Đề xuất các khoản đầu tư vượt thẩm quyền lên Hội đồng quản trị;

- Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư từng giai đoạn cụ thể dựa trên Quy chế Đầu tư và kế hoạch đầu tư hàng năm;
- Ban hành các quy định liên quan đến hoạt động đầu tư;
- Ra quyết định đối với các hoạt động đầu tư (đề xuất đầu tư, quản lý trạng thái đầu tư...) trong phạm vi thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Ủy quyền quyết định đầu tư cho các cấp dưới phù hợp với Quy chế này.

3.4. Phòng Tự doanh

- Đề xuất lên Tổng giám đốc để trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định, ban hành, sửa đổi Quy chế Đầu tư;
- Xây dựng quy trình đầu tư và tham gia xây dựng các quy trình liên quan trình Tổng giám đốc xem xét ban hành;
- Xây dựng, đề xuất định hướng, kế hoạch đầu tư từng giai đoạn cụ thể;
- Đánh giá, đệ trình lên Tổng giám đốc các đề xuất đầu tư;
- Theo dõi thường xuyên, liên tục hiện trạng danh mục đầu tư gắn với biến động của thị trường và báo cáo đầy đủ tình hình đầu tư của Công ty cho các cấp, bộ phận có liên quan; chủ động đề xuất, thực hiện các biện pháp điều chỉnh trong phạm vi thẩm quyền và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Bảo đảm tuân thủ Quy chế Đầu tư, các quy trình đầu tư; chủ động thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro và tuân thủ quy trình quản trị rủi ro;
- Bảo đảm thực hiện đúng chiến lược đầu tư, kế hoạch từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Bảo đảm hiệu quả đầu tư và quản lý tập trung toàn bộ danh mục đầu tư của NVS;
- Bảo mật thông tin các hoạt động đầu tư theo quy định.

Điều 4. Phân cấp ra quyết định đầu tư

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông xem xét và ra quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 45% (bốn mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, theo đề nghị của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Điều lệ công ty, pháp luật có quy định khác.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị xem xét và ra quyết định đầu tư, mua, bán số tài sản có giá trị dưới 45% (bốn mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, theo đề nghị của Tổng giám đốc, trừ trường hợp Điều lệ công ty, pháp luật có quy định khác.

4.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Tổng giám đốc theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:

- Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và cổ phiếu của công ty đại chúng có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NVS.

- Khoản đầu tư hưởng lãi suất bao gồm các hợp đồng tiền gửi, các giao dịch mua bán trái phiếu, các giao dịch kỳ hạn có đảm bảo, các hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc các loại hình kinh doanh thu lợi tức cố định khác, có giá trị dưới 45% (bốn mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NVS.

4.4. Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Phòng Tự doanh theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:

- Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị từ 50 tỷ đồng trở xuống trên một giao dịch.
- Khoản đầu tư loại hình tiền gửi, trái phiếu hoặc các hình thức kinh doanh hưởng lợi tức cố định khác, có giá trị không quá 80 tỷ đồng/giao dịch.

4.5. Ủy quyền cho cấp dưới

Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho cấp dưới, bao gồm nhưng không giới hạn, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Môi giới, Trưởng Phòng Tự doanh trong việc triển khai việc đầu tư nhưng phải tuân thủ quy định về điều kiện, tổng hạn mức áp dụng như áp dụng đối với Tổng giám đốc.

CHƯƠNG III

QUY TẮC, TIÊU CHÍ ĐẦU TƯ VÀ NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ

Điều 5. Quy tắc đầu tư

Việc quyết định đầu tư, thoái đầu tư và duy trì trạng thái đầu tư phải bảo đảm:

- 5.1. Tuân thủ Quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, bảo đảm chỉ tiêu vốn khả dụng không thấp hơn 180%;
- 5.2. Tuân thủ quy định của Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động công ty chứng khoán. Theo đó, NVS phải đảm bảo:
 - Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không được vượt quá 05 (năm) lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm các khoản sau đây:
 - Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng;
 - Quỹ khen thưởng phúc lợi;
 - Dự phòng trợ cấp mất việc làm;
 - Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
 - Nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán tối đa bằng tài sản ngắn hạn.
 - Không đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào các trái phiếu doanh nghiệp.
 - Không trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

- Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- e) Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán;
- f) Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán đối với một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán;
- g) Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán;
- h) Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.
- 5.3.** Bảo đảm tuân thủ quy định về giao dịch của cổ đông nội bộ, về công bố thông tin, về trình tự, thủ tục đầu tư, về giao dịch theo quy định của pháp luật, của các Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Điều lệ của Công ty.

Điều 6. Các tiêu chí đầu tư

- 6.1.** Đầu tư cổ phiếu niêm yết, OTC (trừ các khoản đầu tư ngắn hạn) phải có tỷ suất thu hồi vốn (ROI) dự phóng không nhỏ hơn lãi suất huy động của ngân hàng thương mại tương ứng với kỳ hạn đầu tư và có tính thanh khoản. Giá đầu tư cổ phiếu OTC phải được so sánh với giá thực giao dịch được cung cấp một cách độc lập bởi Kế toán và/hoặc Tư vấn đầu tư.
- 6.2.** Đầu tư dài hạn vào công ty, dự án: Giá trị hiện tại ròng (NPV) tối thiểu lớn hơn 0 (không âm), tỷ suất sinh lợi nội tại (IRR) phải lớn hơn hoặc bằng lãi suất cơ bản hiện hành. Thời gian hoàn vốn của dự án không lớn hơn 10 năm. Thời gian từ lúc bắt đầu triển khai đến khi hoàn tất dự án đưa vào khai thác không lớn hơn 3 năm. Việc đánh giá các tiêu chí trên phải do một nhóm nghiên cứu có sự tham gia của các bộ phận liên quan đưa ra.
- 6.3.** Các khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết ngắn hạn phải đảm bảo thực hiện đúng hệ thống các nguyên tắc đầu tư được Tổng giám đốc phê duyệt.
- 6.4.** Các khoản đầu tư không thỏa mãn các tiêu chí nêu trên phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 7. Ngân sách đầu tư

Kế hoạch và hạn mức ngân sách đầu tư hàng năm do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản

trị xem xét quyết định.

CHƯƠNG V

QUY TRÌNH XEM XÉT, RA QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

Điều 8. Xây dựng kế hoạch, định hướng

Hàng năm, Phòng Tự doanh xây dựng Kế hoạch đầu tư năm trình Tổng giám đốc xem xét và cân đối chung trong Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch tài chính hàng năm trình Hội đồng quản trị và trình Đại hội Cổ đông phê duyệt.

Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư năm đã được phê duyệt, Phòng Tự doanh xây dựng kế hoạch đầu tư cụ thể trình Tổng giám đốc xét duyệt. Kế hoạch quý sẽ bao gồm (nhưng không giới hạn) định hướng danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết và hạn mức theo cách thức như sau:

- Định hướng nhóm ngành/nhóm cổ phiếu dự kiến đầu tư cho giai đoạn đó và danh mục sơ bộ các cổ phiếu có thể xem xét.
- Hiện trạng và dự kiến điều chỉnh trạng thái danh mục đầu tư hiện tại.
- Kế hoạch đầu tư dự kiến trong quý và dự kiến phân bổ sơ bộ các khoản đầu tư theo nhóm ngành/nhóm cổ phiếu và phương thức đầu tư (đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn,...).

Tổng giám đốc xem xét quyết định kế hoạch đầu tư này. Tổng giám đốc có thể yêu cầu bộ phận phân tích/tư vấn đầu tư đánh giá độc lập các kế hoạch đầu tư.

Kế hoạch trên phải được báo cáo đánh giá thực hiện sau mỗi quý hoặc theo yêu cầu của Tổng giám đốc hoặc trong các trường hợp điều chỉnh giữa quý bởi Phòng Tự doanh.

Điều 9. Tìm kiếm cơ hội đầu tư và đề xuất đầu tư

- Phòng Tự doanh chủ động tìm kiếm, đánh giá, và đề xuất cơ hội đầu tư lên cấp có thẩm quyền phù hợp với định hướng, kế hoạch đầu tư từng thời kỳ đã được phê duyệt.
- Bộ phận phân tích/tư vấn đầu tư phối hợp Phòng Tự doanh, theo yêu cầu của Tổng giám đốc hoặc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, kết hợp tìm kiếm, phát hiện cơ hội đầu tư và thông báo cho Phòng Tự doanh và/hoặc Tổng giám đốc.
- Mọi hoạt động đầu tư phải có đề xuất đầu tư của Phòng Tự doanh dựa trên cơ sở đánh giá cơ hội đầu tư. Phòng Tự doanh chủ động tổ chức đánh giá cơ hội đầu tư và phối hợp tham khảo ý kiến các bộ phận liên quan trước khi báo cáo Tổng giám đốc. Phòng Tự vấn tài chính và các phòng ban, bộ phận khác phối hợp đánh giá, đề xuất cơ hội đầu tư theo yêu cầu của Phòng Tự doanh hoặc Tổng giám đốc.
- Văn bản đề xuất đầu tư báo cáo Tổng giám đốc gồm 2 phần: Đánh giá cổ phiếu / doanh nghiệp / dự án; Phương án đầu tư đề nghị. Đánh giá phải nêu các chỉ số tài chính cơ bản của doanh nghiệp, các chỉ số kỹ thuật liên quan dựa trên nguồn thông tin chính thức và các nguồn thông tin hỗ trợ khác (nếu có). Phương án đầu tư phải nêu rõ ngưỡng giá mua, ngưỡng cắt lỗ, lợi nhuận kỳ vọng/ngưỡng bán, tổng số tiền đầu tư dự kiến, phương thức mua – bán, thời gian mua dự kiến, thời gian nắm giữ khoản đầu tư.

Điều 10. Xem xét, ra quyết định đầu tư

10.1. Trường hợp trong phạm vi được uỷ quyền của Phòng Tự doanh

Phòng Tự doanh chủ động tổ chức đánh giá, quyết định và thực hiện khoản đầu tư theo thẩm quyền. Phó Tổng giám đốc phụ trách Phòng Tự doanh hoặc Trưởng phòng phụ trách Phòng Tự

doanh trực tiếp xem xét và phê duyệt đề xuất đầu tư do cán bộ đầu tư trình theo phạm vi được uỷ quyền.

Trong mọi trường hợp, Tổng giám đốc có thể yêu cầu Phòng Tự doanh trình các đề xuất đầu tư để Tổng giám đốc đánh giá, hoặc yêu cầu các bộ phận phân tích/tư vấn đầu tư đánh giá và Tổng giám đốc phê duyệt trước khi Phòng Tự doanh có thể thực hiện đầu tư.

10.2. Trường hợp vượt phạm vi được uỷ quyền của Phòng Tự doanh nhưng trong thẩm quyền của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc xem xét, ra quyết định đầu tư đối với các đề xuất đầu tư trong phạm vi thẩm quyền. Trong các trường hợp khác, Tổng giám đốc yêu cầu các bộ phận phân tích/tư vấn đầu tư và/hoặc bộ phận liên quan khác đánh giá bổ sung các đề xuất đầu tư trước khi ra quyết định đầu tư.

Trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt hoặc trường hợp cần thiết khác, Tổng giám đốc có thể uỷ quyền cho Phó Tổng giám đốc hoặc Trưởng phòng Đầu tư xem xét ra quyết định đầu tư đối với các đề xuất đầu tư trong phạm vi thẩm quyền của Tổng giám đốc trên cơ sở “đồng ý” của Tổng giám đốc chấp thuận qua email.

10.3. Trường hợp vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc, hoặc khi Hội đồng quản trị có yêu cầu cụ thể

Trường hợp khoản đầu tư vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc trình Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền.

Trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt hoặc trường hợp cần thiết khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các khoản đầu tư vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc hoặc trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

CHƯƠNG VI

THỰC HIỆN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DANH MỤC

Điều 11. Thực hiện đầu tư và báo cáo kết quả

Trên cơ sở các đề xuất đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Phòng Tự doanh phối hợp với các bộ phận môi giới, tư vấn và các nguồn thông tin khác để xác định hiện trạng cung cầu và thực hiện đầu tư theo mức giá tốt nhất có thể và đúng phương án đầu tư đã được duyệt.

Sau khi thực hiện đầu tư, Phòng Tự doanh báo cáo các bộ phận liên quan (Tổng giám đốc, phòng Tài chính - Kế toán). Phòng Tài chính - Kế toán căn cứ đề xuất đầu tư đã được duyệt và đề xuất chuyển tiền của Trưởng phòng Tự doanh để thực hiện chuyển tiền phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết với khách hàng.

Điều 12. Báo cáo hiện trạng danh mục

Theo định kỳ dưới đây, Phòng Tự doanh báo cáo hiện trạng danh mục đầu tư cổ phiếu, cập nhật kết quả đầu tư trong kỳ và giá hiện tại cho Tổng giám đốc, Phòng Tài chính - Kế toán và các cấp, bộ phận liên quan khác và chủ động đề xuất thực hiện các biện pháp điều chỉnh danh mục trong phạm vi thẩm quyền và theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

- Đối với danh mục đầu tư niêm yết: định kỳ hàng ngày sau phiên giao dịch;
- Đối với danh mục đầu tư OTC: định kỳ hàng tuần hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng giám đốc;

- Đối với tổng hợp toàn bộ danh mục đầu tư: định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng giám đốc.

Báo cáo tổng hợp hàng tháng bao gồm danh mục hiện tại, hoạt động đầu tư trong tháng, kết quả lãi lỗ trong tháng, đánh giá chung quá trình đầu tư và định hướng cho hoạt động đầu tư tháng tiếp theo.

Điều 13. Quản lý hồ sơ, thông tin

Các chứng từ gốc liên quan đến các quyết định đầu tư, chứng từ chuyển tiền, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần được lưu trữ kèm chứng từ kế toán và được bảo quản bởi Phòng Tài chính - Kế toán. Phòng Tự doanh và các bộ phận liên quan đến khoản đầu tư chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ đầu tư (bao gồm kế hoạch đầu tư được duyệt, quyết định đầu tư, tờ trình/đề xuất đầu tư, bản phân tích/đánh giá khoản đầu tư, và tài liệu liên quan khác) và bảo mật thông tin liên quan đến phạm vi quản lý của bộ phận mình.

CHƯƠNG VII

QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 14. Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong quản trị rủi ro

Xem xét hoạt động đầu tư về tính tuân thủ các quy chế, quy trình đầu tư và các quy định khác có liên quan của hoạt động đầu tư. Phát hiện và đề xuất xử lý các vi phạm tới Hội đồng quản trị và các cấp có liên quan.

Điều 15. Cắt lỗ và hiện thực hoá lợi nhuận

- Mức cắt lỗ tối đa được phép áp dụng trong các phương án, kế hoạch đầu tư không được vượt quá 15% với trường hợp đầu tư cổ phiếu niêm yết và không được vượt quá 20% với trường hợp đầu tư cổ phiếu OTC. Trong trường hợp toàn danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết và/hoặc cổ phiếu OTC chưa đến hạn mức cắt lỗ như trên nhưng trong đó có một mã chứng khoán niêm yết bị lỗ tới 15% hoặc cổ phiếu OTC lỗ tới 20% thì phải cắt lỗ mã chứng khoán hoặc cổ phiếu OTC đó để đảm bảo an toàn tài chính cho toàn danh mục.
- Phòng Tự doanh chịu trách nhiệm theo dõi biến động giá của các chứng khoán nắm giữ để xử lý cắt lỗ hoặc hiện thực hóa lợi nhuận khi giá chạm ngưỡng theo phương án đầu tư ban đầu đã được phê duyệt.
- Căn cứ trên thực tế diễn biến thị trường và đánh giá xu hướng biến động, Phòng Tự doanh chủ động báo cáo và trình xin ý kiến Tổng giám đốc về việc điều chỉnh mức hiện thực hóa lợi nhuận, mức cắt lỗ khi cần thiết.
- Các tình huống đặc biệt, mức cắt lỗ cần phải điều chỉnh trên mức 20% thì phải được sự chấp thuận của Tổng giám đốc nhưng tỷ lệ cắt lỗ điều chỉnh không lớn hơn 200% tỷ lệ cắt lỗ đã được phê duyệt trong phương án đầu tư ban đầu.
- Trong thực tế, nếu xảy ra trường hợp Phòng Tự doanh không thực hiện được việc cắt lỗ do các lý do bất khả kháng như: cổ phiếu chưa về tài khoản, chưa niêm yết bổ sung, thị trường mất tính thanh khoản,... thì Phòng Tự doanh phải chủ động báo cáo Tổng giám đốc.
- Phòng Tự doanh thực hiện cân đối giữa lãi/lỗ đã hiện thực hoá và phần chưa hiện thực hoá theo chỉ đạo của Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

- 16.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 16.2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 16.3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Khi có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này trái với quy định của Pháp luật thì sẽ đương nhiên hết hiệu lực thì hành.
- 16.4. Các cấp, các bộ phận và cán bộ có liên quan của NVS có trách nhiệm thi hành Quy chế này.
- 16.5. Quy chế này gồm 8 Chương và 16 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2023.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đặng Huy Phong

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 05/2025/NVS/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi số lượng Người đại diện theo pháp luật và Đăng ký thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS);
- Tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc sửa đổi số lượng Người đại diện theo pháp luật và Thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty như sau:

Số lượng Người đại diện theo pháp luật: 01 người là Chủ tịch HĐQT.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐẶNG HUY PHONG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 06/2025/NVS/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - Ông Phan Anh Tuấn và ông Lê Nguyễn Hoàng Anh

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS),

Ngày 02/12/2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhận được Đơn Đề nghị từ nhiệm từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty của ông Phan Anh Tuấn.

Theo đó, ông Phan Anh Tuấn từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty trong các nhiệm kỳ tiếp theo.

Đồng thời, theo Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp quy định: “Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục”.

Căn cứ vào quy định nêu trên, căn cứ theo Điều lệ Công ty và xét thấy đề nghị của ông Phan Anh Tuấn là hợp lý.

Đồng thời, ông Lê Nguyễn Hoàng Anh cũng đã hết nhiệm kỳ Thành viên Hội đồng quản trị năm 2020-2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - ông Phan Anh Tuấn do nhận được Đơn đề nghị từ nhiệm và ông Lê Nguyễn Hoàng Anh do hết nhiệm kỳ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!



Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẶNG HUY PHONG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2025

**ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK NHIỆM KỲ 2025-2030**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Đồng kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Tôi tên là: Nguyễn Hoàng Kỳ Lân

CCCD số: 079096006245 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 27/11/2021

là cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đại diện cho 7.735.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 30,694% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 tháng liên tục của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank, tôi xin gửi đến Đại hội đồng cổ đông Công ty đề cử và đề nghị như sau:

1. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị

a. Đề cử Ông: Đặng Nguyễn Nam Anh

Ngày sinh: 31/01/2000

Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh

CCCD số 079200088888 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 05/05/2022

Địa chỉ thường trú: 90 Đường Lê Lợi, Khu Phố 8, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Trình độ học vấn: Cử nhân

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần

Bằng chữ: Không cổ phần

Tương ứng với tổng mệnh giá là: 0 đồng.

Làm ứng cử viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

b. Đề cử Ông: Hoàng Gia Bảo

Ngày sinh: 09/07/1999

Nơi sinh: Tỉnh Kon Tum

CCCD số 062099004144 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 14/06/2024

Địa chỉ thường trú: Thôn 4, Xã Hòa Bình, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Trình độ học vấn: Cử nhân

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần

Bằng chữ: Không cổ phần.

Tương ứng với tổng mệnh giá là: 0 đồng.

Làm ứng cử viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

- Đề nghị bổ sung nội dung xem xét bổ nhiệm bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị là các ứng cử viên đã được đề cử nêu trên vào nội dung họp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Tôi/chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của người được đề cử theo mẫu của Công ty;
- Bản sao hợp lệ CCCD/Hộ chiếu, toàn bộ các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn liên quan chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên;
- Trích lục sổ đăng ký cổ đông ngày 17/13/2025 – ngày chốt danh sách họp ĐHĐCĐ thường niên 2025

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ



NGUYỄN HOÀNG KỲ LÂN

TT	Loại Chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Số Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Mã số người hành nghề chứng khoán
----	---	---------------------------	----------	--------------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
3				

Ghi chú:

- Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Môi giới chứng khoán; phân tích tài chính; quản lý quỹ.
- Mã số người hành nghề chứng khoán do UBCKNN xác định.

11. Quá trình làm việc

TT	Thời gian (Tháng/Năm)	Nơi làm việc (Tên tổ chức làm việc)	Chức vụ	Vị trí làm việc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	06/2021 - Nay	Công ty cổ phần Red Franchise	Nhân viên tài chính	Nhân viên
2				
3				

12. Người có liên quan (là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán)

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	GCNĐKKD (tổ chức)/CMND, CCCD (Công dân Việt Nam)/Hộ chiếu (Người nước ngoài) ngày cấp, nơi cấp	Nơi học tập/ làm việc/ khác	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hoàng Quốc Cường	Ba	040074010683 cấp ngày 27/12/2021 tại CCSQLHCTTXH		Giáo viên	Không có	0
2	Nguyễn Kim Hằng	Mẹ	049173004677 cấp ngày 27/12/2021 tại CCSQLHCTTXH. 7		Giáo viên	Không có	0
3	Hoàng Nguyễn Bảo	Em ruột	062303001267 cấp ngày 08/04/2021 tại CCSQLHCTTXH		Sinh viên	Không có	0



	Hân						
--	-----	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: Đối tượng áp dụng là cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ công ty chứng khoán, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

13. Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp được đại diện (*trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân*): Không có

TT	Tổ chức góp vốn	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ đại diện (%)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					

Ghi chú:

- Cột (5) Tỷ lệ đại diện là tỷ lệ % vốn góp của tổ chức góp vốn mà người kê khai được quyền đại diện.
- Cột (6) Tỷ lệ nắm giữ là tỷ lệ % vốn góp của người kê khai nắm giữ.
- Cá nhân xin cấp CCHNCK, xin cấp lại CCHNCK chỉ kê khai thông tin từ mục 1 đến mục 11.
- Cá nhân là người nước ngoài khi kê khai thông tin tại mục 7 phải kê khai cả địa chỉ ở nước sở tại và địa chỉ hiện tại ở Việt Nam.

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hoàng Gia Bảo

HOÀNG GIA BẢO

Công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn



VO QUỐC HOÀNG

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF
THE UNIVERSITY OF ECONOMICS HO CHI MINH CITY

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

IN FINANCE AND BANKING

(ADVANCED PROGRAMME)

Upon: **Mr HOANG GIA BAO**

Date of birth: 09 July 1999

Degree classification: Distinction

Given under the seal of
The University of Economics Ho Chi Minh City

Serial number: **0036787**

Reference number: 4342-2020-CQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

(CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)

Cho: Ông **HOÀNG GIA BẢO**

Ngày sinh: 09/7/1999

Hạng tốt nghiệp: Giỏi

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2020



GS.TS. Sử Đình Thành



Số hiệu: **0036787**

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: 4342-2020-CQ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness



CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Citizen Identity Card

Số / No.: **062099004144**

Họ và tên / Full name:

HOÀNG GIA BẢO

Ngày sinh / Date of birth: **09/07/1999**

Giới tính / Sex: **Nam** Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**

Quê quán / Place of origin:

Nghi Kiều, Nghi Lộc, Nghệ An

Nơi thường trú / Place of residence: **Thôn 4**

Hòa Bình, TP. Kon Tum, Kon Tum

Có giá trị đến: **09/07/2039**
Date of expiry



IDVNM0990041443062099004144<<3
9907098M3907096VNM<<<<<<<<<0
HOANG<<GIA<BAO<<<<<<<<<<<<

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 07/2025/NVS/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: bổ sung 02 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030

theo đề cử tại Đơn đề cử thành viên HĐQT của cổ đông Công ty – Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS),

Ngày 17/03/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhận được Đơn đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2025 – 2030 kèm đề nghị bổ sung nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Theo đó, ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân đề cử 02 ứng cử viên thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030 với thông tin như sau:

1. Đề cử Ông: Đặng Nguyễn Nam Anh

Ngày sinh: 31/01/2000

Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh

CCCD số 079200088888 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 05/05/2022

Địa chỉ thường trú: 90 Đường Lê Lợi, Khu Phố 8, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Trình độ học vấn: Cử nhân

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần

Bằng chữ: Không cổ phần

Tương ứng với tổng mệnh giá là: 0 đồng.

Làm ứng cử viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

2. Đề cử Ông: Hoàng Gia Bảo



Ngày sinh: 09/07/1999

Nơi sinh: Tỉnh Kon Tum

CCCD số 062099004144 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 14/06/2024

Địa chỉ thường trú: Thôn 4, Xã Hòa Bình, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Trình độ học vấn: Cử nhân

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần

Bằng chữ: Không cổ phần

Tương ứng với tổng mệnh giá là: 0 đồng.

Làm ứng cử viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2025 – 2030 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc bổ nhiệm bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với 02 ứng viên được đề cử nêu trên tại Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ĐẶNG HUY PHONG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2025

**ĐƠN TỪ CHỐI ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK NHIỆM KỲ 2025-2030**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Đồng kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Tôi tên là: **ĐẶNG NGUYỄN NAM ANH**

CCCD số: 079200088888 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 01/02/2025

Ngày 17/03/2025, tôi được đề cử làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2025 – 2030 theo Đơn đề cử của cổ đông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân. Tôi rất vinh dự khi được đề cử vào vị trí này. Tuy nhiên, trong thời gian tới, vì lý do cá nhân và lịch trình bận rộn, do đó thời điểm hiện tại tôi không thể đảm nhiệm được vị trí này.

Vì vậy, tôi xin từ chối được đề cử trở thành thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhiệm kỳ 2025 – 2030. Rất mong Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và chấp thuận đề nghị của tôi.

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI LÀM ĐƠN



ĐẶNG NGUYỄN NAM ANH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 08/2025/NVS/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Tái bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do hết nhiệm kỳ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS),

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp quy định: “Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục”.

Theo quy định nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc tái bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ 2025-2030, bao gồm các thành viên sau:

- + Ông Đặng Huy Phong
- + Ông Nguyễn Hoàng Kỳ Lân
- + Ông Lê Chí Phúc

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ĐẶNG HUY PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2025

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG NỘI DUNG HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)

Đồng kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Tôi tên là: Phạm Thị Yên

CCCD số: 020185008578 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 14/02/2025

là cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank đại diện cho 4.215.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16.73% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 06 tháng liên tục của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank, tôi xin gửi đến Đại hội đồng cổ đông Công ty đề nghị bổ sung nội dung hợp ĐHĐCĐ thường niên 2025 để thảo luận và thông qua việc thay đổi mô hình quản trị của Công ty như sau:

Hiện nay, NVS đang hoạt động với mô hình tổ chức quản lý ĐHĐCĐ – HĐQT – Tổng Giám đốc - Ủy ban kiểm toán, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, cụ thể: “Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.”.

Tuy nhiên, có một số vấn đề trong mô hình tổ chức này như sau:

- Trong trường hợp NVS chỉ có 4 thành viên HĐQT, thì 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên HĐQT độc lập, tức là 02 thành viên. Trong trường hợp có thành viên miễn nhiệm là thành viên độc lập, dẫn đến việc bắt buộc phải bổ sung thành viên HĐQT theo điểm b khoản 1 Điều 140 Luật doanh nghiệp: “Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật”. Điều này gây ra nhiều khó khăn trong công

tác quản trị, không chỉ làm gián đoạn hoạt động của HĐQT mà còn phát sinh các thủ tục pháp lý phức tạp, mất thời gian và ảnh hưởng đến tính linh hoạt trong điều hành doanh nghiệp.

- Ngoài ra, trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty là thành viên của Ủy ban kiểm toán (UBKT) bất ngờ rút lui hoặc bị miễn nhiệm, điều này có thể kéo theo việc UBKT không đảm bảo đủ tối thiểu 2 thành viên theo quy định trong một khoảng thời gian dài. Tình huống này không chỉ ảnh hưởng đến tính tuân thủ trong hệ thống kiểm soát nội bộ, mà làm giảm hiệu quả điều hành và tiềm ẩn nguy cơ mất cân đối trong cơ cấu quản trị doanh nghiệp.

Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp quy định hai loại mô hình tổ chức như sau: “Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:

a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;

b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành”

Như vậy, nếu lựa chọn mô hình tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, trong bối cảnh NVS có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, Công ty không bắt buộc phải thành lập Ban kiểm soát. Theo đó, NVS có thể vận hành theo mô hình tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị – Tổng Giám đốc. Việc áp dụng mô hình này vừa đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, vừa giúp tinh gọn bộ máy quản trị, nâng cao tính linh hoạt trong điều hành, đồng thời giảm thiểu chi phí và thủ tục hành chính phát sinh liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị bổ sung nội dung hợp nêu trên vào cuộc họp để thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

PHẠM THỊ YẾN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 10/2025/NVS/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: thay đổi mô hình tổ chức quản lý công ty theo Đơn đề nghị bổ sung nội dung hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của bà Phạm Thị Yến

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS),

Ngày 15/04/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhận được Đơn đề nghị bổ sung nội dung hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của cổ đông là bà Phạm Thị Yến.

Theo đó, bà Phạm Thị Yến đề nghị bổ sung nội dung thảo luận và thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý Công ty vào nội dung hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Xét thấy đề nghị của bà Phạm Thị Yến là hợp lý, HĐQT kính trình tới ĐHĐCĐ về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý Công ty như sau:

Hiện nay, NVS đang hoạt động với mô hình tổ chức quản lý ĐHĐCĐ – HĐQT – Tổng Giám đốc - Ủy ban kiểm toán, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, cụ thể: “Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.”.

Tuy nhiên, có một số vấn đề trong mô hình tổ chức này như sau:

- Trong trường hợp NVS chỉ có 4 thành viên HĐQT, thì 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên HĐQT độc lập, tức là 02 thành viên. Trong trường hợp có thành viên miễn nhiệm là thành viên độc lập, dẫn đến việc bắt buộc phải bổ sung thành viên HĐQT theo điểm b khoản 1 Điều 140 Luật doanh nghiệp: “Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật”.



Điều này gây ra nhiều khó khăn trong công tác quản trị, không chỉ làm gián đoạn hoạt động của HĐQT mà còn phát sinh các thủ tục pháp lý phức tạp, mất thời gian và ảnh hưởng đến tính linh hoạt trong điều hành doanh nghiệp.

- Ngoài ra, trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty là thành viên của Ủy ban kiểm toán (UBKT) bất ngờ rút lui hoặc bị miễn nhiệm, điều này có thể kéo theo việc UBKT không đảm bảo đủ tối thiểu 2 thành viên theo quy định trong một khoảng thời gian dài. Tình huống này không chỉ ảnh hưởng đến tính tuân thủ trong hệ thống kiểm soát nội bộ, mà làm giảm hiệu quả điều hành và tiềm ẩn nguy cơ mất cân đối trong cơ cấu quản trị doanh nghiệp.

Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp quy định hai loại mô hình tổ chức như sau: “Trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:

- a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;
- b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành”

Như vậy, nếu lựa chọn mô hình tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, trong bối cảnh NVS có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, Công ty không bắt buộc phải thành lập Ban kiểm soát. Theo đó, NVS có thể vận hành theo mô hình tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị – Tổng Giám đốc. Việc áp dụng mô hình này vừa đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, vừa giúp tinh gọn bộ máy quản trị, nâng cao tính linh hoạt trong điều hành, đồng thời giảm thiểu chi phí và thủ tục hành chính phát sinh liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu P.HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẶNG HUY PHONG